



THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint-Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Diệp Tường Bảo

Xã luận

Nông Đức Mạnh, tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam

Dù muốn hay không thì đại hội 9 của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã là đại hội chuyển giao thế hệ. Những nhân vật có thành tích lớn trong chiến thắng đã về hưu. Với sự bãi bỏ các chức vụ cố vấn, vai trò của họ từ nay không còn quan trọng nữa và sẽ còn suy giảm nhanh chóng với tuổi đời ngày càng cao của họ. Tiêu biểu cho sự chuyển giao thế hệ đó là ông Nông Đức Mạnh, 60 tuổi, một đảng viên cấp thấp vào năm 1975 và hoàn toàn không có thành tích nào trong chiến tranh vừa được chỉ định làm nhân vật số một của đảng.

Ông Nông Đức Mạnh là ai?

Điều đáng lưu ý trước hết là ông có những quan hệ rất phức tạp với sự thực. Người ta nói ông là con riêng của ông Hồ Chí Minh, ông chỉ định chính một cách lấp lửng khiến cho nghi vấn vẫn còn nguyên vẹn.

Theo tiểu sử chính thức của ông thì ông là một kỹ sư lâm nghiệp, trong khi ông chỉ được gửi đi tu nghiệp một thời gian ở Liên Xô với tư cách là một kỹ thuật viên và cũng không học được gì nhiều vì không biết tiếng Nga, nhưng ông Mạnh cũng không dính chính học vị kỹ sư của ông, làm như đó là một điều không quan trọng. Ông được đảng đánh giá là trong sạch, không tham nhũng và đảng muốn dư luận thế giới và nhân dân Việt Nam cũng nhìn ông như thế, nhưng ông cũng không từ chối những quà cáp, đặc biệt là ông đã từng được Tăng Minh Phụng cấp tiền cho đi du lịch Nhật Bản cùng với vợ. Có thể nói đó chỉ là những chi tiết cá nhân, nhưng ngay cả lập trường của ông cũng không minh bạch. Báo chí thế giới và dư luận do đảng tạo

ra coi ông là một người cởi mở và cải tổ. Sự thực thì ông Mạnh đã chỉ giữ im lặng trước mọi vấn đề. Ông không phát biểu gì mặc dầu là chủ tịch quốc hội, cơ quan có chức năng phát biểu và thảo luận. Nói chung ông Nông Đức Mạnh là một người lý lịch không rõ rệt. Ông đã chỉ được đưa lên chức vụ tổng bí thư sau một cuộc tranh giành quyền lực không ngừng giữa hai phe Lê Đức Anh và Lê Khả Phiêu. Chính do không có cá tính và không bản lĩnh mà ông đã trở thành nhân vật vô hại cho mọi phe phái. Ông được đưa lên làm tổng bí thư không phải để chấm dứt sự tranh chấp giữa các phe phái mà, ngược lại, để cho những phe phái có thể tiếp tục tranh chấp. Về khả năng có lẽ ông là người kém nhất trong một bộ chính trị mới gồm toàn những nhân vật mờ nhạt.

Vậy thì ông Mạnh sẽ làm được gì?

Nếu ông muốn cải tổ thực sự thì chắc chắn ông sẽ bị tất cả mọi phe phái chống đối. Dư đảng Lê Đức Anh sẽ chống ông vì họ không muốn cải tổ. Phe phái Lê Khả Phiêu sẽ chống ông vì họ không chấp nhận để dư luận cho rằng ông đã làm được những điều mà họ không làm được. Nhóm được gọi là chủ trương canh tân chung quanh ông Phan Văn Khải cũng sẽ chống ông vì nếu cần cải tổ thì họ muốn chính họ làm và làm một cách phù hợp với quyền lợi của họ. Như vậy ông Mạnh sẽ không làm được gì cả và sẽ bị triệt hạ còn nhanh chóng hơn ông Lê Khả Phiêu. Và lại với cá tính và khả năng của ông, ông Mạnh cũng không muốn lấy một quyết định khó khăn nào.

Còn nếu ông không có sáng kiến gì cả, như người ta có thể tiên liệu, thì cái

cảm tình nhỏ được dành cho ông sẽ tan biến mau chóng. Ông sẽ là một người bất lực, không uy tín, bị giằng co giữa nhiều phe phái. Ông sẽ chỉ ở đó để tình trạng tranh chấp không phân thắng bại tiếp tục và làm tan vỡ đảng cộng sản.

Ông Nông Đức Mạnh là một giải pháp vá vúi cho tình trạng phân hóa. Các giải pháp vá vúi đều có chung một đặc tính: chúng có vẻ là một giải pháp chấp nhận được cho mọi người, nhưng thực ra chúng không giải quyết được gì cả và không làm vừa lòng ai. Chỉ sau một thời gian ngắn sự tranh chấp trong nội bộ đảng cộng sản lại bùng lên và khốc liệt hơn. Trong khi đó thì đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ đặt ra cho đảng cộng sản ngày càng nhiều vấn đề và các vấn đề ngày càng gay gắt.

Ông Nông Đức Mạnh không phải là một giải pháp. Ông chỉ là sản phẩm của một sự bế tắc và ông sẽ chỉ đưa đảng đi sâu hơn và nhanh hơn vào sự bế tắc. Có rất nhiều triển vọng ông sẽ là vị tổng bí thư của giai đoạn tan rã cuối cùng của đảng cộng sản và cũng là vị tổng bí thư cuối cùng của đảng cộng sản trong cương vị một đảng cầm quyền.

Những lời tuyên bố lạc quan gượng gạo sau đại hội 9 không giấu được một sự thật: đảng cộng sản đã kiệt quệ và phân rã sau những thất bại liên tiếp và những tranh chấp phe phái trong nội bộ. Đại hội 9 đánh dấu một giai đoạn mới của đảng cộng sản: giai đoạn suy sụp công khai và đôn dập. Chế độ cộng sản đang chấm dứt và sẽ cáo chung nhanh chóng. Những người dân chủ cần sẵn sàng để nắm bắt vận hội này.

Thông Luận

Đại hội 9: những điều nổi bật

Bùi Tín

* Cuộc sát phạt nội bộ gay gắt * Cánh quân đội sa sút * Những kẻ giáo điều bảo thủ nhất bị thải
* Lạc quan dè dặt * Có một lối đi khác *

Các sự kiện của đại hội 9 gồm có các cuộc họp trung ương đảng lần thứ 11A (tháng 12-2000), lần thứ 11B (tháng 3-2001), lần thứ 12 (tháng 4-2001), đại hội trừ bị (từ 13 đến 16-4-2001) và đại hội chính thức (từ 19 đến 22-4-2001).

Đây là đại hội "đặc sắc" nhất của đảng trong lịch sử 71 năm của nó, nằm trong cuộc thoái trào và cáo chung của phong trào cộng sản quốc tế. Sự kết thúc bi đát và tất yếu của phong trào này là do bản chất độc đoán, độc ác, xa lìa nhân dân của nó ngày càng bị phơi bày ra ánh sáng.

Sau đây là những nét nổi bật nhất của đại hội 9.

Cuộc đấu đá gay gắt

Tướng Võ Nguyên Giáp trong lá thư ngày 8-3-2001 gửi lãnh đạo đảng đã phải kêu than: *"tình hình bất thường trong đảng", "mất đoàn kết ngay ở cấp cao", "có sự lung lay cá nhân, có mưu đồ đảo chính trong đảng", "chưa bao giờ có tình hình bất thường như vậy"...*

Các cuộc đấu đá đã diễn ra với các pha ly kỳ.

Pha thứ nhất ở hội nghị 11A, ông Lê Khả Phiêu bị đấu tố tội bởi: lãnh đạo yếu kém; đi đêm với Bắc Kinh; lập cục tình báo dò xét nội bộ; dốt trong đối ngoại; tham vọng giành thêm chức chủ tịch nước; mê gái trong đó có kẻ làm tình báo cho nước ngoài. Chính hai ông cố vấn Lê Đức Anh và Đỗ Mười sắp xếp và thúc đẩy cuộc đấu tố, đòi Lê Khả Phiêu phải chịu kỷ luật nặng trước khi rời chức.

Pha thứ hai ở hội nghị 11B, cánh ông Phiêu phản pháo, đấu tố lại hai lão cố vấn đủ các tội: Lê Đức Anh có lý lịch mập mờ; vốn là cai đồn điền cao su chui vào đảng không có ai kết nạp; cùng với Đỗ Mười có nhiều tài sản bất minh; tướng Anh là kẻ gây ra vụ Xiêm Riệp tra tấn và giết hại nhiều cán bộ Cam-bốt rồi đổ tội cho tướng Hồ Quang Hóa... Kết quả là ba ông cố vấn buộc sẽ phải từ

chức và chức cố vấn sẽ bị hủy bỏ... Bộ chính trị, nhân danh ổn định, lại trở lại ủng hộ ông Phiêu, với điều kiện chỉ ở thêm hai năm (nửa nhiệm kỳ).

Pha thứ ba: vào hội nghị 12, đa số chống lại khuyến cáo của bộ chính trị; ép ông Phiêu về vườn và tìm người thay thế. Lần lượt đề cử: Nguyễn Phú Trọng, Nông Đức Mạnh (ông Mạnh xin thôi), Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nguyễn Văn An, rồi trở lại Nông Đức Mạnh.

Hai bước tiến, hai bước lùi

Đại hội ghi được hai bước tiến. Một là hủy bỏ chức "cố vấn ban chấp hành trung ương", vốn học lõm của Đảng Cộng sản Trung Quốc, mà Trung Quốc đã bỏ từ thời còn Đặng Tiểu Bình. Ba lão cố vấn lùi thủ về vườn, còn mang cái tội là "tự đặt mình cao hơn bộ chính trị, cao hơn trung ương". Hai là loại bỏ dứt khoát tổng bí thư yếu kém nhất, yếu kém về mọi mặt; bác bỏ luôn ý kiến giữ ông Phiêu trong ban chấp hành trung ương để "an ủi". Nét tích cực nữa là ông Phiêu về vườn, kéo luôn theo bốn vị trong bộ chính trị từng ủng hộ ông Phiêu mạnh mẽ nhất. Đó là Phạm Thế Duyệt, Nguyễn Đức Bình, Lê Xuân Tùng, những nhân vật giáo điều, bảo thủ cực đoan nhất, cùng với tướng Phan Thanh Ngân, kẻ tâm phúc của ông Phiêu.

Một bước lùi rõ nét của đại hội 9 là việc thảo luận các văn kiện rất xuôi chiều, từ *báo cáo chính trị*, được coi là linh hồn sống của mỗi đại hội, đến chiến lược kinh tế xã hội 10 năm, kế hoạch 5 năm và báo cáo sửa đổi điều lệ đảng. Hai mươi sáu tham luận đọc ở đại hội đều là tham luận của tập thể các đảng bộ; không một đại biểu nào được nói lên những ý kiến cá nhân. Về mặt này, đây là đại hội *phản dân chủ* nặng nề nhất. Tất cả các kiến nghị, ý kiến xây dựng, đề nghị hợp tình hợp lý, có tâm huyết ở các đại hội cấp dưới, của các trí thức, nhân sĩ, đảng viên về hưu... đều bị kiểm duyệt

chặt chẽ, coi như không hề có. Chỉ còn có thảo luận xuôi chiều, tán tụng, tăng bốc nhằm chần, vô duyên, không liên quan gì đến cuộc sống xã hội đầy khó khăn ngay trước mắt. Không có một đại biểu nào dám nêu lên đề tài thảo luận cấp bách như: làm thế nào để đẩy lùi quốc nạn tham nhũng? làm thế nào để có xã hội công bằng, văn minh? phải làm gì để có hòa nhập với thế giới hiện đại? Họ chỉ biết đóng vai gặt đầu và vỗ tay.

Một bước lùi nữa là số ủy viên trung ương giảm từ 170 xuống 150 và số ủy viên bộ chính trị giảm từ 19 xuống 15 người. Họ sợ phải bổ sung thêm những người trẻ hơn, có cách nghĩ thoáng đạt hơn. Dân chủ giạt lùi, phú quý giạt lùi là thế!

Cánh quân đội bị yếu thế

Một nét nổi bật là qua đại hội 9, cánh quân đội bị sa sút nặng nề. Trong bộ chính trị, tướng Phan Thanh Ngân bị gạt ra, chỉ còn tướng Phạm Văn Trà, với một bản án kỷ luật. Trong ban bí thư, chỉ có một tướng Lê Văn Dũng, cùng với một bản án khiển trách. Trong ban chấp hành trung ương, quân đội chỉ còn 15 trên tổng số 150 ủy viên.

Sự ra đi của đại tướng-cố vấn Lê Đức Anh, của thượng tướng-tổng bí thư Lê Khả Phiêu càng làm cho cánh quân đội suy giảm hẳn. Qua các cuộc họp, quân đội bị phê phán nặng: tham nhũng lan tràn, vô kỷ luật nghiêm trọng, các cơ quan tình báo chồng chéo hỗn loạn, các đơn vị không sẵn sàng chiến đấu, các chỉ huy cao cấp làm gương xấu cho cấp dưới và binh lính. Hình ảnh quân đội chưa bao giờ tệ rạc như hiện nay.

Chuyện nhiều đơn vị buôn lậu, bán vũ khí trang bị, kinh doanh hàng cấm, mở quán bia ôm, kinh doanh nhà thổ... được phơi bày trong các cuộc họp. Ba người lãnh đạo cao nhất hiện nay của chế độ là tổng bí thư, chủ tịch nước và thủ tướng đều không xuất thân từ trong

quân đội, công an hay tình báo.

Lạc quan rất dè dặt

Đại hội 9 đã có một số nét khả quan, đáng vui mừng. Ba đại lão cố vấn bị buộc về vườn khó còn có thể gây rối (như họ từng chống việc ký hiệp ước thương mại Việt-Mỹ). Tổng bí thư yếu kém nhất phải ra đi cùng với những cái đầu giáo điều mê muội nhất. Tổng bí thư mới có học hơn, ít bảo thủ hơn người ông ta thay thế. Chín năm làm chủ tịch quốc hội, tham gia việc thông qua hơn 20 bộ luật và một số buổi chất vấn chính phủ cũng giúp ông hiểu thế nào là nhà nước pháp quyền và quyền dân chủ trong bộ máy nhà nước. Tất cả cho phép hy vọng rằng ông Mạnh sẽ khá hơn ông Phiêu. Mà khá hơn ông Phiêu thì chẳng có gì ghê gớm! Như hơn một học sinh đứng cuối lớp!

Còn khá hơn ra sao, khá hơn nhiều hay ít, có xây dựng được một nhà nước pháp quyền, một chế độ tôn trọng quyền công dân và nhân quyền không, có làm cho kinh tế phát triển vững chắc không, có đưa đất nước hội nhập hơn vào cộng đồng quốc tế không thì chúng ta phải chờ xem.

Tôi lạc quan rất dè dặt vì trong cơ chế độc đoán, với độc quyền lãnh đạo của một chính đảng duy nhất thì người lãnh đạo có thiện tâm và tài năng đến mấy cũng như bị trói tay; trừ phi có gan lớn, mưu cao, tìm chỗ dựa đúng và tạo thế lực mạnh mới đột phá được cơ chế bảo thủ cổ lỗ để xây dựng một cơ chế mới mẻ.

Tất cả vấn đề là tổng bí thư mới có biết lắng nghe những lời đề nghị, hiến kế đúng đắn, có tâm huyết và sáng tạo hay không? Tổng bí thư mới có thực tâm đặt cuộc sống của nhân dân, của đồng bào lên trên quyền lợi phe đảng hay không? Tổng bí thư mới có biết mở rộng mắt nhìn kỹ thế giới xung quanh để học hỏi và hòa nhập hay không?

Muốn có ích cho đồng bào và xã hội, ông Nông Đức Mạnh còn phải vượt lên bản thân ông rất nhiều, bởi vì dù sao, cho đến nay, ông vẫn là người của cơ chế, do cơ chế tạo nên. Ông chưa phải là con người thật sự của "đổi mới", một con người cấp tiến; ông vẫn còn là *một con người ít bảo thủ nhất trong những người bảo thủ, một con người ít giáo*

điều nhất trong những người giáo điều. Cầu chúc cho ông bước tới phía trước để thay đổi bản chất chính trị của chính mình.

Có một lối đi khác

Đại hội 9, về mặt đường lối chính trị, vẫn còn là một đại hội *mê ngủ*. Nghị quyết đại hội lặp đi lặp lại hàng chục lần chủ nghĩa Mác-Lê và chủ nghĩa xã hội. Trong phòng họp, hình ba ông Tây râu ria: Mác, Ăn-ghe-nê và Lênin vẫn nổi lên bên lá cờ búa liềm lạc điệu. Người dân và tuổi trẻ kháo nhau về những cuộc đấu đá ly kỳ, còn thì họ đứng đưng với các nghị quyết đại hội, biết rằng những điều ba hoa sáo rỗng ấy chỉ dè nặng thêm lên cuộc sống lầm than cực nhọc của họ. Trong lòng họ ngày càng hiện lên rõ một sự thật cay đắng: Đảng Cộng sản không mang lại ấm no và nhân phẩm cho người dân.

Điều mà đại hội 9 cổ tình bỏ qua là *tranh luận* gắt gao để tìm cho ra con đường tối ưu để phát triển đất nước với tốc độ cao, thu hẹp khoảng cách với các nước láng giềng, để hòa nhập với thế giới hiện đại, thì các chiến sĩ dân chủ trong và ngoài nước hãy làm dấy lên trong công luận cuộc tranh luận lý thú và cấp bách ấy.

Hãy chỉ rõ con đường của đại hội 9 vẫn là con đường phiêu lưu, mù quáng, dẫn dắt đến ngõ cụt.

Hãy chứng minh cho toàn xã hội, cho tuổi trẻ, cho cả các đảng viên cộng sản rằng có *một con đường khác*, không bạo lực, của *trí tuệ* và *dân chủ*, của *tự do* và *nhân phẩm*, từng vang lên đông đặc trong nhiều đại hội đảng ở cơ sở, từng được các nhà đối lập gan góc và sáng suốt ở trong nước đưa ra vào dịp đại hội 9, nhưng đã bị những người lãnh đạo trong nước bóp nghẹt, vùi dập.

Lúc này là lúc chúng ta cần quảng bá rộng thêm, tiếp âm, tăng âm không mệt mỏi bằng mọi phương tiện thông tin các tiếng nói đầy nghĩa khí ấy để mở rộng đường dư luận, đẩy lùi sự tuyên truyền âm ỉ của cường quyền. Chính vì cường quyền phi lý lo sợ điều đó nhất mà các chiến sĩ dân chủ cần ra sức làm nhiều, rộng và mạnh hơn. Đó là câu trả lời xứng đáng của chúng ta cho đại hội 9 vậy.

Bùi Tín

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm
11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc mới:

THÔNG LUẬN
7 allée Bouleau Carreau
77 600 Bussy Saint Georges,
FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:

Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.

Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:

Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr : 00 77 70 82 94
Bankleitzahl : 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada
có thể liên lạc và góp ý kiến với
Thông Luận qua địa chỉ:

Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com

• Khi thanh toán tiền mua báo
(40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)
Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan
Braamlanden 76
7542 CJ Enschede
Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52
Giá báo một năm: 30 Euro,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Úc:

Mr. Võ Thanh Liêm
5 Fira Court
Narre Warren VIC 3805

Người Tày và người Nùng tại Việt Nam

Tày và Nùng là hai cộng đồng sắc tộc lớn, thuộc hệ ngôn ngữ tày-thái, sinh sống trên vùng trung du và thượng du miền Bắc Việt Nam, từ Quảng Ninh đến Lai Châu; sinh hoạt chính là làm rẫy và chăn nuôi. Dân số hiện nay khoảng 2 triệu người (các nhóm Tày: 1,2 triệu, các nhóm Nùng: 0,8 triệu).

Người Tày và người Nùng có chung một tổ tiên, trước kia sinh sống trên thung lũng sông Tây Giang thuộc tỉnh Quảng Tây và Quảng Đông, Trung Quốc. Thời gian xuất hiện của các nhóm này có lẽ cùng thời với các nhóm Lạc Việt cách đây trên 4000 năm; không gian sinh tồn của họ mở rộng đến vùng Cao Bắc Lạng của Việt Nam ngày nay; tổ chức xã hội được phân thành nhiều đẳng cấp, dưới quyền lãnh đạo của giới quý tộc cha truyền con nối.

Năm 1038, tù trưởng Nùng Tồn Phúc (hay Nông Tồn Phúc) tự xưng là Chiêu Thánh Hoàng đế, chiếm châu Quảng Nguyên (Lạng Sơn) lập thành một quốc gia riêng mang tên Tràng Sinh Quốc. Vua Lý Thái Tông phải thân chinh đi đánh dẹp, bắt giết Nùng Tồn Phúc và con trai trưởng là Nùng Trí Thông; vợ là A Nùng và người con trai khác là Nùng Trí Cao chạy thoát. Năm 1041, Nùng Trí Cao mang quân chiếm châu Đằng, gần châu Quảng Nguyên, lập ra nước Đại Lịch. Bị bắt rồi được tha, Nùng Trí Cao được vua Lý phong tước thái bảo cai quản châu Quảng Nguyên và chịu triều cống hàng năm. Năm 1048, Nùng Trí Cao làm phản, tự xưng là Nhân Huệ Hoàng Đế, đổi châu Quảng Nguyên thành nước Đại Nam rồi xin trực thuộc nhà Nam Tống, nhưng bị từ chối. Nùng Trí Cao tức giận xua quân chiếm Ung Châu cùng 8 châu khác thuộc tỉnh Quảng Tây và Quảng Đông. Vua Tống Dịch Thanh cùng các tướng phải vất vả lắm mới đuổi quân Nùng ra khỏi lãnh thổ. Năm 1050, Nùng Trí Cao bị quân Đại Lý bắt giết, tình hình trên miền thượng du miền Bắc mới yên.

Lơ sơ bị nhà Tống trả thù, nhiều gia đình vọng tộc gốc Nùng chạy sang Đại Việt lánh nạn và định cư luôn tại miền

thượng du các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh. Người Kinh gọi các nhóm này là người Thổ (người địa phương), trong khi họ tự nhận là người Thái. Với thời gian, các nhóm này đổi tên thành người Tày (đọc trại từ chữ Thái) rồi Tày để phân biệt với các nhóm người Thái đã có mặt từ trước và cùng để phân biệt với người Nùng, cùng hệ ngôn ngữ, còn sinh trú ở Quảng Tây và Quảng Đông. Từ thế kỷ 13, các nhóm Nùng không chịu nổi chính sách phân biệt đối xử của nhà Nguyên (Mông Cổ), sau đó là nhà Minh (Hán) và nhà Thanh (Mãn Châu), đã từng đợt di cư vào Việt Nam, hội nhập với các nhóm Tày và Thái cùng hệ ngôn ngữ đã có mặt từ trước, họ vẫn giữ tên gọi riêng là Nùng.

Trong thực tế, các nhóm Tày, Nùng và Thái tại Việt Nam chỉ khác nhau chút ít về cách ăn mặc và cách xây dựng nhà cửa, về văn hóa thì hoàn toàn giống nhau. Cộng đồng người Tày, Nùng hay Thái được các triều đình Việt Nam dành cho qui chế tự trị để tranh thủ sự ủng hộ, chính sách này có tên "kèm cương phụ đạo", nghĩa là tranh thủ cảm tình các vị thủ lãnh vì những người này có uy tín lớn trong cộng đồng của họ. Quan hệ giữa các nhóm ngôn ngữ tày-thái với người Kinh diễn ra tốt đẹp trong gần 800 năm, họ đã cùng người Kinh chống lại các đợt xâm lăng của nhà Nguyên, nhà Minh và nhà Thanh từ phương Bắc.

Năm 1833, Nông Văn Vân, một tù trưởng Tày giữ chức tri châu Bảo Lạc (ngày nay thuộc tỉnh Hà Giang) tự xưng Tiết chế thượng tướng quân, đã cùng các tù trưởng Mường và một số làng Kinh ở miền trung du, do Nguyễn Quang Khả (tri châu Đại Man) lãnh đạo, chiếm một vùng đất rộng lớn (Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng và Lạng Sơn) lập căn cứ chống lại nhà Nguyễn. Nông Văn Vân là anh vợ của Lê Văn Khôi ở Gia Định bị vua Minh Mạng bắt về Huế xử trảm về tội làm phản, chính vì lo sợ bị trả thù ông mới nổi lên chống lại. Quan quân nhà Nguyễn phải vất vả lắm mới đánh bại Nông Văn Vân năm 1835, từ đó quan hệ giữa triều đình Huế và

người thiểu số trở nên lạnh nhạt. Các nhóm Thái-Tày đã không những không hưởng ứng các đợt tấn công quân Thanh tại vùng biên giới mà còn hợp tác với quân Cờ Đen, Cờ Trắng và Cờ Vàng đánh phá các làng xã người Kinh.

Sau khi làm chủ toàn bộ Đông Dương năm 1893, người Pháp áp dụng chính sách chia để trị bằng cách tách các cộng đồng các sắc tộc thiểu số ra khỏi ảnh hưởng của triều đình Việt Nam. Năm 1946, cao ủy Thierry d'Argenlieu thành lập nhiều khu tự trị dành cho người thiểu số trên vùng thượng du miền Bắc và cao nguyên miền Trung nhằm cô lập kháng chiến quân Việt Minh để dễ bề tiêu diệt nhưng không mấy thành công; phe Việt Minh đã không những tranh thủ được cảm tình các lãnh tụ người thiểu số mà còn vận động họ tham gia chống Pháp. Quan hệ giữa phe Việt Minh với người thiểu số trong giai đoạn này rất là thân thiết, đặc biệt là với người Tày. Năm 1953, ông Chu Văn Tấn, một lãnh tụ người Tày có công xây dựng chiến khu Việt Bắc, được bầu vào ban chấp hành trung ương Đảng Lao động, tức Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau 1954, Hà Nội thành lập ba vùng tự trị trên miền thượng du dành cho người thiểu số: Khu tự trị Thái Mèo (1955), Khu Việt Bắc (1956) và Khu Lào Hạ Yên (1957) để lôi cuốn cộng đồng người Thượng trên Tây Nguyên, nhưng tất cả đều bị giải tán năm 1959.

Trong số các cộng đồng sắc tộc tại Việt Nam, người Tày được Đảng Cộng Sản Việt Nam ưu đãi nhất, nhiều người đảm nhiệm các chức vụ cao nhất trong đảng và trong quân đội. Nhiều cố gắng đầu tư và phát triển khu vực sinh cư của người Tày (Quảng Ninh, Bắc Giang, Cao Bằng và Lạng Sơn) được thực hiện liên tục từ 1960 đến nay, mức sống của người Tày đã nhờ đó ngang bằng người Kinh, trong khi đời sống của những cộng đồng sắc tộc khác gần như bị bỏ rơi, nhất là những cộng đồng có thành tích chống lại chế độ như người Nùng, người Mèo (Hmong) hay người Thượng.

Nguyễn Văn Huy

Một cuộc chuyển hóa không thể được

Nguyễn Gia Kiểng

Đây là lần thứ 26 người Việt Nam kỷ niệm biến cố 30-4-1975. Một sự tình cờ đã khiến nó đến khi đại hội 9 của đảng cộng sản vừa bế mạc, đánh dấu một giai đoạn mới không những với đảng cộng sản mà đối với cả đất nước. Vậy đây đúng là một dịp để tổng kết và suy nghĩ.

Nhưng trước hết là một vài suy tư nhân dịp lễ Phục Sinh.

Giê-Su ra đời được hai năm thì vua Herode từ trần. Các hoàng tử tranh quyền, nước Do Thái rối loạn và bị sáp nhập thành một tỉnh của đế quốc La Mã khi ông mới vừa 12 tuổi. Người Do Thái chờ đợi một vị cứu tinh, và nhiều thủ lãnh đã xuất hiện. Giê-Su là một trong những lãnh tụ này, và là lãnh tụ độc đáo nhất. Trong khi mọi người chỉ nhìn thấy giải pháp vô trang, Giê-Su đã nhận ra nguyên nhân đã khiến người Do Thái thất bại và mất nước là sự thua kém về tư tưởng và văn hóa. La Mã đã hơn hẳn Do Thái và mọi nước khác vào thời đó, bởi vì xã hội của họ tự do hơn, dân chủ hơn, có đối thoại, và nhất là có phân biệt giữa tôn giáo và chính trị. Giê-Su nhìn thấy sự vô vọng nguy hiểm của các chủ trương giải phóng vô trang. Ông cũng nhìn ra nguyên nhân chính khiến Do Thái không vươn lên được: đó là sự kỳ thị giai cấp, sự tôn thờ bạo lực, óc bất dung và nhất là sự lẫn lộn giữa tôn giáo và chính trị giam hãm xã hội trong cái khung cứng nhắc của kinh thánh khiến xã hội không tiến hóa được. Từ đó Giê-Su kêu gọi hòa giải và hòa hợp dân tộc, bao dung, bác ái, bất bạo động và nhất là phân biệt tôn giáo và chính trị. Giê-Su có phải là hiện thân của Thiên Chúa hay không là câu hỏi mà mỗi người tự trả lời cho mình. Nhưng nếu chúng ta chỉ giới hạn dưới góc nhìn chính trị thì sự nghiệp của Giê-Su thật là oan trái: ông đã chinh phục được chính đế quốc La Mã, không những thế ông còn chinh phục được cả thế giới chung quanh ông và mở ra một nền văn minh lộng lẫy, nhưng riêng đồng bào Do Thái của ông

mà ông muốn giải thoát lại bức tử ông. Giê-Su đã không thuyết phục được dân tộc ông cũng như không ai có thể là tiên tri tại quê hương mình vì ông đụng phải một bức tường văn hóa. Cuộc đời ông chứng tỏ thay đổi văn hóa là một điều cực kỳ khó khăn.

Năm 1883 nước ta bị người Pháp đô hộ sau một cuộc chinh phục dễ dàng trong đó triều đình nhà Nguyễn chỉ chống trả một cách yếu ớt. Nguyên nhân của thất bại là do văn hóa và tổ chức xã hội kém hẳn đối phương. Vua Tự Đức không phải là không nhìn thấy yêu cầu canh tân, nhưng ông bị vây bọc bởi cả một bức tường thủ cựu kiên cố của quần thần nên đã tiếp tục sa lầy và cuối cùng mất chủ quyền. Quản lý văn hóa lớn đến nỗi ngay cả quyền lực tuyệt đối của Tự Đức cũng không thể thay đổi cách suy nghĩ và hành động bằng mệnh lệnh.

Cuộc đô hộ của người Pháp hoàn toàn khác với những giai đoạn Bắc thuộc trước đây: kẻ thống trị khai thác tài nguyên của Việt Nam nhưng họ cũng đồng thời mở mang đất nước như chưa bao giờ thấy. Người Pháp vừa là kẻ thống trị vừa là người giải phóng, giúp Việt Nam vứt bỏ ách nô lệ văn hóa của Trung Quốc. Về mặt trí tuệ phải nói người Pháp đã đem đến cho chúng ta cả một bước nhảy vọt. Ngay cả ý thức về quốc gia như một thực thể của chúng của mọi người cũng ra đời dưới thời Pháp thuộc, cùng những ý niệm về tự do, dân chủ, bình đẳng nam nữ, v.v... Về khoa học kỹ thuật thì phải nói chúng ta đã được người Pháp giáo dục từ số không. Nói chung, mặc dù cái nhục đô hộ, giai đoạn Pháp thuộc đã rất có lợi cho chúng ta. Nhưng người Việt càng tiến lên nhờ người Pháp thì cái nhục bị lệ thuộc Pháp lại càng đau nhức. Điều mà chúng ta cần trong giai đoạn này là những nhà tư tưởng tìm ra một cách nhìn và một cách sống cái nhục đó. Một đồng thuận dân tộc trên một cách ứng xử sáng

suốt có thể đã giúp chúng ta lấy được quyền tự chủ sau một hai thế hệ. Nhưng chúng ta đã không có được những nhà tư tưởng đó. Phong Trào Đông Kinh Nghĩa Thực nhiều tình cảm tốt nhưng thiếu nền tảng lý luận. Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh là những học giả nhưng không phải là những nhà tư tưởng. Phan Chu Trinh đơn độc và chết quá sớm. Do sự thiếu định hướng đó, mặc dù cuộc sống tinh thần và vật chất đã được cải thiện rất nhiều, người Việt Nam, nhất là giới sĩ phu, chỉ cảm nhận sự kiện bị một nước có nền văn hóa khác hẳn đô hộ như một sự xúc phạm lớn. Đã có nhiều cuộc khởi nghĩa nhưng vì thiếu hiểu biết và thiếu sáng kiến chúng đã chỉ loanh quanh trong chống đối vô trang để rồi bị đập tan. Kể cả đảng cộng sản. Và ngay cả trong giai đoạn thế chiến II khi tại Đông Dương chỉ còn lại một nắm nhỏ người Pháp đã thua trận và mất nước. Sau cùng quân Nhật, chứ không phải kháng chiến Việt Nam, đã lật đổ chính quyền thuộc địa Pháp.

Bế tắc của cố gắng giải phóng dân tộc cùng cùng một nguyên nhân như bế tắc của dân Do Thái vào thời Giê-Su. Văn hóa cũ đã đưa đến thua kém và thất bại, phải có một văn hóa mới để nhìn ra một phương thức đấu tranh mới. Nhưng vấn đề ngàn đời vẫn thế: thay đổi văn hóa là điều cực kỳ khó khăn.

Giai đoạn Pháp thuộc cũng là giai đoạn mà phong trào cộng sản bành trướng trên thế giới và lan tới Việt Nam. Chủ nghĩa cộng sản không mới. Nó nằm trong một luồng tư tưởng đã có từ rất lâu và thể hiện rất mạnh mẽ qua các bài giảng của Giê-Su. Nó cũng là một đề tài tranh luận sôi nổi trong thế kỷ 18 và 19 tại châu Âu sau cuộc cách mạng kỹ nghệ. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để xã hội ngày càng giàu mạnh lên và của cải làm ra được phân chia một cách công bằng. Karl Marx là một trong những người chủ trương dành hẳn ưu tiên cho công bằng xã hội. Marx không

phải là một triết gia, cũng không phải là một nhà tư tưởng lớn. Ông là một học giả, một nhà văn và một nhà báo. Ông thu thập những ý kiến và khám phá của người khác rồi làm tổng hợp. Những tổng hợp của ông thường vội vã, thiếu chiều cao trí tuệ, nhưng ông diễn đạt một cách rất đặc sắc và hùng hồn. Những đóng góp thực sự của Marx như phân tích về giá trị thặng dư, dự báo sự sụp đổ chắc chắn của chủ nghĩa tư bản, v.v... đều sai một cách ngây ngô. Do tài diễn đạt, đặc biệt là cách trình bày mạch lạc của một người uyên bác, Marx được nhiều người ngưỡng mộ, và những gì ông viết ra có ảnh hưởng lớn. Những tác phẩm của Marx có thể đã chỉ là những tài liệu nghiên cứu nếu không có Lênin.

Lênin mới thực sự là cha đẻ của chủ nghĩa cộng sản như đã được thực hiện tại nhiều quốc gia. Lênin đã nhận thấy ở những tác phẩm của Marx một số khẩu hiệu có tác dụng kích thích quần chúng nghèo khổ đồng thời một hệ thống tư tưởng sơ sài nhưng có vẻ hoàn chỉnh bao gồm cả triết học, sử quan, kinh tế, xã hội. Đó là một kiện hàng lý tưởng cho một người đang tìm kiếm một cơ sở lý luận để cướp chính quyền. Lênin đã dựa vào tư tưởng của Marx để phát minh ra cả một lý thuyết thực dụng để cướp và giữ chính quyền bằng bạo lực. Lênin đã viết và nói mỗi lúc một khác trên tất cả mọi vấn đề, nhưng "tư tưởng Lênin" có thể tóm tắt trong hai thành tố: 1/ lẩn lộn cứu cánh (thí dụ xây dựng một xã hội công bằng và phồn vinh) và phương tiện (thí dụ cuộc cách mạng vô sản), nâng phương tiện lên thành cứu cánh để biện minh cho những phương tiện khác; 2/ đồng hóa một khái niệm (thí dụ cách mạng) với một trong những biểu hiện của nó (thí dụ đảng cộng sản). Cả hai đều là cách lý luận bất lương. Được áp dụng một cách dây chuyền, và hơn nữa lại phối hợp với nhau, lối lý luận này có thể dẫn đi rất xa khỏi cả điểm khởi hành lẫn mục tiêu ban đầu. Từ giấc mơ một thiên đường trên mặt đất hoàn toàn tự do và thân ái, không còn bóc lột, hà hiếp và cùng không cần chính quyền, nó dẫn tới một nhà nước khắc nghiệt và nhiều lần hung bạo hơn những nhà nước tư bản mà Marx muốn xóa bỏ. Nó cũng đã dẫn hàng chục triệu người vô tội vào nhà tù

hay ra pháp trường.

Lênin, Stalin và các lãnh tụ cộng sản khác thừa biết rằng thiên đường cộng sản mà Marx tưởng tượng chỉ là một ảo tưởng nhưng là một ảo tưởng có thể lợi dụng để cướp chính quyền. Một khi đã cướp được chính quyền các chế độ cộng sản cai trị thuần túy bằng bạo lực và khủng bố. Sử dụng một xác quyết sơ đẳng của Marx theo đó lịch sử nhân loại chỉ là đấu tranh giai cấp và đẩy tới tột đỉnh lô-gích khủng bố, chủ nghĩa cộng sản còn cho phép tiêu diệt không những các cá nhân mà toàn bộ những thành phần xã hội theo giai cấp, chủng tộc, tín ngưỡng. Về bản chất không có sự khác biệt giữa các chế độ nazi, phát xít và cộng sản. Tất cả đều là những phong trào cho mình quyền tiêu diệt những cá nhân không phải vì họ đã phạm một tội gì mà vì họ thuộc một thành phần bị chế độ coi là thù địch.

Các chế độ cộng sản còn cần một loại nạn nhân khác. Vì lấy một ảo tưởng làm cứu cánh, chúng luôn luôn cần chứng minh tại sao cứu cánh vẫn chưa thực hiện được và không những thế càng ngày càng xa vời thêm trong khi những hy sinh ngày càng nhiều. Phải có những thủ phạm, những kẻ phá hoại việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và lần này các nạn nhân không nhất thiết phải là những kẻ thù giai cấp mà cũng có thể là những kẻ thất bại trong những tranh chấp nội bộ bị chọn làm dê tế thần trong những đợt thanh trừng.

Một đặc tính khác của phong trào cộng sản cần được lưu ý. Đó là nó hoàn toàn không dựa vào hậu thuẫn của quần chúng. Kỹ thuật của mọi đảng cộng sản là chỉ dựa vào một thiểu số có kỷ luật và đội ngũ vững chắc để khai thác một tình trạng khủng hoảng để cướp chính quyền và sau đó cai trị bằng bạo lực và sự nghèo khổ. Đi xa hơn các chế độ phát xít, các chế độ cộng sản còn sử dụng cả lương thực như một vũ khí khống chế xã hội.

Nhiều người cộng sản sẽ rất phiền lòng khi nghe nói rằng về bản chất phong trào cộng sản là một phong trào khủng bố và tội ác. Sự phiền lòng càng chân thực khi chính họ là những con người lương thiện. Nhưng sự thực là như thế. Có lẽ trước hết cần đồng ý trên định nghĩa của tội ác. Đó là việc cố ý sử

dụng bạo lực để tiêu diệt, lưu đày hay ngược đãi những người vô tội vì quan điểm, tôn giáo, chủng tộc hay giai cấp của họ. Đây là định nghĩa chính thức của công pháp quốc tế về "tội ác đối với loài người" và cũng là điều mà mọi chế độ cộng sản đều làm. Cuốn *Sách Đen Về Cộng Sản* (Le Livre Noir du Communisme) không phải do một tổ chức chống cộng nào viết ra trong mục đích tuyên truyền, mà là công trình tập thể của một số đồng đảo các nhà khảo cứu có uy tín, đa số đã từng ủng hộ phong trào cộng sản. Nó cho thấy phong trào cộng sản đã làm thiệt mạng trên 100 triệu người qua những quyết định độc ác có chủ ý và được thực hiện một cách lạnh lùng. Điều không thể chối cãi được là ở tất cả mọi quốc gia mà nó có cơ hội được thực hiện chủ nghĩa cộng sản đã chỉ để ra những chế độ hung bạo và gian ác. Như vậy thì phải kết luận rằng chủ nghĩa cộng sản chất chứa tội ác và bạo lực ngay trong bản chất của nó (*).

Lênin đã thắng Kerensky và các đối thủ khác bởi vì xã hội Nga chưa bao giờ có một văn hóa chính trị nào khác ngoài bạo quyền và bạo lực. Những người dân chủ Nga đương thời với Lênin không thiếu nhưng họ đã thất bại bởi vì văn hóa chính trị của nước Nga chưa chín muồi cho dân chủ. Cùng một lý do đã khiến Mao Trạch Đông đánh bại Tưởng Giới Thạch tại Trung Quốc. Văn hóa nào chế độ đó. Một lần nữa chúng ta thấy trọng lượng và quán lực của văn hóa.

Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập như là một phân bộ của cộng sản thế giới. Cha đẻ của nó là Hồ Chí Minh đã được đào tạo tại Nga, trong lò Stalin. Nó có mọi đặc tính một đảng cộng sản.

Theo đúng kỹ thuật Lênin, nó không dựa trên quần chúng mà dựa trên một số nhỏ có đội ngũ và quyết tâm để chờ đợi khai thác một tình trạng khủng hoảng. Cơ hội đến với thế chiến II. Với một đội ngũ nhỏ không quá 2.000 nhưng có tổ chức và quyết tâm, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã nắm được chính quyền vào một lúc mà chính quyền bỏ ngỏ: Nhật lật đổ chính quyền thuộc địa Pháp rồi thua trận và đầu hàng. Sau đó nó dùng bạo lực để tiêu diệt các đảng phái yêu nước khác.

Sau khi đã nắm được độc quyền đấu tranh giành độc lập, theo đúng bài bản của mọi đảng cộng sản, nó thực hiện khủng bố toàn diện và tối đa. Người ta sẽ không thể nào đánh giá đúng mức sự khủng bố trong cuộc chiến tranh chống Pháp. Bao nhiêu người đã bị giết oan trong thời gian này? Có những người đã bị giết chỉ vì họ có chút uy tín tại địa phương và cũng có rất nhiều người đã bị giết chỉ vì bị tình nghi là gián điệp dựa trên những chi tiết như đội mũ có ba màu hay trong người có mảnh gương. Thêm vào sự khủng bố theo chính sách còn có khủng bố vì ngu dốt. Thực là cả một giai đoạn kinh hoàng. Trong cuộc chiến tranh lần thứ hai, 1960-1975, khủng bố cũng vẫn là vũ khí chính của đảng cộng sản. Chính quyền Sài Gòn dù có phương tiện dồi dào hơn cũng không sao chống trả được một lực lượng cộng sản không bị vương tay bởi bất cứ một qui luật nào.

Trong cả hai cuộc chiến này, đảng cộng sản cũng đã được một bối cảnh quốc tế thuận lợi. Văn hóa chính trị thế giới trong hơn ba thập niên từ sau thế chiến II là chống Mỹ và chống chủ nghĩa tư bản. Trong số các sinh viên chống sự can thiệp của Mỹ tại Việt Nam có cả một tổng thống tương lai của Hoa Kỳ. Cảm tình dành cho Đảng Cộng Sản Việt Nam lớn đến nỗi những tin tức về những vụ bắt cóc, ám sát, đặt mìn trong các thành phố và những hố chôn tập thể tại Huế không có một ảnh hưởng nào. Khủng bố và bạo lực không bị lên án và được coi là những vũ khí cần thiết cho một cuộc cách mạng phải có. Chỉ từ thập niên 1980 thế giới mới tiến tới một văn hóa hòa bình, quay lưng lại với bạo lực và các tổ chức khủng bố không còn được ủng hộ. Một lần nữa chúng ta thấy văn hóa quyết định cách ứng xử tập thể và văn hóa không dễ thay đổi.

Khủng bố và tội ác đã là vũ khí lợi hại nhất của đảng cộng sản nhưng không phải là lý do duy nhất giúp họ chiến thắng. Các phong trào cộng sản ở châu Mỹ La-Tinh cũng quyết tâm và hung bạo không kém nhưng đã thất bại. Còn một lý do quyết định khác, đó là đảng cộng sản đã được sự ủng hộ của chính nhân dân Việt Nam. Dĩ nhiên là có rất nhiều người Việt Nam thù ghét đảng cộng sản nhưng cũng có một số rất đông

đảo ủng hộ họ rất tận tình. Những người này không phải không biết tới những tội ác của đảng cộng sản nhưng họ vẫn ủng hộ phe cộng sản bởi vì các chính quyền quốc gia dưới mắt họ chỉ là lai căng, vọng ngoại, công cụ của nước ngoài. Họ ủng hộ phe cộng sản nhân danh lập trường dân tộc.

Chủ nghĩa cộng sản không hoàn toàn là một "chủ nghĩa ngoại lai", như những người chống cộng lập luận, mà ở ngay trong lòng người Việt Nam, bởi vì không có một khác biệt căn bản nào giữa chủ nghĩa cộng sản và ý thức hệ Khổng Giáo mà người Việt tôn sùng trong hàng ngàn năm. Xét về bản chất thì cộng sản và Khổng Giáo chỉ là một, nếu nhìn kỹ hơn cộng sản là chủ nghĩa hay nhất có thể có nếu chỉ muốn cải tiến Khổng Giáo. Như vậy không có gì ngạc nhiên khi đảng cộng sản đã được một hậu thuẫn rộng lớn, vững chắc và bền bỉ trong dân chúng. Chính nhờ hậu thuẫn này mà dù gặp khó khăn tới đâu hay bị thất bại nặng nề tới đâu họ vẫn gượng dậy được. Văn hóa và tâm lý có sức mạnh ghê gớm của chúng và chúng cũng rất khó thay đổi. Đó là lý do khiến những tội ác kinh hoàng của người Thái đối với người Khmer, và ngược lại, vẫn không ngăn cản họ thấy gần gũi với nhau hơn là với người Việt.

Cần chấm dứt một huyền thoại đã kéo dài quá lâu. Đó là đảng cộng sản tuyên truyền giỏi và tổ chức giỏi. Hoàn toàn sai. Họ tuyên truyền rất vụng về và tổ chức một cách rất luộm thuộm. Sức mạnh đã đưa họ đến thắng lợi gồm ba yếu tố: 1/bản chất khủng bố và tội ác cho phép họ làm bất cứ gì để đạt mục đích mà không cần thắc mắc; 2/ họ có căn bản dân tộc bởi vì chủ nghĩa mà họ theo đuổi về bản chất phù hợp với văn hóa Khổng Giáo của xã hội Việt Nam; 3/những người lãnh đạo cộng sản đều ít học cho nên rất quyết tâm, cuồng tín và kiên trì. Tất cả những lý do khác đều là phụ, những phân tích về quân sự lại càng không quan trọng.

Nhưng đó là đảng cộng sản nhìn từ bên ngoài. Một câu hỏi cần được đặt ra là bằng cách nào họ đã giữ được sự ổn vững trong nội bộ mặc dầu đã phạm rất nhiều tội ác đẫm máu và sai lầm nghiêm trọng? Lý do là vì ít nhất từ sau đại hội 3 năm 1960 đã có "một đảng cầm quyền

trong đảng", thực hiện sự khủng bố ngay trong nội bộ đảng để duy trì kỷ luật. Đảng cầm quyền trong đảng này do Lê Đức Thọ cầm đầu. Từ 1960 trở đi tất cả mọi cấp lãnh đạo thực sự trong đảng đều thuộc phe này. Một đảng khủng bố không thể không thực hiện khủng bố ngay trong nội bộ.

Đảng cộng sản đã có được một bối cảnh quốc tế thuận lợi, đã được viện trợ một cách dồi dào từ cả Liên Xô lẫn Trung Quốc, họ cũng đã may mắn chỉ gặp những đối thủ rất tầm thường trong phe quốc gia và những vụng về của người Mỹ, nhưng hai lý do chính khiến nó đã thành công là vì nó đã có hậu thuẫn quần chúng và vì nó là một đảng khủng bố và tội ác và dám đẩy đến cùng lô-gích khủng bố và tội ác đối với bên ngoài cũng như trong nội bộ đảng.

Nhưng từ ngày 30-4-1975 họ đã toàn thắng và qui được cả đất nước về một mối. Lô-gích tự nhiên lúc đó là phải hành xử như một đảng cộng sản cổ điển, và như họ đã làm tại miền Bắc trong hơn hai mươi năm, nghĩa là cai trị bằng kiếm kẹp, khủng bố bằng bạo lực và bằng sự nghèo đói. Nhưng thế giới đã thay đổi, phong trào cộng sản thế giới đã rạn nứt. Đảng Cộng Sản Việt Nam dù muốn hay không cũng phải bắt đầu chuyển hóa.

Đại hội 4 cuối năm 1976 đánh dấu bước đầu của một cuộc chuyển hóa từ một đảng khủng bố và tội ác sang một đảng cầm quyền và quản trị. Từ đó mọi đại hội đảng đều là những đại hội chuyển hóa theo cùng chiều hướng bắt buộc này.

Đại hội 9 cũng không khác. Điều khác biệt là nó cũng là đại hội chuyển giao thế hệ. Những cấp lãnh đạo xuất thân từ chiến tranh và có công lao trong chiến tranh cuối cùng đã phải ra đi vì già yếu theo luật đào thải tự nhiên của tạo hóa.

Không nên để bị lung lạc bởi những lời tuyên bố lạc quan và tin tưởng sau đại hội 9. Một số quan sát viên quốc tế sẽ nhận xét rằng những cấp lãnh đạo mới trẻ hơn, cởi mở hơn và hiểu biết hơn và không giáo điều như những người tiền nhiệm. Tất cả những nhận xét này đều đúng nhưng cũng chỉ là những gì chúng ta đều đã thấy. Từ 1975 đến nay

tất cả mọi đại hội đảng cộng sản đều đã có tiến bộ. Nhân sự luôn luôn trẻ hơn, cởi mở hơn và hiểu biết hơn nhưng điều đó vẫn không ngăn cản đảng cộng sản tiếp tục sa lầy và chế độ cộng sản tiếp tục suy thoái. Cố gắng chuyển hóa đã thất bại.

Nhưng tại sao cuộc chuyển hóa này lại thất bại?

Đó là vì chuyển hóa từ một đảng khủng bố và tội ác sang một đảng cầm quyền và quản trị là một cuộc chuyển hóa cực kỳ khó khăn mà chưa một đảng cộng sản nào làm được. Cuộc chuyển hóa này đòi hỏi một thay đổi văn hóa. Phải thay văn hóa chiến tranh bằng văn hóa hòa bình, văn hóa căm thù bằng văn hóa anh em, văn hóa cướp bóc bằng văn hóa lương thiện, văn hóa khủng bố bằng văn hóa đối thoại và thỏa hiệp, văn hóa phá hoại bằng văn hóa xây dựng. Và dĩ nhiên cũng cần thay những kiến thức cũ bằng những kiến thức mới. Đây là một cuộc cách mạng văn hóa to lớn và toàn diện, đòi hỏi những cấp lãnh đạo có văn hóa cao và tầm nhìn xa, những người mà đảng cộng sản hoàn toàn không có. Bộ máy khắc nghiệt của đảng đã loại bỏ khỏi vị trí lãnh đạo hầu hết những người lương thiện, có trí tuệ và nhân cách.

Mọi cuộc chuyển hóa văn hóa đều rất khó khăn, ngay cả nếu người ta ý thức được và thực hiện với tất cả quyết tâm. Nhưng mặt khác đảng cộng sản cũng không ý thức được tầm vóc và sự khó khăn của cuộc chuyển hóa này. Họ đã chỉ để cho thực tại xô đẩy và họ đã chỉ làm những thay đổi vụn vặt bất đắc dĩ khi không có chọn lựa nào khác. Những khuôn mặt lãnh đạo mới dù trẻ tuổi hơn cũng chỉ là những người già nua trong kiến thức, văn hóa và tâm lý. Điều duy nhất thực sự mới so với các đại hội trước là "đảng Lê Đức Thọ" đã chết già. Từ nay đảng cộng sản không còn dụng cụ để duy trì kỷ luật nội bộ nữa.

Thời gian sau cùng đã làm công việc của nó. Đảng cộng sản đã thay đổi, dù là một sự thay đổi không thành công. Tháng 4-1975 nó là một đảng khủng bố và tội ác xuất sắc, tháng 4-2001 nó là một đảng cầm quyền và quản trị tồi tệ. Không có gì đáng ngạc nhiên và cũng không thể khác. Các đảng cộng sản không được thành lập để quản lý tốt một

đất nước và giành thắng lợi trong một cuộc bầu cử, chúng chỉ được thành lập để tạo khủng hoảng và lợi dụng khủng hoảng để cướp chính quyền. Đảng Cộng sản Việt Nam không khác, nó còn cộng sản hơn đa số các đảng cộng sản. Không những thế nó còn thiếu quyết tâm tự cải thiện. Cuối cùng thì tên tướng cướp dù tột vẫn chưa thành người lương thiện, hắn mới chỉ thành một tên du đảng. Đơ hơn, nhưng chưa đủ. Đảng cộng sản không còn ám sát, bỏ tù hàng chục năm không cần xét xử nữa, nhưng nó vẫn tạm giam, quản chế, cắt điện thoại và dùng báo chí độc quyền để vu cáo và bôi nhọ. Và nó vẫn sợ đa nguyên đa đảng.

Giê-Su Ki-Tô cũng đã không thay đổi được văn hóa của dân tộc ông và đành chịu lấy tính mạng để trả giá cho sự sáng suốt của mình. Gorbachev cũng đã không thích nghi được bộ máy đảng cộng sản của ông, sự thay đổi tại Nga đã chỉ đến một cách khó khăn với sự đào thải của Đảng Cộng Sản Liên Xô khỏi chính quyền. Alexis de Tocqueville đã nhận định rằng mối nguy của một chế độ bạo ngược thường đến vào lúc mà nó tìm cách cải tiến. Đó là trường hợp của đảng cộng sản. Mọi cuộc thay đổi văn hóa đều không thể đến từ bên trong một trật tự có sẵn. Nó chỉ có thể đến từ những con người ngoài hệ thống đã đóng góp vào thay đổi và đã biết chuẩn bị trước để đúng hẹn với thay đổi.

Chúng ta sẽ nhìn rõ hơn tương lai của chế độ và rút ra một kết luận cho đất nước mình nếu chúng ta suy nghĩ một cách bình tĩnh về giai đoạn cộng sản đang chấm dứt. Đất nước ta từ ngày thành lập vẫn chỉ đặt nền tảng trên một văn hóa duy nhất: văn hóa Khổng Giáo giáo điều và độc đoán. Sau thế chiến II chúng ta có một cơ hội để giành độc lập và thiết lập dân chủ. Nhưng chuyển hóa về dân chủ đòi hỏi một thay đổi văn hóa lớn và một đoạn tuyệt dứt khoát và toàn diện với văn hóa Khổng Giáo. Chúng ta đã không có nổi bước nhảy vọt đó bởi vì chúng ta không có những nhà tư tưởng để hướng dẫn. Các trí thức của chúng ta đã chỉ nghĩ đến cải thiện Khổng Giáo, đa số còn kêu gọi giữ gìn văn hóa truyền thống. Có thể chúng ta không ý thức được nhưng chủ nghĩa cộng sản đã đến đúng như chúng ta mong muốn. Dù

nhiều người có thể không đồng ý, nhưng chủ nghĩa cộng sản đã là một cải tiến lớn theo chiều hướng tốt của Khổng Giáo. Nó đã đem vào những giá trị dân chủ và nhân quyền, dù ở một mức độ rất thấp so với yêu cầu của đất nước. Chế độ cộng sản như vậy là một giai đoạn chuyển tiếp tự nhiên từ Khổng Giáo sang dân chủ. Cộng sản không phải là một tai họa từ trên trời rơi xuống hay từ dưới đất mọc lên. Nó từ chúng ta mà đến và chúng ta đã xứng đáng với nó.

Một khi những đam mê và xúc động đã qua đi, các thế hệ mai sau sẽ nhìn giai đoạn cộng sản như một giai đoạn chuyển tiếp đáng tiếc mà trách nhiệm không phải chỉ thuộc về những người cộng sản. Trong chiều dài lịch sử, ngày 30-4 sẽ là một ngày để suy nghĩ.

Giai đoạn chuyển tiếp này đã kéo dài quá lâu và đã gây thiệt hại quá nhiều. Nó phải chấm dứt nhưng sự cáo chung của nó chỉ có ý nghĩa và cũng chỉ đáng mong muốn nếu để mở ra một kỷ nguyên dân chủ. Và muốn thế chúng ta cần một cố gắng tư tưởng vì đại để đạt tới một văn hóa dân chủ. Không có một cuộc vận động chính trị nào thành công nếu không được chuẩn bị trước bởi một cuộc vận động văn hóa. Chúng ta đã làm cố gắng này chưa và đã làm tới đâu rồi? Chúng ta đã có bao nhiêu người dân chủ chân chính? Dân tộc Việt Nam chắc chắn là muốn dân chủ và cũng xứng đáng để có dân chủ không kém nhiều dân tộc khác, nhưng chính trị ở nước nào và thời nào cũng chỉ là quan tâm và hoạt động của thiểu số tích cực. Vào thời điểm này chưa thể nói chúng ta đã có một văn hóa dân chủ và một đội ngũ dân chủ mà đất nước đòi hỏi.

Nguyễn Gia Kiểng

(*) Về bản chất của chủ nghĩa cộng sản, có ba cuốn sách rất nên đọc:

- *Le Livre Noir du Communisme*, Stéphane Courtois và nhiều học giả khác, Laffont, Paris, 2000.

- *La littérature oubliée du socialisme*, George Watson, Edition Nil, Paris, 2000. Nguyên tác *The lost literature of Socialisme*, Edition The Lutterworth Press, Cambridge, 1998

- *La Grande Parade*, Jean-Francois Revel, Plon, Paris, 2000.

Tại sao Việt Nam không phát triển được ?

Tôn Thất Thiện

I . Ngày 30-4 năm nay, cũng như trong các năm qua, là ngày mà tất cả người Việt đều suy ngẫm về số phận của đất nước. Đối với cộng sản thì đó là ngày vinh quang "thắng Mỹ", liên hoan "giải phóng" Miền Nam thống nhất đất nước; đối với những người quốc gia thì đó là ngày "Quốc hận" hay "Quốc nhục". Riêng tôi, thì ngày đó là một ngày để suy ngẫm về hiện trạng của đất nước: Việt Nam ngày nay là một nước độc lập và thống nhất, nhưng đang bị kẹt cứng trong một tình trạng bế tắc về phương diện phát triển kinh tế, cũng như về nhiều phương diện khác. Điều này ai cũng biết. Có người muốn bênh chính quyền cộng sản hiện nay sẽ biện hộ rằng Việt Nam có phát triển. Đúng, nhưng đó chỉ là phát triển nhỏ giọt, bất chấp chính sách của Đảng, và câu hỏi cần được trả lời một cách lương thiện là: với tình trạng hiện tại, tiềm năng của dân Việt Nam có thực sự được phát triển hay không, so sánh với các nước láng giềng thời, chớ không nói đến các nước tiến như Hoa Kỳ? Các con số dưới đây về lợi tức trung bình của các nước Đông Á hiện nay là trả lời hùng hồn cho câu hỏi đó:

Nhật Bản: USD 38.000; Singapore: 26.000; Hồng Kông: 23.400; Đài Loan: 16.300; Nam Hàn: 10.000; Malaysia: 4090; Thái Lan: 2100; Philippin: 979; Trung Quốc: 909; Indônêsiá: 815; Việt Nam xã hội chủ nghĩa: 369.

Theo kế hoạch của Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN), nếu mọi sự êm thấm, trong 5 năm nữa lợi tức trung bình của Việt Nam sẽ tăng gấp đôi, đạt mức 738 USD, nghĩa là còn thua Indônêsiá hiện nay. Trong khi đó, lợi tức các nước kia chắc chắn cũng sẽ tăng, nếu không gấp đôi, thì cũng cao hơn bảy giờ nhiều. Singapore sẽ trên 30.000 USD, Đài Loan trên 20.000, Philippin và Indônêsiá sẽ trên 1000. Việt Nam vẫn sẽ cầm đèn dò! Nghĩa là vấn đề vẫn còn nguyên.

Thực sự, tại sao có tình trạng này, ai mang trách nhiệm về nó, và làm sao tìm

ra lối thoát? Đây là ba câu hỏi đã làm cho tất cả những người Việt ưu tư về tiền đồ của đất nước trần trối tìm giải đáp hơn một thế kỷ nay. Nhưng rõ ràng là nó chưa được giải đáp thích đáng, vì Việt Nam ngày nay, so với các thời xưa, gần hoặc xa, vẫn không khác: chúng ta vẫn mục kích hiện tượng đất nước lạc hậu, một thiểu số nắm quyền chuyên chính và những kẻ bám vào họ sống phê phôn và ngạo nghễ, trong khi đa số dân chúng quần quai làm than, sống trong cảnh nghèo nàn, áp bức, chà đạp, dốt nát, tương lai đen tối, như hơn 100 năm trước.

Ý nghĩ đầu tiên của hầu hết mọi người là chỉ tay vào Đảng Cộng sản Việt Nam, quy trách nhiệm cho họ. Điều này cũng dễ hiểu. Họ là những người đã tự dành cho mình toàn quyền quyết định về mọi vấn đề, trong mọi lãnh vực, của xã hội Việt Nam, tất nhiên họ cũng phải là người mang toàn trách nhiệm về tình trạng bế tắc hiện tại của đất nước.

Nhưng nếu chúng ta xét vấn đề một cách vô tư, sâu rộng và tường tận hơn, thì chế độ cộng sản hiện tại cũng chỉ là một giai đoạn trong bao nhiêu giai đoạn trong lịch sử Việt Nam trong đó người dân Việt đã phải chịu đựng số phận mà họ đang chịu đựng ngày nay. Nhìn như vậy ta mới thấy tình trạng thê thảm của đất nước Việt Nam, và cảm thấy tội nghiệp cho người dân Việt, và đủ xúc động để muốn tìm cách giải thoát họ ra khỏi số phận nô lệ, đói rách của họ. Như ta sẽ thấy ở đoạn sau, với chế độ xã hội chủ nghĩa hiện tại, sự tắc nghẽn nặng nề và tình trạng tụt hậu trầm trọng hơn lúc nào cả.

Tất nhiên, cộng sản hay không cộng sản, tình trạng tắc nghẽn trên đây phải được khai thông. Nhưng trước khi tìm ra được giải pháp khai thông này, chúng ta, tất cả người Việt, ở khắp nơi, trong và ngoài nước, theo hay chống chính quyền cộng sản hiện tại, phải biết và hiểu thật rõ căn nguyên của tình trạng bế tắc hiện tại của xã hội Việt Nam. Có biết và hiểu

rõ căn nguyên của sự tắc nghẽn ở đâu ta mới tìm ra được giải pháp chính xác để tháo gỡ tắc nghẽn đó.

Để cho công tác trên đây mang lại những kết quả mong muốn, ta phải làm việc cho có phương pháp. Đặc biệt ta phải có một cách tiếp cận thích hợp và hiệu nghiệm. Trong quá khứ, đã có rất nhiều ý kiến, quan điểm được đưa ra, nhưng, nói chung, nó là những biện luận thuộc về hai loại: 1/ phải triệt tiêu chế độ cộng sản hiện tại; 2/ phải duy trì chế độ cộng sản hiện tại. Những biện luận đó chỉ trả lời câu hỏi "phải làm gì?" về chế độ cộng sản, nhưng không động đến các vấn đề "tại sao?" và "làm cách nào?" liên hệ đến sự không phát triển của xã hội Việt Nam. Nó không giúp gì vào sự lựa chọn khách quan một giải pháp thích nghi để giải quyết một vấn đề không phải chỉ đương thời, mà đã hành hạ dân Việt Nam suốt bao nhiêu thế hệ, qua suốt chiều dài của lịch sử.

Muốn biết "làm thế nào" thì, tất nhiên, trước hết phải biết thật rõ và thật chính xác: a/ thực trạng của Việt Nam, và b/ nguyên nhân đích xác của hiện trạng đó.

Muốn trả lời chính xác những câu hỏi trên phải có một lối tiếp cận sắc bén, hữu hiệu. Lối tiếp cận đó là cương quyết gạt bỏ sang một bên tất cả những huyền thoại, thành kiến, xét lại cận kề, tận gốc, và khách quan hệ thống giá trị đã chế ngự tư tưởng và hành vi của người Việt Nam suốt dòng lịch sử của họ. Đây là lối tiếp cận được áp dụng trong tác phẩm *Tổ quốc Ấn năn* của ông Nguyễn Gia Kiểng, một tác phẩm sẽ giúp rất nhiều vào việc làm sáng tỏ vấn đề. Do đó, tôi tưởng tìm đọc tác phẩm này là một việc rất cần thiết cho ai muốn suy ngẫm đúng đắn về vấn đề căn bản nhất của đất nước.

Tổ quốc Ấn năn là kết quả của một cuộc khảo cứu, sưu tầm, nghiền ngẫm rất công phu. Nó là một cống hiến rất lớn cho công cuộc giải quyết vấn đề trọng đại nhất của dân tộc Việt Nam ngày nay, và trong tương lai.

Ông Kiểng nói *Tổ quốc Ấn năn* là "một cuốn sách của một người Việt Nam viết cho những người Việt Nam". Đúng vậy! Ông đã đưa ra một lối tiếp cận cung cấp cho những người Việt Nam thực tâm muốn giúp dân Việt Nam

tìm một lối thoát ra khỏi một tình trạng bế tắc kéo dài từ hàng chục, hàng trăm năm nay, một phương pháp sưu khảo sâu rộng, đa diện, phân tách cận kề, khách quan, suy ngẫm chính xác, nhận định lương thiện, giúp họ ý thức được rằng muốn biết căn nguyên của tình trạng nô lệ nghèo khổ của họ và lạc hậu của xứ sở mình, họ phải tìm trong lãnh vực văn hóa tâm lý những nét tăt mà người Việt Nam mang trong cơ thể tâm thần của họ, những nét tăt mà họ đã tiềm nhiễm và truyền cho nhau từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Ông Kiểng nhấn mạnh rằng muốn biết rõ thực trạng của xứ sở và tìm ra được một lối thoát, phải có một cái "nhìn vượt thoát". Do đó, cuộc tái xét phải toàn bộ, bao gồm suốt dòng lịch sử Việt Nam. Đây là một lối tiếp cận rất mới, và rất hiệu nghiệm, theo nghĩa "powerful" của giới khoa-kỹ Mỹ. Đặt vấn đề như thế cho thấy hiện tượng cộng sản không có gì mới lạ; nó chỉ là một minh chứng hiện tại của một vấn đề căn bản đã làm khổ dân Việt Nam trong suốt dòng lịch sử của họ, nhưng đến nay vẫn lòng vòng chưa được giải quyết.

Tổ quốc Ấn năn sẽ giúp nhiều người thấy rằng, trong cách tiếp cận vấn đề Việt Nam, áp dụng phương pháp sưu khảo, phân tách đa dạng, sử dụng các môn sử, chính trị học, kinh tế học, xã hội học, tâm lý học, luật học, vào việc nghiên cứu tình hình là đúng, nhưng vẫn còn hai khuyết điểm lớn: 1/ nó không chú trọng đến một khía cạnh rất quan trọng của văn hóa: văn chương; 2/ nó chỉ giới hạn sưu khảo, phân tách, suy ngẫm của mình vào một giai đoạn nào đó, đặc biệt là giai đoạn cận đại, thay vì vào suốt dòng lịch sử Việt Nam. *Tổ Quốc Ấn Năn* bổ sung cho hai khuyết điểm này.

II. *Tổ quốc Ấn năn* là một tác phẩm dài (gần 600 trang) và rất phong phú. Nó đề cập đến rất nhiều vấn đề thuộc về rất nhiều lãnh vực. Nó chứa rất nhiều mục, rất nhiều tiết, rất nhiều dư kiện, chất liệu, nhận định, và phân xét, rất khó tóm tắt trong vài trang. Tác phẩm gồm năm phần.

Phần I (113 trang), *Đất nước và con người*, nói về những khía cạnh địa lý của Việt Nam và về con người Việt, nhằm

nhận diện những ưu và khuyết điểm cơ bản của đất nước và của con người Việt Nam

Phần II (114 trang), *Đoạn đường đã qua*, đặt lại một số vấn đề lịch sử nhằm đưa ra ánh sáng những sai lầm về cách viết sử đã ảnh hưởng không hay đến cách suy nghĩ của người Việt Nam.

Phần III (214 trang), *Vì đâu nên nổi?*, nói về các vấn đề văn hóa và tâm lý Việt Nam, và nhận định thẳng thắn, "không khoan nhượng", về di sản văn hóa, như Khổng giáo, mà dân Việt Nam đã thừa hưởng. Tác giả ghi nhận rằng phần này sẽ gây sóng gió, nhưng ông ta cho rằng đó là một điều cần thiết.

Phần IV (168 trang), *Vài hành trang cho tương lai*, nêu lên một số kiến thức cơ bản cần phải có về các vấn đề kinh tế, quản lý kinh tế tài chính, các ý niệm về quốc gia dân tộc và các chế độ chính trị. Tác giả coi những kiến thức cơ bản này là "hành trang" mà mọi người cần có để cuộc thảo luận được dễ dàng, và tình hình có thể khai thông nhanh chóng.

Phần V, (32 trang), *Vườn mình lớn dậy*, là phần kết, trong đó tác giả nói về tương quan giữa người Việt và "Tổ quốc" của họ, phân tách những giải pháp mà họ có thể lựa chọn để thoát khỏi tình trạng hiện tại, và hậu quả của sự lựa chọn của họ.

Vì, như đã nói ở trên, *Tổ quốc Ấn năn* là một tác phẩm quá phong phú, chứa đựng chất liệu quá nhiều nên trong một bài báo giới hạn trong vài trang không thể cứu xét phê bình chi tiết từng chương hay từng phần được. Ở đây tôi chỉ đề cập đến những khía cạnh mà tôi coi là những đóng góp rất lớn vào việc soi sáng vấn đề phát triển, hay đúng hơn, chậm, hay không phát triển của Việt Nam. Làm sáng tỏ vấn đề, nhất là căn nguyên của nó, lại là một đóng góp rất lớn vào việc tìm kiếm giải pháp thích ứng để tháo gỡ những chướng ngại và tạo điều kiện cho dân tộc Việt Nam phát triển nhanh và mạnh.

Một đặc điểm của *Tổ quốc Ấn năn* là nó là tác phẩm đầu tiên mà tôi được đọc đã đặt khía cạnh văn hóa tâm lý lên hàng đầu trong những khía cạnh cần cứu xét tại sao xã hội Việt Nam chậm, hay không phát triển được trong khi nhiều nước khác đã vươn lên mau chóng. Ông Kiểng đã chỉ ngón tay thẳng vào

hệ thống giá trị đã chế ngự xã hội Việt Nam suốt qua dòng lịch sử. Hệ thống đó là hệ thống văn hóa Khổng giáo.

Theo nhận định của ông Kiểng, Khổng giáo là một "văn hóa vô tổ quốc". Nó là văn hóa "truyền thống" của Việt Nam, được du nhập từ Trung Quốc từ thời Hán, thời mà Khổng giáo đã bị bóp méo để làm công cụ cho vương quyền chuyên chế. Theo văn hóa này, người ta chỉ biết có Vua, mà không biết đến Nước. Cho nên trong ngôn ngữ của ta có từ ngữ để diễn tả khái niệm "trung quân" mà không có từ ngữ "ái quốc". Ông Kiểng ghi nhận rằng từ ngữ "ái quốc" chỉ mới có từ đầu thế kỷ XX. Chế độ vương quyền Việt Nam, theo gương Trung quốc, cũng là một chế độ chuyên chế coi rẻ người dân. Trong chế độ đó, thân phận người dân là thân phận nô lệ; họ là sở hữu của vua, chỉ có bốn phận, phải chịu đựng mọi thứ - quy phục, đóng thuế, đi lính -, mà không có tiếng nói quyền hành gì cả.

Giữa vua và thứ dân có giới "sĩ phu". Nhưng giới này là đặc sản của hệ thống Khổng giáo, nên họ cũng chỉ biết "trung quân" chứ không biết "ái quốc". Phần khác, giới này chỉ lo bút nghiên để thi đỗ làm quan. Họ chấp nhận thân phận làm tôi vô điều kiện, phục tùng Vua một cách tuyệt đối. Họ khinh khi thương mại và công nghệ, nên không đóng góp gì vào sự đem lại giàu mạnh cho đất nước họ, vì hai loại hoạt động này là hoạt động chủ yếu tạo ra của cải, và bảo đảm của sự giàu mạnh của một nước.

Vì không có nước, chỉ có vua, mà họ không phải yêu, chỉ phải tuyệt đối phục tùng và ngoan ngoãn phục vụ dù trong lòng ưa thích hay không, nên người Việt không biết "yêu nước" là gì, và không thể hết lòng vì nước được. Dưới những hình thức khác nhau - vua chúa qua các triều đại, chính quyền bảo hộ Pháp, Bảo Đại và các chính phủ kế tiếp sau 1945 - các chính quyền cai trị Việt Nam đều là "vua" cả. Trong con mắt người dân, "nước" là một cái gì, một người, một nhóm người xa vời, chỉ gây phiền nhiễu và thiệt hại cho họ. Dưới chế độ cộng sản, "*Tổ quốc đồng nghĩa với chiến tranh và chết chóc*", "*một đe dọa và một gánh nặng*", xác xược, thô bạo, khống chế và hăm dọa, "*hành động như bọn giặc cướp*", đều căng lặt lọng,

không để cho mình yêu được, nên phản ứng của người dân lại càng tệ hơn nữa. Người ta không muốn nghe nói đến "yêu nước" nữa. "Yêu nước" trở thành một danh từ "*tục tiu*", như một người bạn của ông Kiểng nói với ông ở Sài Gòn năm 1982 trước khi ông rời xứ.

Ở đây, tưởng cần lưu ý rằng sự kiện ông Kiểng ghép danh từ "tổ quốc", mang một ý niệm cao cả, với những danh từ mang ý niệm tồi tệ nhất có thể làm tối nghĩa của nó nếu ta quên rằng, với khẩu hiệu "*yêu tổ quốc là yêu chủ nghĩa xã hội*", Đảng Cộng sản đã đồng hóa tổ quốc với chủ nghĩa xã hội, và trong chủ nghĩa xã hội lê-ni-nít Việt Nam hiện nay, chính quyền/quốc gia - nhà nước, quốc hội, chính phủ - là Đảng, và Đảng là hiện thân của chủ nghĩa xã hội, thì ta hiểu rõ tại sao đối với người dân Việt Nam ngày nay "tổ quốc" là một cái gì "tục tiu" mà họ không thể "yêu" được và không muốn nghe nói đến.

Các thế hệ người Việt trước đã theo những giá trị phản phát triển trên đây một cách vô tình, vô ý thức, vì họ đã bị uốn nắn như vậy. Nhưng kết quả là xã hội Việt Nam đã bị đặt vào một tình trạng tắc nghẽn. Tình trạng này lại càng trầm trọng hơn nữa dưới chế độ cộng sản hiện nay, vì trong chế độ "xã hội chủ nghĩa", áp dụng những giá trị phản phát triển trên đây là kết quả của một sự lựa chọn cố tình, có ý thức, và sự lựa chọn này lại được tuyệt đối hóa trong khẩu hiệu "*kiên định chủ nghĩa Mác-Lê*". Người dân Việt Nam không yêu nước, và đây là một nguyên do căn bản của sự chậm, hay không, phát triển của xứ sở họ. Đề tài này được ông Kiểng lặp đi lặp lại nhiều lần. Và phải công nhận rằng ông ấy nói đúng.

"Yêu nước"! Nhưng nước là gì, nước là ai, nước ở đâu mà dân yêu, trong khi quốc gia, nhà nước, chính phủ đã bị biến thành những cơ quan thừa hành của Đảng. Đảng đã dành quyền tối thượng trong nước, nghĩa là đồng hóa chế độ xã hội chủ nghĩa với chế độ vương quyền chuyên chế thời phong kiến: Đảng là vua. Chế độ cộng sản là một chế độ "*Không giáo hiện đại hóa*".

Những nhận xét trên đây của ông Nguyễn Gia Kiểng đã soi sáng vấn đề tại sao cho đến nay xã hội Việt Nam đã

không phát triển được. Nó trả lời dứt khoát câu hỏi: "Tại sao?". Nó cũng trả lời câu hỏi thứ hai về trách nhiệm của tình trạng hiện nay: DCSVN, người làm vua trong hơn 25 năm qua, tất nhiên phải lãnh trách nhiệm đó. Điều này cũng thật rõ ràng. Đó là hai đóng góp lớn.

III. Một đóng góp lớn khác, và theo tôi, còn lớn hơn các đóng góp trên, là giúp ta trả lời câu hỏi thứ ba: "Làm thế nào?".

Phải dân chủ hóa! Nói vậy chỉ là đưa ra một xác quyết. Nó cần phải được chứng minh một cách vững vàng, chặt chẽ, để phản bác lại luận cứ "*dân chủ đưa đến hỗn loạn, và phát triển kinh tế cần ổn định chính trị*" của những chính quyền áp dụng một ý thức hệ độc tài công khai, như Việt Nam "xã hội chủ nghĩa", hay "*dân chủ là một giá trị của Tây phương, mà các quốc gia để quốc Tây phương muốn áp đặt lên các quốc gia Á đông trong khi các quốc gia này có giá trị truyền thống đặc thù của mình*" của những chính quyền muốn độc tài để duy trì quyền hành như Singapore và Malaysia.

Sự chứng minh trên đây không phải là dễ. Nó chỉ có thể có được sau một cuộc khảo sát sâu rộng, đa diện, tường tận, với những lý luận dựa trên kinh nghiệm lịch sử của nhân loại, trên lý thuyết cùng những dẫn chứng cụ thể về phát triển kinh tế không phản bác được. Đây là công trình mà ông Nguyễn Gia Kiểng đã cống hiến cho chúng ta, đặc biệt là trong phần IV, mà tôi thiết nghĩ người Việt nào ưu tư về vấn đề phát triển của Việt Nam cũng cần đọc để thấu hiểu vấn đề, có những kiến thức cơ bản cần thiết và một lối suy tư hợp lý để tránh nói bâng quơ bừa bãi khi tham luận về vấn đề phát triển đất nước.

Ông Kiểng đã sưu khảo những công trình của các chuyên gia về nhiều lãnh vực - nhân chủng học, sử học, kinh tế học, phát triển học, lịch sử kinh tế, chính trị học, xã hội học, tâm lý học, văn chương - để tìm hiểu động cơ và tiến trình của sự phát triển của một số rất lớn các quốc gia trên thế giới thuộc Âu châu, Mỹ châu (cả Bắc lẫn Nam), Á châu, Phi châu: tại sao một số quốc gia phát triển mạnh và dân họ giàu có trong

khi một số quốc gia khác lại chìm đắm trong lạc hậu và dân họ đói rách? Đây là một cuộc sưu khảo rất sâu rộng, tường tận, công phu. Ai đã có đi qua con đường này đều biết rằng nó đòi hỏi người sưu khảo phải đọc hàng trăm cuốn sách và tài liệu, hàng ngàn bài tạp chí và báo, và phải dành rất nhiều thì giờ để phân tách, suy ngẫm.

Cuộc sưu khảo trên làm nổi bật một sự kiện: phát triển kinh tế không phải là một vấn đề kỹ thuật và chính trị, mà là một vấn đề văn hóa và tâm lý. Văn hóa và tâm lý độc tài, bạo lực, nô lệ làm cho xã hội tắc nghẽn. Muốn phát triển, một xã hội phải áp dụng "*văn hóa tự do và đối thoại*", mà ba thành tố căn bản là: tự do ngôn luận, đa đảng, bầu cử tự do. Giữa tự do dân chủ và phát triển kinh tế có một tương quan mật thiết, rõ ràng; những quốc gia áp dụng tự do dân chủ cũng là những quốc gia mà kinh tế phát triển mạnh, và tự do dân chủ luôn luôn đến trước phát triển kinh tế. Ông Kiểng gọi sự tương quan này là một quy luật, và quy luật này áp dụng cho tất cả các nơi trên thế giới, chứ không riêng cho các nước châu Âu và Bắc Mỹ. Ông đưa ra trường hợp Nhật Bản, Nam Hàn, Đài Loan, Philippin, Thái Lan, Singapore, Malaysia để dẫn chứng.

Vì những lý do nêu trên, *Tổ quốc Ân nân* đương nhiên là phản bác mạnh mẽ, một đại bác bắn tan dễ dàng luận điệu tuyên truyền: "*không tự do dân chủ được vì tự do dân chủ tạo hỗn loạn, làm mất ổn định chính trị, mà có ổn định chính trị mới có phát triển kinh tế*". Nó cũng làm nổi bật nhu cầu khẩn bách phải dẹp bỏ chế độ cộng sản vì chế độ này kéo dài tình trạng bế tắc của xã hội đã hành hạ dân tộc Việt Nam hàng trăm năm nay. Nó còn đó thì mọi cải tổ đều bị chặn đứng. Đặc biệt là chế độ cộng sản còn thì không có tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, và không có những tự do này thì không thể đưa ra ánh sáng và giúp dân chúng nhận diện những giá trị trong di sản văn hóa tâm lý đã có ảnh hưởng độc hại cản trở sự phát triển của Việt Nam, và đề xuất và phổ biến những tư tưởng, ý kiến mới nhằm thôi thúc dân chúng lấy những quyết định thích nghi để sửa đổi, hay thay thế những giá trị độc hại cũ, chấp nhận "*một văn hóa mới, một cách suy nghĩ mới, một cách làm*

việc mới", để xã hội Việt Nam có thể phát triển và Việt Nam có thể vươn lên được.'

Ông Kiểng đã đề cập rất nhiều đến những tệ hại nói trên - mà ông gọi là "độc hại"-, nhưng nó lại rải rác khắp nơi trong tác phẩm của ông nên không thể ghi hết nó được. Ở đây chỉ ghi và sắp xếp lại theo loại một số nét tăt có tính cách phản phát triển nhận diện được để dăng vì ông ta nhắc đi nhắc lại nhiều lần:

- lòng yêu nước mờ nhạt, không quan tâm lắm về đất nước của mình, thiếu tự hào dân tộc, trọng ngoại khinh nội;

- có tâm lý tôn thờ bạo lực, phân đẳng cấp, trên nói dưới nghe, tâm lý nô lệ, bạc nhược, chấp nhận lệ "được làm vua thua làm giặc";

- không biết rõ lịch sử của mình, còn bị tiêm nhiễm những nhận định rất sai lầm;

- thích làm quan và công chức, thù ghét làm giàu (thích an bần), trọng văn khinh nghề (trọng sĩ khinh thương);

- thiếu óc phát minh và sáng tạo, chỉ là học trò giỏi, thiếu sự dãi hơi;

- trọng bằng cấp và ham bằng cấp nhưng không chú trọng kiến thức;

- không có khả năng làm việc chung, không muốn ngồi chung với nhau, chỉ muốn ngồi trên đầu nhau, không chấp nhận ai hơn mình, thiếu gần bó, không tìm kiếm đồng thuận, chỉ đòi thực hiện cho được ý kiến của mình, chỉ muốn giải quyết những vấn đề cá nhân bằng giải pháp cá nhân;

- không quý mến nhau, xuyên tạc nhau, độc ác với nhau, bản năng thù ghét nhau rất mạnh, trong tiềm thức không ưa nhau, có sẵn một bản năng tiêu diệt lẫn nhau, buộc tội lên án nhau, thiếu hảo tâm, thiếu dùm bọc nhau;

- thiếu phương pháp, ý niệm đi rất sau thực tiễn, hành động đi trước ý thức, cứ làm mà không cần suy nghĩ về tinh thần và cái trở thành của việc đang làm; thụ động, không biết nghĩ và không dám nghĩ, không có óc nhìn xa, thiếu tầm nhìn để thấy cái vi đại quanh mình, thiếu tư tưởng, không biết truyền thông, phát ngôn vung vút, bừa bãi;

- dưới chế độ cộng sản trở thành vị kỷ, lưu manh, thô lỗ.

Bản liệt kê các nét tăt của người

Việt trên đây, tuy không đầy đủ, nhưng cũng đủ nói lên một cách hùng hồn rằng dẹp bỏ chế độ cộng sản chỉ là một bước nhỏ sơ khởi trong sự giải quyết vấn đề trọng đại và khó khăn phức tạp hơn: từ bỏ những giá trị văn hóa tâm lý - Không giáo truyền thống - đã chế ngự xã hội Việt Nam và làm cho nó bị tắc nghẽn trong suốt dòng lịch sử của nó. Như chính ông Kiểng nhận xét, "đoạn tuyệt văn hóa rất khó": thay đổi văn hóa, nghĩa là những giá trị nền tảng, để vươn lên là "một việc rất gian lao" vì văn hóa có sức sống rất dai dẳng; *"nếu quả quyết và dứt khoát thì cũng chưa chắc gì sau 50 năm nữa chúng ta đã thay đổi được"*. Thêm nữa, lại còn lưỡng lự, vì tuy đã thấy được sự lạc hậu của những giá trị cũ nhưng lại không muốn chấp nhận những giá trị mới. *"Cái gốc của chúng ta dở, nhưng chúng ta lại sợ mất gốc"*!

Trong những điều kiện kể trên, làm sao thực hiện tự do dân chủ để Việt Nam có thể phát triển và "vuơn lên"?

IV. Đặt một cách khác, câu hỏi trên sẽ là: "đất nước đi về đâu?" Đây là vấn đề ông Kiểng cứu xét trong phần cuối cùng, Phần V. "Làm sao", trong thực tại ngày nay, Việt Nam có thể có một chế độ tự do dân chủ, điều kiện tiên quyết của phát triển? Theo ông Kiểng, ngày nay, dân tộc Việt Nam - gồm tất cả các người Việt, kể cả những người cộng sản - đứng trước một ngã ba, với ba lựa chọn: 1/ chế độ cộng sản "tự ý chuyển hóa dân chủ", 2/ tạo lập một "lực lượng áp đảo" để thay thế cộng sản, 3/ quốc gia Việt Nam bị giải thể, bị xoá bỏ.

Về vai trò của người cộng sản, ông Kiểng viết: *"Chúng ta thấy rõ là đất nước sẽ không ra được tình trạng bế tắc hiện nay, trừ trường hợp đảng cộng sản dám lấy một quyết định thực táo bạo là tự ý chuyển hóa thực sự về dân chủ [...] Để thay đổi, đảng cộng sản cần một đồng minh khách quan: một lực lượng dân chủ có hậu thuẫn quần chúng và thực sự muốn dân chủ hóa đất nước trong hoà bình và trong hoà giải dân tộc"*.

Điều trên đây rất khó xảy ra. Như ông Kiểng ghi nhận: *"không có dấu hiệu gì họ có đủ dũng cảm để lấy quyết định này, trái lại chỉ có những dấu hiệu ngược*

lại [...] do một sự mù quáng khó tưởng tượng, chế độ cộng sản đang dồn mọi cố gắng để ngăn cản sự hình thành của một đối lập ôn hòa".

Lựa chọn thứ hai, tạo ra một tập hợp gồm những tinh hoa của đất nước và ý chí còn lại của dân tộc để làm tụ điểm cho một "lực lượng áp đảo". Tập hợp này là một tập hợp có tầm vóc, gồm *"thành phần có đạo đức, lý tưởng, quyết tâm, có trình độ hiểu biết tạm đủ, và có khả năng hội nhập trong một đội ngũ"*. Ông Kiểng cho rằng *"một ngàn người như thế có thể là một lực lượng đủ để hành động"* và *"báo tin mừng cho dân tộc về sự ra đời của hy vọng, bởi vì sau đó mọi việc đều dễ và tình hình đất nước có thể thay đổi rất nhanh chóng"*.

Muốn một tập hợp như trên hình thành phải tạo ra được *"một sức bật mới của lòng yêu nước và ý chí làm lại đất nước"*, và muốn vậy, phải thắng được sự thụ động của quần chúng. Ông Kiểng công nhận rằng tạo được tập hợp này là *"khó khăn"*. Khó khăn vì sau những thất vọng liên tục chổng chắt đa số người Việt Nam không còn nghĩ tới đất nước vì đã mất lòng tin vào đất nước, đã *"rã hàng và bất lực"*, không còn *"dự định chung"*. Đa số người Việt không nhìn thấy nguy cơ lớn cho đất nước, *"không ý thức rằng tình hình này có thể đưa đất nước đến chỗ giải thể"*.

Giải thể! Đây là lựa chọn thứ ba. Nó là một lựa chọn theo lối: không lựa cũng là lựa. Ông Kiểng nhận định: nếu tình trạng hiện nay kéo dài, chế độ cộng sản càng ngày càng yếu đi, tiếp tục mục nát từ bên trong, trong khi xã hội phân hóa và suy sụp, cho tới lúc mà một chính quyền trở nên rỗng tuếch và không kiểm soát được tình thế nữa vì không còn cai trị bằng bạo lực. *"Bất ổn và bạo loạn sẽ xảy ra khắp nơi, nhiều vùng sẽ không còn an ninh, trật tự và luật pháp. Lúc đó tất cả có thể xảy ra"*. Một tay anh chị nào đó, nhờ táo bạo và khôn lanh hay được hậu thuẫn của ngoại bang, sẽ nắm được chính quyền và làm đất nước đã tan nát lại càng tan nát thêm. Ông Kiểng kết luận đây là một thảm kịch có thể xảy ra sắp tới. Trên đây là kinh nghiệm mà người Việt có thể thấy ngay trong lịch sử Việt Nam.

Ông Kiểng không tin rằng quốc gia (xem tiếp trang 22)

Giải quyết "'chính tắc'" (*)

Nguyễn Đan Quế

Từ ngày ra khỏi tù vào cuối năm 1999 Nguyễn Đan Quế đã nhất quyết không rời khỏi Việt Nam. Chọn lựa chính trị đúng cảm của anh, sau gần hai chục năm bị tù đầy, là một thách thức đối với chính quyền độc tài. Do đó, anh Quế luôn luôn bị công an bao vây, nhùng nhằng, ngăn chặn thông tin và liên lạc với bên ngoài. Mặc dầu ở trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, anh Quế vẫn cương quyết tiếp tục tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền, tiếp tục thách thức chế độ bằng cách bày tỏ lập trường của mình qua những bài viết mà anh nhờ người quen phổ biến. Cuối tháng hai vừa qua, trước đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Đan Quế đã viết một bài dài lên án chính sách lỗi thời, phản lại quyền lợi dân tộc của bộ chính trị của đảng cầm quyền. Anh Quế đề nghị những cách thức tranh đấu bất bạo động để chống lại chính sách đó và kêu gọi mọi người Việt Nam kết hợp tranh đấu cho dân chủ để buộc bộ chính trị phải chấp nhận bầu cử tự do, đi tới việc dân chủ hóa đất nước trong hòa bình. Theo anh, đó là điều kiện để phát triển bền vững đất nước và hội nhập vào trào lưu tiến hóa của thế giới. Chúng tôi trích đăng dưới đây bài viết đó để trình bày với độc giả quan điểm của Nguyễn Đan Quế về việc dân chủ hóa đất nước.

Vũ Thiện Hân

Xã hội Việt Nam đang phải đau đớn lột xác trong một thế giới đầy sôi động và tiến bộ. Tại sao vậy?

Do những người lèo lái thiếu khả năng và uy tín, tầm nhìn hạn chế và luôn luôn chạy theo đuôi những biến chuyển xã hội. Xu thế thời đại đào thải cái cũ của thời kỳ chiến tranh lạnh, trong đó Đảng Cộng sản Việt Nam là một con bài mù quáng. Cái mới ngược hẳn bản chất của chế độ khiến bộ chính trị lúng túng không biết xoay sở ra sao để thích nghi mà vẫn duy trì được đảng trị. Trên mặt tuyên truyền, chủ nghĩa cộng sản phá sản nhưng không có gì thay thế, nên vẫn phải cố bám lấy và thêm vào cái đuôi dài lòng thông là chủ nghĩa Mác-Lênin - tư tưởng Hồ Chí Minh. Thật khôi hài khi xử dụng cái phá sản để chỉ đạo xã hội đi vào cái mới. Để bịp quần chúng vẫn tin theo, bộ chính trị làm ra vẻ chủ động - sự thực bị động thê thảm - trong tiến trình đổi mới. Lãnh đạo mà không biết hướng dẫn, đi đâu, khiến phát triển trì trệ và công dân phải tự lo tự phát. Do đó mà thất nghiệp cao, chăm sóc sức khỏe bết bát, giáo dục bất cập và nhất là không thể nhanh chóng đưa Việt Nam hội nhập vào Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Đã đến lúc dân tộc ta phải dứt khoát thái độ : hoặc cam chịu phát triển chậm so với tiềm năng thực sự của mình hoặc đấu tranh buộc bộ chính trị Đảng Cộng sản

Việt Nam phải đi theo xu thế mới của thời đại là dân chủ, nhân quyền, tiến bộ xã hội. Quần chúng phải giành quyền bầu ra những người lãnh đạo mới có khả năng, tư cách và nắm vững qui luật đi vào cái mới. Rõ ràng sức mạnh quần chúng giữ vai trò chính yếu ở khúc quanh lịch sử này [...]

(Trong đoạn này tác giả nói lên những mâu thuẫn, lúng túng về đường lối của bộ chính trị và tóm tắt lịch sử cận đại của Việt Nam)

Chiến tranh Việt Nam đã qua đi hơn một phần tư thế kỷ. Thế giới thay đổi hẳn. Toàn dân ta ở thời điểm này mới là người có quyền quyết định hướng phát triển Việt Nam cho phù hợp với tình hình mới của thế giới. Những tiếng nói ôn hòa hợp lý đang được mọi người lắng nghe. Tổng quát trong lòng dân tộc ta xuất hiện càng ngày càng rõ nét ba khuynh hướng: khuynh hướng hữu ôn hòa tiến bộ, khuynh hướng tả ôn hòa tiến bộ (hai khuynh hướng này do lịch sử để lại) và một khuynh hướng mới ra đời do nhu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh quốc tế hoàn toàn khác trước. Cả ba khuynh hướng này sẽ sát cánh đưa Việt Nam mạnh tiến trong tương lai. Tóm lại, thực chất đại cuộc hôm nay là làm sáng tỏ ngay hướng đúng nhất để phát triển đất nước trong thế giới mới cùng với quần chúng mà tiên phong sẽ là thế hệ trẻ từ Nam chí Bắc, trong và ngoài nước, để viết ra trang sử mới này.

Nhiệm vụ trước mắt của nhân dân ta là làm phá sản lá bài "phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa" của bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam bằng những phương pháp đấu tranh hòa bình, dân chủ. Kinh tế tự do, nhân quyền và dân chủ là lợi khí chiến lược phải được xử dụng mạnh mẽ và rộng rãi.

Sau bao nhiêu thập niên lải nhải tuyên truyền tiến lên xã hội chủ nghĩa không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, từ năm 1954 trên một nửa nước ở miền Bắc, và sau 1975 trên cả nước, kinh tế do nhà nước nắm giữ chỉ phát triển trên giấy tờ, luôn vượt chỉ tiêu, vượt kế hoạch... Bánh vẽ không còn lôi kéo được ai mà còn bị quần chúng chán ghét. Chưa bao giờ Đảng Cộng sản Việt Nam cô lập như lúc này.

Chịu đựng dài dài nghèo đói chỉ vì chủ nghĩa, để rồi thấy Liên Xô và Đông Âu rã đám, còn Trung Quốc đang chuyển mình theo tư bản, Đảng Cộng sản Việt Nam vô mộng, bơ vơ, không nơi bám víu. Năm 1986, bộ chính trị buộc phải rút quân khỏi Campuchia và mở cửa với thế giới bên ngoài, mang nặng nỗi sợ hãi mất độc quyền lãnh đạo. Kết quả của chính sách nửa vời là các nhà đầu tư đã thất vọng khi phải hợp tác với các công ty quốc doanh. Việt Nam không lôi kéo được các nhà đầu tư như các nước khác trong vùng, vốn đã bỏ xa Việt Nam cả hàng chục năm.

Tìm cách sống còn, Hà Nội cố thương thuyết trên thế yếu thương ước Mỹ-Việt; đã ký ngày 13-7-2000 và hiện đang chờ quốc hội hai nước thông qua. Tháng 11-2000, tổng thống Mỹ Clinton viếng thăm Hà nội, cổ vũ thế hệ trẻ, chiếm 60% dân số, trong vai trò quyết định cho tương lai của Việt Nam.

Khi mở rộng cửa đón nhận đầu tư và trao đổi thông tin - văn hóa, độc tài đảng trị sẽ lâm nguy vì phải tuân theo các qui luật của tự do cạnh tranh và sức hấp dẫn của trào lưu dân chủ đối với giới trẻ. Hiện bộ chính trị đang chia rẽ trầm trọng, cấu xé nhau giữa bảo thủ và cải cách. Khi quyết định buộc xã hội tuân theo nguyên tắc mà họ coi là thiêng liêng cho những gì đã đạt được, nhóm thủ cựu đang ra sức mở chiến dịch "càn Đảng", dìm những xác chết Mác, Lênin, Hồ Chí Minh làm thần tượng. Trong khi nhóm cải cách không có suy nghĩ đúng

về tầm mức thay đổi trên thế giới, không có cơ may có được hậu thuẫn quốc tế (nội bộ cạnh tranh nhau), thiếu táo bạo và ý chí chính trị cho một thay đổi cần thiết của toàn xã hội ở vào thời điểm nóng bỏng hiện nay. Đảng không có phương hướng, tư tưởng lung lay, trống đánh xuôi kèn thổi ngược, lý luận và víu chẳng dính dáng đến thực tế hàng ngày... Tập đoàn bộ chính trị chia nhau đi các nơi cố thổi sinh khí để vực Đảng dậy nhưng không nổi. Kết quả là đảng viên lo thủ lợi riêng, Đảng rơi vào tình trạng lạm phát chức vụ (từ chức vụ mới ra tiền do tham nhũng) để mua lòng trung thành của các đảng viên cao cấp. Trong nội bộ Đảng, kèn cựa quyền lợi giữa đảng viên có chức có quyền và các đảng viên khác, không có phần bao nhiêu, diễn ra công khai, không khoan nhượng.

Sự giằng co giữa bảo thủ tiếc tuổi cái cù và cái mới chưa định hình đang diễn ra trên đầu dân tộc ta với những hậu quả xấu mà người dân đang phải hứng chịu. Mâu thuẫn hiện nay rất trầm trọng giữa quyền lợi quần chúng và quyền lợi bè phái. Quyền lợi riêng tư đang quyết định vận mạng chung của đất nước, làm uế oải, chán nản mọi người, làm thui chột tuổi trẻ đầy sức sống và muốn cống hiến nhiều cho dân tộc. Khắp nơi bất mãn ngày càng gia tăng mạnh: địa phương tìm cách tránh né không thi hành lệnh trung ương, biểu tình nhiều nơi chống cán bộ, đảng viên tham nhũng, chiếm đoạt đất đai trái phép, đòi tự do tôn giáo... Gần đây nhất các sắc dân thiểu số trên cao nguyên Trung phần nổi loạn đòi lại đất đai của tổ tiên họ bị nhà nước cướp cho di dân ngoài Bắc vô tròng cả phe. Bạo lực là sở trường của cộng sản, nhưng nếu đàn áp sẽ rối loạn vì Đảng đã đẩy dân đến chỗ liều. Tình hình Việt Nam là thùng thuốc súng có thể nổ bất cứ lúc nào. Bộ chính trị đang ngồi tính mưu gian trên kho thuốc nổ đó.

Trước hiện tình đất nước, trong vùng và trên thế giới, với những thay đổi lớn lao như vậy, nhân dân ta phải làm gì ?

Đây chính là lúc cần tác động mạnh, cần những tác động có tính quyết định. Đánh đổ bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam do Phiêu-Khai-Lương cầm đầu và bất cứ tập đoàn nào kế tiếp, buộc họ phải

đi đến chỗ chấp nhận bầu cử công bằng, tự do có giám sát quốc tế, để những người có khả năng ra lãnh đạo, đổi mới đất nước với đường lối thực tiễn và tiến bộ nhất.

Cụ thể về kinh tế

1. Nhân dân ta đòi quốc hội Việt Nam phải thông qua, ngay sau khi quốc hội Mỹ đã thông qua, và nghiêm chỉnh thi hành thương ước Mỹ-Việt, để khai thông bế tắc về đầu tư và buôn bán, tạo nhiều công ăn việc làm, giải quyết thất nghiệp và kiến tạo thế trong-ngoài để phát triển hữu hiệu Việt Nam hầu đi dần vào hội nhập toàn cầu. Mở cửa giao thương sẽ biến đổi hẳn hạ tầng cơ sở xã hội theo kinh tế thị trường. Hạ tầng mới sẽ quyết định thượng tầng mới phù hợp.

2. Vận động giới đầu tư ngoại quốc làm ăn ở Việt Nam tích cực tham gia như một thành phần năng động trong sinh hoạt hàng ngày của xã hội Việt Nam, hợp tác giữa chủ - thợ trên căn bản tôn trọng quyền công nhân, phải có công đoàn tự và tự do báo chí thì sản phẩm mới có chất lượng tốt để cạnh tranh và mới có thể chống lại những lạm của giới cầm quyền với việc áp dụng luật pháp tùy tiện.

3. Mọi người, mọi giới lên tiếng đòi giải tư tất cả các xí nghiệp quốc doanh làm ăn thua lỗ. Khu vực tư nhân phải giữ vai trò chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển của khu vực tư sẽ thu nhập công nhân bị mất việc do các công ty quốc doanh đóng cửa. Nhân dân ta cần tẩy chay chính sách duy trì quốc doanh, mấu chốt của bế tắc hiện nay. Trong nước đòi, đầu tư bên ngoài vào hết lòng ủng hộ, bộ chính trị không có con đường nào, khả năng nào, phương cách nào là khuất phục đi theo xu thế kinh tế toàn cầu.

Về chính trị

Ràng buộc chặt chẽ với thông thương, kinh tế thương mại, chúng ta đòi Hà nội phải tôn trọng nhân quyền và tiến đến tổ chức bầu cử dân chủ theo trình tự :

a. Dẹp bỏ sinh hoạt đảng trong giờ hành chánh, không được dùng tiền dân đóng thuế để chi tiêu và trả lương cho cán bộ uỷ các cấp chuyên trách tổ chức phát triển Đảng. Vận động toàn dân nhất loạt đòi tách Đảng ra khỏi chánh

quyền, vì bộ máy hành chánh hoạt động do tiền của dân không thể là công cụ cho bất cứ đảng phái nào.

b. Để quốc hội hiện nay soạn thảo luật bầu cử tự do, công bằng và có giám sát quốc tế. Quốc hội Việt Nam, cơ quan quyền lực cao nhất dù chỉ là hình thức, là đại diện cho toàn dân, dù cùng chỉ là trên nguyên tắc, nên được giao phó nhiệm vụ soạn thảo này để tránh tranh cãi về tính hợp pháp cho giai đoạn chuyển tiếp.

c. Chính quyền, đã tách khỏi Đảng, chiếu theo luật trên, tổ chức bầu ra quốc dân đại hội với nhiệm vụ thảo ra hiến pháp mới cho Việt Nam.

Mọi đổi thay nếu không giải quyết dứt khoát những vấn đề căn bản trên thì chỉ là chiến thuật giai đoạn, hoặc nhượng bộ thứ yếu, hoặc trình diễn, nhằm lừa bịp, lôi kéo dư luận trong nước và quốc tế của bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, mà đại hội IX lần này là một cố gắng leo dốc với hy vọng làm dịu bớt bất mãn đang dâng cao của quần chúng.

[...] Tập hợp Vì nền Dân chủ không phải là tập hợp theo đầu óc đảng phái, hay quyền lợi riêng tư hay tham vọng cá nhân mà là tập hợp quần chúng nhân dân rộng khắp đòi lại quyền lợi cơ bản thiết thân mà họ đáng lẽ đã phải được hưởng, nhưng bị bộ chính trị Đảng Cộng sản dùng công an trị và tuyên truyền lừa bịp, cướp trắng. Đó là quyền được tham gia điều hành công việc của đất nước và quyết định tương lai của chính mình. Toàn dân muốn thiết lập một cơ chế dân chủ, luôn tạo cơ hội để thời nào cũng có những người tài đức ra giúp nước. Và chắc chắn chúng ta không muốn và không thể để số mạng dân tộc ta rơi vào tay bất cứ nhóm lòng đoạn lãnh đạo cộng đồng nào khác nữa. Chính vì thế mà Tập hợp Vì nền Dân chủ trong giai đoạn đánh đổ độc tài phải là tiền đề cho nền dân chủ vững mạnh của Việt Nam trong tương lai. Rối loạn hay đi ngay vào phát triển có mấu chốt từ tinh thần tập hợp sai hay đúng từ ngày hôm nay.

Vì là cuộc chiến đấu toàn dân, toàn diện, cài răng lược, không có chiến tuyến và bất bạo động, nhân dân sẵn sàng chấp nhận tất cả để có tương lai tươi sáng hơn. Trong hoàn cảnh lòng dân như thế, bạo lực nào có thể đàn áp

nổi? Loài người văn minh có thể khoan tay đứng nhìn mà không có thái độ? Bản Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân Quyền và các chính phủ dân chủ trên thế giới, các đại biểu dân cử, các tổ chức tranh đấu cho nhân quyền, công bằng xã hội đang bên cạnh nhân dân ta, theo dõi và hết lòng ủng hộ cuộc đấu tranh giành quyền được sống xứng đáng, bởi lẽ chính nghĩa của dân tộc ta là chính nghĩa của các dân tộc trên thế giới và tiến bộ chính trị ở Việt Nam trong những ngày tới sẽ làm nức lòng người khắp nơi.

Bất cứ ai, ở bất cứ đâu, ủng hộ dân chủ hoá Việt Nam, hãy cùng nhau tập hợp lại để:

Thứ nhất : Phối hợp hành động để tăng sức chiến đấu qua những phương tiện thông tin toàn cầu mới, mà nay không một chính quyền nào có thể kiểm soát nổi.

Thứ nhì: Ai sẵn sàng mang hết tâm trí, nghị lực và khả năng biến lý tưởng chung thành hiện thực có nhiệm vụ, có bốn phận hướng dẫn những anh chị em khác cùng hoạt động.

Thứ ba : Các cá nhân dũng cảm, hoạt động xuất sắc, có uy tín tất nhiên sẽ là những tấm gương sáng được cộng đồng yêu mến, tín nhiệm. Đây mới chính là những viên đá tảng cấu thành nền chính trị rộng lớn đánh đổ độc tài và xây dựng dân chủ bền chắc cho Việt Nam.

Thử thách lớn lao tới đây sẽ cho thấy rằng bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam không có con đường nào khác hơn là từ bỏ độc tài đảng trị, ngã theo quần chúng và xu thế thời đại, nghĩa là chấp nhận bầu cử công bằng tự do. Khi bước vào bầu cử, đường lối nào giải quyết hữu hiệu bài toán chậm tiến Việt Nam sẽ được ủng hộ rộng rãi và những ai hoạt động biến đường lối mới này thành hiện thực giỏi nhất qua quá trình đánh đổ độc tài và kiến tạo dân chủ sẽ được đa số cử tri bầu làm lãnh đạo của họ. Còn nhiều khó khăn, nhưng dân tộc tái sinh. Vì vậy chông gai mấy chúng ta cùng cùng nhau ra sức gánh vác.

Nguyễn Đan Quế

Tập hợp Vì nền Dân chủ
Việt Nam, 21-2-2001

* Tác giả đã thay chữ "hải" trong hải tặc bằng chữ "chính" của chính trị.

Vấn đề phát triển bền vững Việt Nam

Nguyễn Ngọc Hiệp

Bước ngoặt chuyển đổi kinh tế và xã hội Việt Nam từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang một hệ thống tổ chức kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã được xác định năm 1986. Chính quyền Việt Nam đã thực hiện bước ngoặt này trước hết là để chấm dứt tình trạng thiếu hụt lương thực trầm trọng xảy ra trong những năm đó. Rồi chính quyền Việt Nam có đề ra chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội 1991-2000. Nét nổi bật nhất của chiến lược này là mở cửa để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện cần thiết cho nền kinh tế thoát khỏi bế tắc, khai thông sự tăng trưởng sản xuất và thương mại. Những nỗ lực thu hút đầu tư nước ngoài đã đạt được những thành tựu đáng kể từ khoảng 1994 đến 1997. Trong thời gian này, đầu tư nước ngoài đã ảnh hưởng mạnh giúp sản xuất tăng trưởng, mẫu dịch quốc tế mở rộng, kinh tế vì mô ổn định. Nhưng từ năm 1998, kinh tế Việt Nam chuyển mau chóng sang tình trạng suy thoái toàn diện. Tiêu biểu nhất là tỷ lệ tăng trưởng tổng sản lượng quốc nội (GDP) chỉ bằng một nửa của vài năm trước đó. Điều này cho thấy sự phát triển kinh tế xã hội Việt Nam không có nền tảng bền vững. Trong khi đó tỷ lệ đói nghèo còn rất cao, nạn thất nghiệp và bán thất nghiệp còn trầm trọng, trình độ tri thức và công nghệ còn thua kém nhiều các nước khác trong khu vực, cơ sở hạ tầng tối cần thiết cho phát triển vô cùng thiếu thốn.

Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ nhóm họp vào tháng 4-2001 và sẽ thông qua chiến lược phát triển 2001-2010 với các mục tiêu chính yếu là : tăng gấp đôi GDP, nâng cao tỷ lệ đầu tư lên 30% GDP, tăng xuất khẩu 14% mỗi năm và xóa đói giảm nghèo. Những mục tiêu này tương đối cao và có nhiều tham vọng. Nhưng trong hoàn cảnh kinh tế xã hội của Việt Nam còn yếu kém và có mức sống thấp, đồng thời đất nước không thiếu tiềm năng phát triển thì những mục tiêu đó đều có thể thực hiện được. Vấn đề đặt ra là chính sách và chiến lược phát triển 2001-2010 của

chính quyền Việt Nam lấy gì làm trung tâm ? Những cột trụ của công cuộc phát triển là gì ? Quan điểm về phát triển thể hiện trong chiến lược có giá trị tới mức độ nào ? Chiến lược đáp ứng như thế nào các yêu cầu có tính cách quyết định đối với tính bền vững của công cuộc phát triển ? Công cuộc chuyển đổi Việt Nam trong những năm sắp tới có triển vọng đưa kinh tế xã hội vào con đường phát triển bền vững không ? Những thực hiện của chiến lược 2001-2010 sẽ so sánh như thế nào với những kết quả mà chiến lược 1991-2000 đã đạt được ?

Thế nào là phát triển bền vững ?

Ý niệm về phát triển bền vững bắt đầu phổ biến vào khoảng cuối thập niên 1980. Nói tóm tắt, phát triển bền vững là sự chuyển đổi và tiến bộ toàn diện về tất cả các mặt kinh tế, xã hội, môi sinh, văn hóa, nhận thức, chính trị, hiểu biết, công nghệ, v.v. Trung tâm của phát triển bền vững là con người. Thách thức lớn nhất của phát triển bền vững là thỏa mãn những yêu cầu cơ bản của con người, nâng cao chất lượng cuộc sống của quần chúng, tạo điều kiện thuận lợi đáp ứng thích hợp yêu cầu của các thế hệ mai sau. Diễn nghĩa rộng hơn và một cách cụ thể, phát triển bền vững đòi hỏi (1):

- Cải thiện cuộc sống của người dân, thỏa mãn các yêu cầu kinh tế tất yếu về lương thực, dinh dưỡng, chỗ ở, may mặc, y tế, vệ sinh, phòng bệnh và chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe, v.v.
- Bảo đảm người dân có cuộc sống ổn định, có việc làm, có giáo dục và đào tạo, có phương tiện để tiến lên, có cơ hội để thực hiện các ước mơ.
- Chuẩn bị điều kiện để các thế hệ đi sau có tương lai tốt đẹp, tăng cường và cải thiện các cơ sở và cơ chế để sự phát triển kinh tế xã hội được liên tục và lâu dài.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho quần chúng xây dựng nhận thức, tri thức và công nghệ; khuyến khích quần chúng tham gia đóng góp vào công cuộc phát triển ở mọi cấp bậc; tôn trọng quyền tự do thảo luận, trao đổi, góp ý và thông tin; bảo đảm và bảo vệ các quyền kinh

'tế, dân sự và chính trị cơ bản.

- Thực hiện quản lý quốc gia tốt, bảo vệ môi trường, sử dụng và phân phối hợp lý tài nguyên, tăng cường năng lực quốc gia, nâng cao hiệu quả hành động.

Phát triển bền vững đồng nghĩa với cải thiện các giá trị, tăng cường vốn hiểu biết, phát triển năng lực, kiện toàn cơ sở luật pháp, các cơ chế và thể chế quản lý quốc gia. Tất cả các chuyển đổi này đặt trên cơ sở đối thoại và trao đổi, tham gia, bàn bạc và thương thảo, sự dung hòa và tính đồng thuận giữa các thành phần xã hội và thành phần quản lý quốc gia (2).

Phát triển quốc gia và sự toàn cầu hóa

Ngày nay, ý niệm quốc gia dân tộc bị suy yếu, thực thể quốc gia dân tộc cũng chuyển đổi nhiều và tiến trình toàn cầu hóa chi phối rất mạnh sự phát triển kinh tế xã hội của tất cả các quốc gia. Các nước chậm tiến nói chung, Việt Nam nói riêng, có nhiều cơ hội để vươn lên, nhưng đồng thời cũng phải đối phó với những thử thách phức tạp và gay go. Các nước nào khai thác tối đa các cơ hội thì kinh tế xã hội sẽ phát triển thuận lợi, còn nếu thiếu khả năng đối diện các thử thách thì kinh tế xã hội phải chịu nhiều thiệt thòi. Với tiến trình toàn cầu hóa, sản xuất và thương mại có thể mở rộng ra thị trường toàn cầu rất lớn. Trong lãnh vực vốn đầu tư cũng vậy, thị trường tư bản nước ngoài có thể giải quyết vấn đề tiết kiệm và tích lũy yếu kém trong nước. Đối lại, thử thách cho các nước là giữ được sự ổn định và phát triển công bằng, toàn diện và bền vững trong khuôn khổ các điều kiện kinh tế xã hội ở trong và ngoài nước luôn luôn thay đổi. Bởi vậy, phát triển bền vững kinh tế và xã hội, bảo đảm sản xuất và thương mại tăng trưởng liên tục cũng như đưa đất nước tiến lên văn minh giàu mạnh đều đòi hỏi phải hội tụ những điều kiện về nhiều mặt, vận động tất cả tiềm năng và sáng kiến. Dựa trên kinh nghiệm phát triển gần đây của các nước chậm tiến cũng như các nước xã hội chủ nghĩa cũ, phát triển kinh tế xã hội lành mạnh và có cơ sở đích thực phải là phát triển bền vững, phát triển có công bằng, phát triển lấy trung tâm là con người, phát triển đồng bộ về nhiều phương diện, phát triển các quyền tự do dân chủ, kiện toàn hệ thống pháp luật, cải thiện các cơ

chế và thể chế hóa các hoạt động (3). Đặc biệt quá trình chuyển đổi và phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa cũ chứng minh rằng tự do hóa giá cả, xóa bỏ hàng rào quan thuế, mở rộng trao đổi mậu dịch, thi hành luật cung cầu không đủ để có hệ thống kinh tế thị trường hữu hiệu làm động lực phát triển kinh tế xã hội bền vững. Những nước như Ba Lan, Tiệp Khắc, Xlô Va Ki, Xlô Vê Ni, đã sớm rút kinh nghiệm và đi trước trong việc thiết lập thể chế, sửa đổi cơ chế, cải thiện luật pháp, quy định hợp lý quyền hạn nhà nước, khuyến khích sáng kiến cá nhân. Các nước này từng bước đã tiến tới xây dựng những hệ thống quản lý thông thoáng, xuyên suốt và có hiệu lực. Bởi vậy, cuộc chuyển đổi kinh tế xã hội đã tạo nhiều thành tựu hơn các nước khác. Ba Lan, Tiệp Khắc, Xlô Va Ki, Xlô Vê Ni đã phục hồi sản xuất sớm, có điều kiện phát triển kinh tế xã hội trên một nền tảng đổi mới sau khoảng ba năm sa sút và thiếu ổn định (4).

Đối với các nền kinh tế chậm tiến cũng như những nước xã hội chủ nghĩa cũ đang chuyển đổi, những điểm mấu chốt trong chiến lược phát triển bền vững là đầu tư để đáp ứng yêu cầu của con người, xây dựng nhận thức của quần chúng, khuyến khích cá nhân chủ động, tăng cường sự đối thoại, tham gia và trách nhiệm trả lời của các thành phần trong hệ thống quản lý quốc gia (5).

Phát triển trong những năm đổi mới

Sau 15 năm thi hành chính sách đổi mới và phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó có chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội 1991-2000, Việt Nam đã có những thành tựu đáng kể: GDP gia tăng mau chóng, xóa đói giảm nghèo có những bước tiến quan trọng, kinh tế vĩ mô được ổn định, đầu tư nước ngoài lên cao. Nói chung, những thành tựu đó đã cải thiện rõ rệt kinh tế và xã hội Việt Nam khi so sánh tình trạng năm 2000 với những năm đầu của đổi mới. Công cuộc đổi mới kinh tế và xã hội có những bước tiến nhanh vì bắt đầu ở mức rất thấp, một tình trạng kinh tế yếu kém và thiếu hụt nghiêm trọng về lương thực và hàng hóa và với những điều kiện sống không ổn định vì thất nghiệp và nghèo đói. Những chuyển đổi đó đáng kể về số

lượng nhưng yếu kém về chất lượng. Những thành tựu đạt được xét về phương diện phát triển bền vững thì có giá trị giới hạn. Kinh tế và xã hội Việt Nam phát triển không toàn diện, không công bằng. Tiêu biểu nhất là tốc độ phát triển nông thôn vô cùng thấp kém mặc dù 75% dân số và gần 95% dân nghèo sống ở nông thôn. Chiến lược phát triển 1991-2000 không giải đáp yêu cầu đa dạng hóa nông nghiệp để nâng cao mức thu nhập của người lao động nông nghiệp. Số nông dân nghèo khổ quá lớn đã gây ra tình trạng di dân tràn lan tới các thành phố. Môi trường nông thôn xuống cấp và phải chịu những tổn hại nặng nề. Sự chênh lệch gia tăng giữa thành thị và nông thôn, giữa vùng xa, vùng núi và các miền nông nghiệp trù phú, giữa người Kinh và các sắc tộc thiểu số. Dù công cuộc xóa đói giảm nghèo đã có những thành tựu như nêu trên, song vẫn còn khoảng 37% dân số sống trong cảnh nghèo đói (6). Ngoài ra nguy cơ bị đẩy trở lại tình trạng nghèo đói còn ở mức cao do người dân dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thất nghiệp, thiếu việc làm, sức khỏe yếu kém. Các yêu cầu cơ bản của người dân về an sinh xã hội, y tế, dinh dưỡng, vệ sinh môi trường chưa được đáp ứng thỏa đáng. Hiện nay khoảng 40% trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng. Đây là một mối đe dọa lớn đối với các thế hệ sau.

Về phương diện quản lý quốc gia thì hoàn toàn thiếu những chuyển đổi và cải tiến tối thiểu. Trình độ và hệ thống quản lý quốc gia Việt Nam vẫn còn yếu kém. Trách nhiệm của các ngành lập pháp, hành pháp và tư pháp tiếp tục không được phân định hợp lý. Tính độc lập của mỗi ngành vẫn không có. Luật pháp luôn luôn không rõ ràng và việc tuân thủ và thi hành pháp luật không nhất quán. Giới lãnh đạo tiếp tục chống nhà nước pháp trị, trì hoãn hợp lý hóa hệ thống hành chính, thiếu cố gắng xây dựng năng lực cán bộ và thể chế, không chủ tâm khuyến khích hoặc thực hiện chế độ dân chủ ở cơ sở. Các cơ chế quản lý quốc gia không được nâng cấp.

Những yếu kém cơ bản

Sự phát triển của Việt Nam trong 15 năm đổi mới có một yếu kém cực kỳ cơ bản là tính lưỡng thể của sự phát triển.

Nói cách khác, sự chuyển đổi không có tính chất toàn diện, đồng bộ và nhịp nhàng. Trong mọi lãnh vực và nhìn từ dưới tất cả các khía cạnh, luôn luôn có hai khu vực, hai bản chất, hai hệ thống, hai nhận thức, hai cơ chế, song song và thường xung đột với nhau. Điều này là một trở ngại rất lớn cho sự phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững. Tính lưỡng thể biểu hiện ở nhiều cấp bậc. Chẳng hạn, cơ chế kinh tế thị trường đi song với sự quản lý theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thành thị tiến mau và được hưởng tối đa các lợi ích của đổi mới nhưng ngược lại nông thôn bị thiệt thòi vì bị phân biệt đối xử. Hoặc như một mặt hoạt động sản xuất và thương mại càng ngày càng đa diện phong phú, cố gắng thích hợp với thế giới và thời đại, mặt khác các cơ chế, thể chế, hành chính và luật pháp mà nội dung còn khô cứng và chỉ thay đổi hình thức. Một yếu kém khác là Việt Nam phát triển từng phần, khu vực này không đan xen với khu vực kia để có tính đồng bộ. Nói chung sự phát triển không nhất quán. Chẳng hạn Việt Nam có mục đích mở rộng mậu dịch, giành lợi thế trên thị trường thế giới nhưng không có kế hoạch hoàn chỉnh để hội nhập tiến trình toàn cầu hóa. Việt Nam vẫn giữ chính sách sản xuất thay thế nhập khẩu, bảo vệ hàng hóa trong nước. Người lao động thường không có tay nghề (chỉ có 27% lao động Việt Nam được huấn luyện đào tạo), quản lý thiếu tri thức và công nghệ, tín dụng không được phân bổ theo rủi ro, hiệu suất đầu tư và khả thi thương mại. Tính vấp vúi trong sự phát triển xảy ra trong nhiều lãnh vực như kinh tế tư nhân, đầu tư nước ngoài, ngân hàng, phát triển nông thôn.

Yếu kém thứ ba là yêu cầu cơ bản của con người không phải là trung tâm của phát triển. Bởi vậy vẫn còn 37% dân số Việt Nam sống trong cảnh nghèo đói, 95% người nghèo sinh sống ở nông thôn, cộng thêm nạn thất nghiệp, tình trạng việc làm bất ổn và không đủ sống. Hệ thống bảo trợ và an sinh xã hội thiếu sót và không có hiệu quả. Dịch vụ y tế, vệ sinh cơ bản cho người dân vẫn còn thấp. Vệ sinh môi trường, sức khỏe cộng đồng cũng không hơn. Vấn đề suy dinh dưỡng của trẻ em sẽ là một trở ngại quan trọng cho sự phát triển lâu dài và

tổng thể của Việt Nam. Còn một yếu kém cơ bản nữa là sự phát triển không dựa trên một hệ thống quản lý quốc gia với một hành chánh và những cơ chế có khả năng phát triển quốc gia bền vững. Không một nền kinh tế quốc gia nào phát triển lành mạnh mà không có một hệ thống quản lý quốc gia tốt.

Khuôn xã hội chủ nghĩa và bối cảnh toàn cầu hóa

Đề cập vấn đề phát triển Việt Nam thì không thể bỏ qua vài yếu tố đặc trưng sau đây: Việt Nam là một nước chậm tiến có những cách biệt sâu sắc, những cơ chế yếu kém, những thể chế không thuận lợi cho văn minh, tiến bộ; Chuyển đổi và phát triển Việt Nam từ khuôn mẫu xã hội chủ nghĩa đòi hỏi một chiến lược thống nhất, xuyên suốt, hoàn chỉnh. Những quyết định lẻ tẻ và dò dẫm hoặc những thực hiện không đồng bộ sẽ làm sự phát triển chậm trễ và có ít phẩm chất; Việt Nam tuy có yêu cầu hội nhập tiến trình toàn cầu hóa nhưng vẫn không thể chuyển đổi và phát triển mà bỏ qua ý niệm và thực thể quốc gia dân tộc, thiếu sót tính công bằng, đồng thuận và nhất trí giữa các thành phần, các vùng các miền, các cấu cánh, các phương tiện. Phát triển Việt Nam không thể là gì khác ngoài phát triển bền vững, phát triển công bằng và có dân chủ.

Việt Nam đang phát triển từ khuôn mẫu xã hội chủ nghĩa mà bản chất rất gò bó và thiếu linh hoạt. Bởi phát triển là chuyển đổi, cho nên một chiến lược phát triển cho Việt Nam nhất thiết phải đặc biệt chú trọng khuyến khích trước hết sự chuyển đổi. Chiến lược cần tạo điều kiện thuận lợi cho sự tiếp cận và hội nhập, cần xóa bỏ các hàng rào về cơ chế, định chế, hành chánh, luật pháp ngăn chặn chuyển đổi. Chiến lược cần phải xây dựng những hệ thống quản lý thuận lợi cho tiến bộ, đào luyện nhân sự có tư duy đổi mới. Chiến lược cần phải ưu tiên chọn lựa những kế hoạch có thể góp phần thay đổi nền tảng kinh tế xã hội. Đặc biệt cần phải đề phòng xây dựng nhận thức và kỹ năng, chuyển giao công nghệ mới có thể đưa tới những chuyển đổi kinh tế xã hội có tính lưỡng thể.

Kinh tế xã hội chủ nghĩa đã cáo chung. Sự kiện này chứng minh là hệ thống xã hội, chính trị, kinh tế của chế

độ xã hội chủ nghĩa vô hiệu. Tuy nhiên điều đó không cho phép kết luận vội vàng rằng nhà nước không được có vai trò quan trọng trong quản lý kinh tế hoặc phải hoàn toàn tin tưởng vào kinh tế thị trường. Nhưng sai lầm và nguy hại hơn cả là kết hợp vấp vúi và gượng ép hệ thống chính trị xã hội theo chủ nghĩa xã hội với tổ chức kinh tế thị trường. Chiến lược phát triển Việt Nam đúng đắn có nhu cầu tìm ra sự quân bình thuận lợi giữa nhà nước, các cộng đồng, các cá nhân trong khuôn khổ kinh tế thị trường.

Sự toàn cầu hóa đòi hỏi Việt Nam phải thiết lập hệ thống kinh tế mở và hội nhập kinh tế vùng và kinh tế thế giới. Tuy nhiên, bên trong Việt Nam nhất thiết phải có một hệ thống quản lý quốc gia vì con người và với các cộng đồng và các địa phương. Các cộng đồng và địa phương chủ động tham gia tích cực quản lý quốc gia. Chiến lược phát triển Việt Nam phải dựa trên sự tản quyền đúng đắn và tích cực. Cơ chế và thể chế quốc gia cần có ổn định, năng lực kinh tế xã hội cần được tăng cường.

(xem tiếp số tới)

Nguyễn Ngọc Hiệp

(1) *National Strategies for Sustainable Development : the Challenges Ahead*, Dalal-Clayton B. & Bass S., International Institute for Environment and Development (IIED), London.

(2) *Strategies for National Sustainable Development : a Handbook for their Planning and Implementation*, Carew-Reid J., Prescott-Allen R., Bass S., Dalal-Clayton B., IIED.

(3) *Towards a New Paradigm for Development : Strategies, Policies and Process*, Joseph Stiglitz, Prebisch Lecture at UNCTAD, 10-1998, Geneva.

(4) *Transition to a Market Economy and Sustained Growth. The implications of the Post-Washington Consensus*, Kolodko G. W. , Overseas Development Council, 1999.

(5) *Concept of Development*, Novartis Foundation for Sustainable Development, 1999.

(6) Mức đói nghèo tính với 70% thành phần là lương thực (2100 ca lô ri/ngày) và 30% thành phần còn lại là nhu cầu tối thiểu về nhà ở, may mặc, y tế, vệ sinh, v.v. Tính tổng quát mức đói nghèo tương đương với một Mỹ kim thu nhập đầu người mỗi ngày.

Những điều chưa nói đằng sau một bài báo

Chính Tâm

Ngay sau khi phần đầu bài báo *Mặt thật của một vài người mượn danh "hiền sĩ" khoác áo dân chủ* của Nguyễn Như Phong xuất hiện trên báo *An ninh Thế giới*, một tờ báo "chuyên đề" của bộ công an Việt Nam, nó đã gây ra một làn sóng phản bác kịch liệt trong dư luận người Việt ở trong và ngoài nước. Làn sóng phản bác ấy, của cả những người "trong cuộc" là Hà Sĩ Phu, Mai Thái Linh, Nguyễn Thanh Giang lẫn người "ngoài cuộc" như Trần Độ và những người khác, như thế nào, chúng ta đã biết. Tuy nhiên, đây mới chỉ là mặt trước của bài báo. Còn đằng sau nó là cái gì, hình như vẫn chưa ai động bút tới. Vì vậy, dưới đây người viết bài này xin được lạm bàn tiếp.

Trước hết về nhà báo Nguyễn Như Phong, tác giả của bài viết nói trên. Sòng phẳng mà nói, Nguyễn Như Phong là một nhà báo xông xáo và có tay nghề. Khi đọc những bài viết của anh ta trên báo *An ninh Thế giới*, từ *Paris...du ký*, *Buồn vui trên những tuyến đường đến Chuyện thường ngày ở... công an phường*, đặc biệt các bài viết về tệ nạn xã hội, chống tham nhũng, khai ra nhiều thí dụ, đoạn làm ăn xảo quyệt của bọn tội phạm kinh tế, như bài *Con đường phạm tội của "ông vua" xe máy chuyên dụng Phạm Ngọc Lâm*, *Vụ án Mường Tè và những điều không có trong hồ sơ*, v.v., người đọc nhận thấy ở ngòi bút của Nguyễn Như Phong sự nhạy cảm, sắc sảo và cả sự... trung thực, nhân bản nữa. Đó là những đức tính quý, rất cần đối với những người làm báo mà không phải nhà báo nào ở Việt Nam hiện nay cũng có, nhất là trong "cơ chế thị trường", tình trạng xuống cấp về đạo đức, trong đó có đạo đức nghề nghiệp, đang gây cho xã hội nhiều lo âu. Vụ một số nhà báo viết bài bao che, bênh vực Mai Văn Huy, giám đốc Công ty Thương mại - Dầu khí Tỉnh Đồng Tháp, kẻ đã chiếm đoạt tài sản công cộng (1) chỉ là một trong nhiều thí dụ về cái "tệ nạn" "nhà báo nói láo" để ăn tiền. Viết về "quốc nạn" tham nhũng, Nguyễn Như Phong không che giấu cảm xúc của mình. "Tôi

đọc tên những quan chức của một số ban, ngành và địa phương đã nhận tiền của Lê Minh Thiết...", Nguyễn Như Phong viết: "Số tiền không lớn lắm nhưng nhìn tên các vị nhận tiền, thấy rất buồn" (2). Theo cách nghĩ thông thường, người có cảm xúc như vậy phải là người trung thực. Viết về chuyện buôn bán, Nguyễn Như Phong tổng kết một qui luật: "Trên đời này đã làm nghề buôn thì có lẽ ai cũng nghĩ mưu nghĩ kế để làm sao trốn được thuế, vì vậy buôn luôn đi kèm với...lậu. Cứ gì tư nhân đi buôn lậu, khối công ty quốc doanh còn tổ chức buôn lậu một cách có tổ chức" (3). Cũng phải là người có những suy nghĩ trong sáng, có lối sống ngay thẳng, Nguyễn Như Phong mới không ưa những chuyện làm ăn mờ ám, chui lủi như thế...

Thú thật, tôi ưa văn phong báo chí của Nguyễn Như Phong. Anh ta có lối viết giản dị, không uốn éo, không ra vẻ ồn ào chữ nghĩa. Các bài viết của anh ta, nói chung giàu thông tin, nhiều tính thời sự và đậm đà "chất" đời thường. Nếu chỉ dừng lại ở đấy thôi, có thể nói Nguyễn Như Phong là một nhà báo vừa có tài và vừa có cả tâm nữa. Bốn cái chức "nặng trĩu" anh ta đang gánh trên vai là ủy viên ban chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam, phó chủ tịch liên chi Hội Báo chí bộ công an, phó tổng biên tập Tạp chí *Văn hóa - Văn nghệ Công an* và phó tổng biên tập báo *An ninh Thế giới* hẳn cũng nói lên được phần nào bản lĩnh không tầm thường và vị trí không xoàng của anh ta trong báo giới ở trong nước. Mới đây, anh ta còn đoạt giải thưởng báo chí năm 2000 của bộ công an với bài viết *Huyền thoại về huấn luyện viên và chú chó Ruxlan*, kể về chú "cảnh khuyển" lập được nhiều chiến công trong các vụ hình sự của công an Hà Nội.

Vậy mà, một ngòi bút như thế bỗng quay ngược 180 độ, sử dụng những ngón nghề, kinh nghiệm của mình để xuyên tạc, vu khống và chụp mũ những người khác là "phản bội tổ quốc", ngang nhiên vi phạm pháp luật mà chính nó đã góp phần bảo vệ là điều không thể không lưu tâm. Những thủ đoạn mà

Nguyễn Như Phong sử dụng trong bài *Mặt thật của một vài người mượn danh "hiền sĩ" khoác áo dân chủ*, ít nhất cũng là về hình thức, cho thấy anh ta quyết tâm dùng ngòi bút để bôi nhọ bằng được các ông Hà Sĩ Phu, Mai Thái Linh và tổ chức chính trị Tập hợp Dân chủ Đa nguyên của người Việt ở hải ngoại. Anh ta cố tạo ra "hiệu ứng tâm lý ngược", kêu gọi sự phẫn nộ của nhân dân đối với những người đó, nhằm đặt họ vào cái thế đối lập và phải đương đầu với đại đa số nhân dân trong nước, đẩy nhân dân ra làm cái mộc che chở cho sự tồn tại của chế độ chuyên quyền trước những đòi hỏi mở rộng dân chủ về chính trị.

Tôi không tin Nguyễn Như Phong không hiểu việc mình làm. Người kém cỏi hơn anh ta cũng hiểu được rằng, phải sử dụng đến thủ đoạn "tiểu nhân", vu khống, xuyên tạc để đạt được mục đích, thì khó có thể nói mục đích ấy là chính đáng. Tôi cũng không tin anh ta, là một nhà báo nhạy cảm và có bản lĩnh, lại không cảm nhận được xu hướng dân chủ hóa đang lan rộng trong xã hội, mà chính ngòi bút của anh ta, dưới tác động của xu hướng đó, đang phanh phui ra nhiều vụ tham nhũng có dính dáng đến nhiều vị ngất ngưởng trên cao, vừa có chức, vừa có quyền. Biết đâu, vụ tham nhũng ở thị trấn Mường Tè của một vùng rẻo cao ở phía Bắc Việt Nam và có liên quan đến những bê bối ở ủy ban dân tộc và miền núi của ông Chủ nhiệm Hoàng Đức Nghi được anh ta tung lên mặt báo lại chẳng có tác động ít nhiều đến việc vị "thủ trưởng" này "được" tổng thanh tra nhà nước Tạ Hữu Thanh đề nghị tự nhận hình thức kỷ luật? Nếu như vậy, việc làm thất đức, thiếu văn hóa và phạm pháp của Nguyễn Như Phong đối với các ông Hà Sĩ Phu, Mai Thái Linh, Nguyễn Thanh Giang v.v. hẳn phải có những nguyên nhân khác nằm ngoài động cơ cá nhân của anh ta, nếu quả thực anh ta có những ham muốn cá nhân nào đó trong sự việc này.

Cách đây hơn 40 năm, dư luận đã biết đến vụ án "Nhân văn - Giai phẩm", một vụ án tư tưởng nổi tiếng ở miền Bắc Việt Nam. Một trong những nét điển hình của vụ án đó cần nói ở đây là việc các nhà văn, nhà báo sử dụng ngòi bút để vu khống lẫn nhau, thậm chí vu khống cả chính bản thân mình, để tìm

mảnh đất dung thân. Tình trạng đó diễn ra đến mức bị kịch với nhiều hậu quả kéo dài và đến nay không phải ở bất kỳ nạn nhân nào vết thương tinh thần ấy cũng đã liền miệng. Cùng may, cái nhân bản trong con người vẫn tồn tại. Tại Đại hội nhà văn gần đây, nhà văn Nguyễn Khải đã đích thân xin lỗi nhà văn Vũ Bảo về việc ông đã ấu trĩ, mù quáng, viết bài tố cáo nhà văn Vũ Bảo trong vụ "Nhân văn - Giai phẩm", tham gia đẩy Vũ Bảo lún sâu hơn nữa vào những gian truân, khổ ải không đáng có của cuộc đời. Tôi tin rằng, đến nay nhiều nhà văn, nhà báo đã làm lành với nhau, tuy có hơi muộn và bát nước đã hắt đi khó có thể vớt lại được, không có gì có thể bù đắp nổi những thương tổn về danh dự và vật chất đối của các nạn nhân. Dù sao, cuộc sống như thế cũng còn là có hậu. Trong vụ "Nhân văn - Giai phẩm", giới cầm quyền cũng dùng thủ đoạn tạo ra "hiệu ứng tâm lý ngược", gây một dư luận quần chúng bất lợi đối với những văn nghệ sĩ, trí thức có quan điểm tự do, dân chủ, đặt họ vào cái thế đối đầu với nhân dân. Đứng trước những đòi hỏi tự do, dân chủ, giới lãnh đạo đảng dùng cái "chước" chui vội vào đám đông quần chúng lúc đó vẫn còn tin đảng, chưa hiểu nhiều về đảng, rồi hô hoán lên rằng, văn nghệ sĩ, trí thức phản bội nhân dân, để mượn danh nhân dân trị tội văn nghệ sĩ, trí thức...y là chuyện trong quá khứ.

Lần này, bộ công an đã bật đèn xanh cho Nguyễn Như Phong và báo *An ninh Thế giới* dựng lên một vụ "Nhân văn - Giai phẩm" mới, tuy rằng ở phạm vi hẹp hơn. Có điều tình hình xã hội Việt Nam đã đổi thay quá nhiều. Nhân dân bây giờ không còn thụ động như trước kia. Hơn 40 năm qua, kể từ vụ "Nhân văn - Giai phẩm", đặc biệt là hơn 20 năm qua, kể từ sau đại hội đảng 4-1976 cho đến nay, khi chiến tranh đã đi qua, nhân dân có nhiều thời gian hơn để suy ngẫm và họ đã nhìn ra nhiều vấn đề, nhất là các vấn đề thuộc mối quan hệ giữa dân với đảng, về vai trò và thực lực lãnh đạo của đảng. Về phần mình, giới lãnh đạo đảng cũng thừa hiểu, dân bây giờ "bướng" hơn, "khó bảo" hơn trước nhiều. Một phần bài báo của Nguyễn Như Phong vừa xuất hiện, nó đã phải chịu sức ép lên án không nhỏ của dư luận. Đến nỗi, báo *An*

ninh Thế giới phải đạo diễn ngay một vụ phản pháo, nhưng khá yếu ớt và gượng gạo của một số nhà văn, nhà thơ và của một vài công dân vô danh (có người tự nhận là "ít học") bằng cách đăng cái gọi là "ý kiến" của họ trên số báo ngày 7-2-2001. Thực chất, những "ý kiến" đó chỉ là vào hùa với Nguyễn Như Phong một cách ngây ngô và rẻ tiền.

Chỉ một ngày sau khi bài báo của Nguyễn Như Phong được *An ninh Thế giới* đăng tải, hai ông Hà Sĩ Phu và Mai Thái Linh nhận được quyết định miễn khởi tố. Tưởng rằng bộ công an "nổi trống thu quân", vì "cục diện chiến trường" đã được sáng tỏ. Nhưng không, trong hai số báo tiếp sau đó, *An ninh Thế giới* vẫn "cho đi" trọn vẹn các phần còn lại của bài viết của Nguyễn Như Phong, cứ như thể viên đạn đã bắn đi, không thể nào "nín" lại được. Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang cho đây là "một điều khó hiểu". Về hình thức, sự việc quả là mâu thuẫn. Nhưng có lẽ, không phải Nguyễn Thanh Giang không hiểu được bản chất của sự việc. Các ông Hà Sĩ Phu và Mai Thái Linh cũng vậy. Không phải ngẫu nhiên báo *An ninh Thế giới* tung ra hàng loạt bài viết đề cập đến những "âm mưu phản loạn" từ bên ngoài biên giới Việt Nam, từ sử dụng bạo lực (4) đến sự "cấu kết" giữa "các thế lực phản động trong nước với bọn phản động ở nước ngoài" ngay sau chuyến viếng thăm Việt Nam của tổng thống Mỹ Clinton và trong không khí căng thẳng của các hội nghị trung ương đang chuẩn bị cho đại hội đảng toàn quốc lần thứ 9 với những khúc mắc về đường lối và thiếu thống nhất về nhân sự. Cùng không phải bộ công an và báo *An ninh Thế giới* không hề hay biết gì về quyết định miễn khởi tố của Viện kiểm sát đối với hai ông Hà Sĩ Phu và Mai Thái Linh. Tuy thế, mâu thuẫn này lại phản ánh bản chất của sự việc, phản ánh sự thống nhất trong mọi nỗ lực bảo vệ đến cùng sự lãnh đạo của đảng cộng sản đối với xã hội Việt Nam. Việc Hà Sĩ Phu và Mai Thái Linh được miễn truy tố, trong tiềm thức chính trị của chế độ chuyên quyền, không hoàn toàn có nghĩa là hai ông không có "tội". Với nhà nước Việt Nam, "miễn truy tố" là một thủ đoạn chính trị hơn là một thủ tục pháp lý. Và hơn thế nữa, thủ tục pháp lý chỉ là thủ đoạn để

thực hiện những ý đồ chính trị. Hà Sĩ Phu, Mai Thái Linh và những người khác quá hiểu điều đó. Trong "thư yêu cầu" của mình, Hà Sĩ Phu đã đề nghị mở phiên tòa xét xử ông, nếu nhà nước "có đủ tự tin" là ông "có tội phản quốc". "Tương kế tựu kế", Hà Sĩ Phu "thách đấu" với nhà nước, lợi dụng thủ đoạn pháp lý của chính nhà nước để lật tẩy ý đồ chính trị của nhà nước là muốn dư luận thấy ông và những người khác là kẻ "phản bội tổ quốc" bằng xương bằng thịt, để cuối cùng là trấn áp trào lưu dân chủ đang dâng lên. Phiên tòa xét xử Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang năm 1995 tại Hà Nội về tội "tiết lộ bí mật quốc gia", thực ra là "tội đòi dân chủ" của các ông, vẫn còn để lại trong ký ức của dư luận hai dấu ấn đậm nét là sự khôi hài và lỗ bịch của nó. Nếu mở tiếp một phiên tòa nữa với một trong những bị cáo cũ, với "tội danh" thực mà dư luận đã thừa biết, những kẻ cầm quyền cũng đủ thông minh để hiểu rằng, họ sẽ khó tránh khỏi đi vào vết xe đổ của phiên tòa trước và một kết cục bất lợi đối với họ về nhiều mặt, không chỉ về chính trị, là chuyện đương nhiên.

Xung quanh mâu thuẫn nói trên, cũng có quan điểm đề cập đến vai trò của Lê Minh Hương, Bộ trưởng bộ công an, một nhân vật bảo thủ hạng nặng trong bộ chính trị, kẻ đã ra sức bảo vệ những sai trái của đảng trong vụ "Xét lại chống đảng" ngay cả khi ông Nguyễn Trung Thành, người trực tiếp phụ trách vụ này dưới thời Lê Đức Thọ, đã công khai lên tiếng đòi minh oan cho các nạn nhân. Quan điểm ấy cho rằng, Lê Minh Hương đã "phất cờ" cho *An ninh Thế giới* xung trận, để một mặt răn đe các ủy viên bộ chính trị, các ủy viên trung ương khác đừng có lơ mơ về "diễn biến hoà bình"; mặt khác, tự đề cao vai trò của ông ta trong các hội nghị trung ương trước đại hội đảng, hòng tác động đến vấn đề nhân sự đang khá gay gắt. Dư luận cũng thấy, quan điểm về an ninh của Lê Minh Hương và Trần Đức Lương, hiện là chủ tịch nước, khá gần nhau, nếu không nói là như nhau. Thế mới có chuyện *An ninh Thế giới* phốt lờ quyết định miễn truy tố của Viện kiểm sát, tuy ngành công an không thể không làm theo quyết định đó là thả hai ông Hà Sĩ (xem tiếp trang 22)

Con ruồi

Nguyễn Văn Hòa

Anh bạn tôi khảo cứu về ruồi. Đề tài : làm thế nào để hạn chế tối đa sự sinh sản của ruồi. Chọn đề tài này, vì hai lý do : anh ta gốc nông lâm súc, tiếp cận hàng ngày với bọn ruồi. Ghét cây ghét đất. Thứ nữa, phương tiện làm việc dồi dào. Muốn có ruồi mẫu thí nghiệm, chỉ cần quơ tay một cái là xong. Chẳng phải làm đơn, đặt hàng, chờ đợi như những con khác. Cũng chẳng cần tủ lạnh, phòng lạnh đặc biệt. Vài lồng gương nhỏ, loại mấy bà đựng mít hay ổi ngâm nước cam thảo thường thấy ở chợ Bến thành, cũng tương tất lắm rồi.

Ông thầy bảo trợ luận án, không biết gì về ruồi. Ông ta suốt đời chỉ nghiên cứu về bò câu. Khá nổi tiếng trên thế giới và được dân Paris, Roma, New York, London. biết ơn, vì tìm ra thuốc ngừa thai cho chim. Bò câu sinh sản rất mau, nhất là ở những thành phố lớn, chung chạ với người, riết rồi đâm lòn, hỗn hào, như chơi chó chó liếm mặt. Bạ đầu ị đó, ị trên đầu người. Cút chim lại nhiều a xít, đựng vào chỗ nào là xoi mòn hủy hoại chỗ đó. Mấy tượng trong vườn Luxembourg khó sống quá trăm năm, nếu không được lau chùi, quét dọn nổi tuần. Đèn đài cung điện cũng không thoát, thường là nơi trú ngụ lý tưởng của chúng, làm ổ, đẻ trứng. Nạn nhân thường trực là xe cộ, chúng ị vào, vài ba ngày không lau là nước sơn đỏ màu, loang lổ da beo. Từ ngày có thuốc ngừa thai, dân bò câu ít lại, sống có vẻ biết điều hơn. Du khách và dân phố có thể an tâm đi dạo, ngắm cảnh, chụp hình. Không còn nạn mất chóp lia ngó thiên ngó địa : dưới sợ đạp cút chó, trên sợ hứng cút chim ! Bệnh trặc chân và bệnh mắt lè được giảm thiểu thấy rõ.

Công thầy to lắm. Dù thầy không dính dáng đến ruồi, nhưng có thầy giỏi, trò cũng yên tâm. Hơn nữa, bò câu và ruồi đều là loài có cánh. Tối thiểu cũng có vài điểm giống nhau. Cứ tà tà theo con đường thầy đi thì lo gì không sớm xong được luận án quốc gia.

Khởi đầu, anh bạn nhắm thẳng vào thủ phạm chính : ruồi cái - nguyên nhân của sự sinh đẻ. Tất nhiên mấy phương

pháp lắm cảm như : đặt vòng xoắn, cắt, cột buồng trứng, không thể áp dụng vào loài ruồi. Nhưng thuốc ngừa thai, cũng phải gạt ra ngoài : đời sống của ruồi ngắn ngủi, ông trời thương, cho miễn cái chu kỳ kinh nguyệt như của mấy bà mấy cô, nghĩa là cho phép đựng đâu để đó. Lại thêm, mỗi lần hứng tình, tỏa ra hương tình, con đực dù xa cả trăm thước cũng cảm nhận được, mò tới. Kỳ lạ là hương tình tỏa ra liên miên bất tận, ngày cũng như đêm. Nên giả dụ, có thuốc ngừa thai đi nữa, thì cũng không thể nào sản xuất, cung ứng kịp cho chúng. Hồi nhỏ, tôi đã từng thấy, chúng kéo neo nhau ngay cả khi ngủ. Suốt đêm.

Hướng khảo cứu của anh bạn là tìm thuốc gây bất lực cho ruồi cái. Chữ bất lực ở đây không có nghĩa là bất lực sinh lý. Lý do dễ hiểu là loài cái, không có chuyện bất lực, chỉ có ham muốn nhiều hay ít. Và dù có hoàn toàn bị lạnh cảm, cũng không liên hệ gì đến chuyện làm tình. Mấy cũng được, có mất tí tẹo công sức gì đâu. Mà là bất lực sinh sản. Có nghĩa là ninh ở thôn quê mình : mấy o lấy chồng lâu ngày không đẻ gọi là ninh, gà mái đập trống không đẻ cũng gọi là ninh... Nguyên tắc đơn giản : thuốc phải có công hiệu làm cho noãn châu ruồi (hay trứng) mất tính sinh sản. Muốn đẻ thì cứ đẻ, nhưng trứng không nở được.

Sau gần hai năm nghiên cứu, anh thành công trong phòng thí nghiệm. Điều kỳ lạ là dùng thuốc, ruồi cứ mập ú, y như người. Thuốc ninh bắt đầu thử nghiệm tại một vài vùng Phi châu, từ Côte d'Ivoire qua đến Gabon. Thành công. Ruồi trong vùng suy giảm thấy rõ. Anh còn về Việt Nam ba tháng, thử nghiệm trên nhóm ruồi xanh, loại này khá hiếm ở Pháp, nhưng nhiều ở thôn quê và mấy khu tập thể bên mình. Cũng thành công.

Nhưng.

Thầy chê, và các nhóm nghiên cứu khác cũng chê : công trình có chất lượng, nhưng thiếu thực tế. Chưa đủ tiêu chuẩn trong ngành khoa học ứng dụng của viện. Lý do : ruồi cái là loại khó tính, chỉ thích đồ ăn nặng mùi. Thuốc bằng bột để nguyên, không bao giờ chúng bu tới, muốn dụ nó, phải trộn lẫn với các thức ăn dơ khác như phân, cá thúi, tôm ương... Sử dụng ở đồng quê, hay ở những hố tập thể thì được. Trong nhà, và ngay cả

vườn tược thì khá tế nhị. Xin lỗi, tha sống đề huề với ruồi còn hơn là tha mấy cái đồ vô duyên này vào nhà.

Vì vậy, công trình chỉ được tóm lược ba bốn trang, đăng vào báo khoa học.

Không sao.

Anh đã được vào công chức, xong hay không xong luận án không thành vấn đề. Trong viện, thiếu gì thăng giáng vào hạng sư tử, có thêm dóm ngó gì đến mấy cái bằng giấy này. Giám đốc năm lần bảy lượt xin chúng nó trình, chúng làm lơ. Thâm niên lên lão làng, đi đâu mà vội.

Và anh đổi đối tượng : nghiên cứu trên bọn ruồi đực. Chuyển này thì ông cho bọn mày bắt lực cả lũ. Nguyên tắc khá đơn giản : làm yếu tinh trùng và giảm tinh dịch. Dùng chữ bất lực ở đây cũng hơi sai. Vì ruồi đực khi nào cũng có thể làm tình, bộ sinh thực khí như đầu cây kim. Cứng, không xù xù ỉu ỉu như mấy bọn khác. Bất lực ở đây chỉ có nghĩa là không còn khả năng tạo giống. Công trình cũng mất gần hai năm. Thử nghiệm tương đối thành công. Ruồi đực là giống làm tình không mệt mỏi, ham hố vô cùng tận. Thấm thuốc thì xuội lơ mà vẫn ham, nhiều khi chỉ bắn ra hơi. Lại là giống háu ăn, thuốc bột trộn với chút đường là mút sạch trơn. Nên dễ dàng tạo ra thuốc sạch, dùng cho bất cứ nơi nào.

Tưởng là xong, nhưng vẫn bị chê. Lý do : đâu phải con nào cũng nhiễm thuốc, chỉ cần vài con không ăn, cũng đủ sức gieo giống tùm lum. Vấn đề không giải quyết được tận gốc. Kết quả : vẫn chỉ có ít trang đăng trên báo khoa học. Lại thêm bọn bạn chọc quê. Nhìn mấy chú ruồi thấm thuốc, xuội lơ, nửa thức nửa ngủ trên cành tre, có thằng đề nghị :

- Này cậu, tở mà như cậu, có công thêm một chút nữa, làm thuốc này cho người, tha hồ mà hốt bạc. Mấy thằng tinh dịch xuội lơ, là tở vui rồi.

Lần này thì anh chán nản thật sự. Nhiều khi tự trách mình, ngu quá sao lại chui vào cái ngành khí gió này. Bốn năm rồi chứ ít sao. Thiên hạ thấy ruồi thì phui phui, tỉnh bơ xem như không. Còn mình, dù muốn hay không cũng không dứt ra được. Thoáng thấy con nào bay qua, cứ trộn mắt ra mà nhìn xem đực hay cái. Hì hục làm việc như *boxeur*, mà chẳng đi tới đâu. Anh tự an ủi : một

năm, có cả chục ngàn luận án, kể cả luận án tiến sĩ quốc gia, xem ra chẳng được mấy cái nên hồn. Chỉ tỏ cho thiên hạ cười. Ham làm gì, không nên thân thì bỏ quách nó xong. Cứ tà tà như những đứa khác có vẻ vui hơn.

Và anh lấy vợ. Vụ này thì thú vị hơn nhiều. Vợ từ Việt Nam qua. Không thích ruồi, phòng thí nghiệm và công việc lảm cẩm của anh. Nước hoa, áo quần, xe máy lạnh, nguyên tử, tên lửa và karaoke có giá trị hơn ruồi.

- Sao anh không nghiên cứu về nguyên tử, tên lửa mà chọn mấy con ruồi ?

Anh xin đổi việc.

Theo nhóm chuyên gia về gène, nghiên cứu việc đổi gène lúa. Tà tà.

- Để rồi em xem, anh sẽ biến đổi gạo thần nông ra gạo tám hương.

Vợ hiểu, có vẻ hồ hởi.

- Ờ, ít nhất cũng phải là gạo tám thơm. Chứ mấy cái dính dáng về ruồi, thì xin lỗi, không đáng giá bằng trái xoài ngoài chợ. Xoài ở Phi châu, nơi anh ở, trồng ven đường như cây phượng vĩ, bọn nhỏ hay hái ném nhau.

Nhưng cũng không được lâu. Vợ nhìn qua nhà anh hàng xóm, so sánh : người ta cũng như anh, sao người thì làm giám đốc khảo cứu, người thì giáo sư đại học, còn anh không nhúc nhích gì cả.

Lòng tự ái tổn thương. Anh âm thầm trở lại với ruồi. Nói với vợ : anh nghiên cứu về ảnh hưởng của phóng xạ nguyên tử trên loài ruồi. Nguyên tử mà có thêm phóng xạ, chắc chắn là oai hơn nguyên tử. Lần này, anh theo nguyên tắc diệt mối, áp dụng cho ruồi. Mối là loài tàn phá và khôn ranh vô cùng. Từ cung điện, chùa chiền đến nhà cửa thứ dân, mấy chú chui vào, năm này qua năm nọ, gặm nhấm rỗng hết cột kèo, mà tuyệt đối không để lộ một vết tích gì bên ngoài. Đến khi sập đổ mới ô hô ai tại. Mà cho dù có biết, xịt cả tấn thuốc sát trùng, cũng không nhằm nhò gì, mối nào chết thì chết, mối nào trốn được trong ngóc ngách hóc hèm thì cứ sống nhàn rảnh, cứ tiếp tục sinh đẻ, nhấm gặm. Đó là chuyện xưa. Bây giờ trừ mối, đơn giản và công hiệu hơn nhiều : cho mối ăn thuốc diệt. Không cần nhiều, chỉ cần cho vài chục mống tiểu ngạo giang hồ lang thang ngoài ở, ăn no. Khi trở về, ngấm thuốc mới phát triển, cắn

lộn, truyền bệnh điên cho nhau, và cứ thế mà điên tròn ở, mối chúa cũng bị xẻ ra ăn thịt. Vậy là tiêu ở mối. Khỏe ru. Ruồi không có răng, cắn hơn mối, nhưng háms ăn, lại thích làm tình. Nhất là ruồi đực, cứ như hiệp sĩ mù, có cây gậy, bọ đầu thọc đó, néo kéo nhau cả buổi không rời. Những điểm yếu này không qua khỏi mắt anh. Mày không có răng thì mày có đít. Sinh nghề tử nghiệp, chuyện này ông cho chúng mày tuyệt chủng.

Nguyên tắc lần này ngược hẳn với những lần trước. Thuốc phải có những tính chất :

- Cường dương, trợ lực. Tương tự như thuốc trợ sức cho các lực sĩ thể vận hội, hay các cua rơ xe đạp.

- Tinh dịch nhiều, để đủ lây qua cho ruồi cái. Rồi ruồi cái lại truyền bệnh cho ruồi đực. Kiểu *Sida*.

- Đủ sức giết hết tinh trùng.

Đơn giản vậy mà không phải dễ. Cũng mất hơn bốn năm mới hoàn tất.

Vậy cũng đã là nhanh. Nếu không có được những thành tựu của những nghiên cứu trước, và kinh nghiệm tổ chức làm việc, thì không biết đến bao giờ mới xong. Điều vui nhất là có thêm những kết quả bất ngờ. Thuốc trộn với đường va ni, ruồi đực hay ruồi cái đứa nào cũng mê. Các nhà bào chế có thể sản xuất, vừa diệt ruồi, vừa cho thơm nhà.

Thuốc có tính cường dương mà cũng cường âm. Cứ như *viagra*. Mấy con cái thấm thuốc, suốt ngày chỉ chổng đít lên, chẳng thèm ăn uống gì cả. Nhìn chúng, không cần phải là chuyên viên, mới phân biệt đâu là ruồi đực, đâu là ruồi cái. Ruồi đực không chổng đít. Sự truyền nhiễm lan hơn ngoài sức dự đoán. Chỉ cần một nhúm ruồi nhỏ ban đầu, đủ lan rộng cả một vùng 100 km² trong vòng một tháng.

Anh trình luận án. Báo chí ca tụng như một khám phá của thế kỷ, còn quan trọng hơn cả thuốc chích ngừa bệnh sốt rét mới manh nha tìm ra ở Brazil. Công trình được đề nghị tranh huân chương vàng của CNRS, Trung tâm Quốc gia Khảo cứu Khoa học Pháp. Nếu được giải này, thì con đường tới giải Nobel chỉ trong gang tấc. Tiếc rằng công trình của anh còn sớm quá, cần thêm thời gian thử nghiệm.

Ít năm sau, anh nghiên cứu về hai

giống ruồi : *onco-cerco* và *tsé tsé*, đây là hai giống ruồi reo rắc tai ương thường trực cho dân Phi châu.

Onco-cerco, sống và sinh đẻ ven sông và các vùng đồng lầy, nhỏ như con bọ mắt bên mình, thích đốt người, truyền bệnh như muỗi, muỗi thì gây sốt rét, *onco-cerco* làm mù mắt. Có nhiều làng bị mù toàn làng. Dân làng thường tránh sống cạnh bờ sông, trái với bên mình. Chính phủ Canada, có những chương trình giúp đỡ dài hạn, từ mười đến hai mươi năm, dùng trực thăng phun thuốc diệt trùng, mà kết quả còn rất khiêm nhượng.

Tsé tsé sống trong rừng và các đồng cỏ ẩm ướt. Lớn như ruồi trâu bên mình. Hút máu người và súc vật và cũng truyền bệnh như muỗi. Dân Phi châu thường gọi là Míg 21, lạnh như cắt, chỉ nghe tiếng vù đầu đó, là đã giết nấy mình, nó đốt xuyên qua hai ba lớp quần *jean*. Trâu bò, heo rừng, mà nó còn đốt được thì con người nó chẳng xem ra gì. Heo rừng bên đó thường là loại *phacochère*, to gần bằng con bò, răng nanh dài gần nửa thước, da dày chỉ thua voi. Chúng bám, hút máu như đĩa bám chân trâu. Người, chỉ cần bị đốt vài trăm mũi là bị bệnh sốt vàng da, ngủ mê man cho đến lúc chết. Cũng có thuốc chữa, khám phá của một bác sĩ Pháp, nhưng ngặt nghèo. Sống không ra sống, chết không ra chết, bộ nào bị hư. Anh bạn không thành công trong mấy vụ này. Và thuốc hạn chế sinh sản của ruồi cũng không được dùng. Lý do là trong thuốc phải dùng đến chất thạch tín, bị cấm.

Anh trở về Paris, dạy học.

- Cậu biết không, con gì dính đến máu cũng đều bất trị. Người cũng như vật.

Càng khảo cứu, càng thấy lảm điều hải hùng trong mấy giống này. Không giải thích được. Moa sợ. Sợ luôn cả máu máu.

Loài cái cũng vậy, cũng có nhiều cái kỳ dị không kém. Người ta nói đến giống muỗi : muỗi đực không đốt người, muỗi cái đốt người. Người ta nói đến con ngựa trời : làm tình xong, con cái ăn gọn con đực. Không thấm tháp gì đâu !. Moa còn thấy loài cái nói chung, chúng kỳ cục và hải hùng hơn nhiều.

Anh vừa lấy vợ có sáu năm, sao bị quan dữ vậy !

Tội nghiệp anh bạn, chuyện xưa như trái đất, bây giờ mới hiểu sao ?

Hai mươi năm sau

Tôi ngồi viết lại chuyện này. Đưa cho bạn đọc, xem có sơ suất gì về lỗi kỹ thuật.

- Không, cậu không đi vào chi tiết, nên không có gì phải sửa. Nhưng hết chữ nghĩa rồi sao mà viết như con kéc.

- ?

- Người có chữ dành cho người, chó có chữ dành cho chó, ruồi có chữ dành cho ruồi. Cậu có biết chó làm tình gọi là gì không ? Cứ nào là tình trùng, tình dịch, liệt dương, cường dương cho ruồi, thì con ruồi cũng cười vào mũi cậu.

Tôi lấy tờ báo mới mua sáng nay, chia vào mặt bạn.

- Cậu đã đọc bài này chưa ?

- Thì bảng gien của con người, có gì lạ ?

- Đây là khám phá mới nhất của thế kỷ 21, cậu dư biết. Cậu nghĩ gì khi thấy gène của người và ruồi không khác nhau bao nhiêu ?

- ?

- Điều này quan trọng lắm... Nói theo ngôn ngữ của gien, cậu có thấy rằng : *oxygène* và *ozone* hoàn toàn khác biệt nhưng có gien gần giống nhau không ? Chỉ cần một cú sét, cú chớp, *oxygène* có thể biến thành *ozone*. Thế thì, giữa người và ruồi, có gien gần giống nhau, biết đâu ngàn xưa, chỉ vì một biến cố tình cờ nào đó, ruồi cũng có thể biến thành người hay người hóa thành ruồi. Khám phá này sẽ làm đảo lộn tất cả, từ khoa học đến triết học. Cứ

gì con khỉ vì giống người, hay con cá có màng trinh như người, mới cho là thủy tổ loài người.

- Thì có ăn nhậu gì đến lối viết của cậu?

- Có chứ, mà cậu có tin Phật không?

- ?

- Cách đây hơn hai ngàn năm, đức Phật đã thấy rõ điều này : vạn vật biến hóa. Theo luật nhân quả, hôm nay cậu là người, kiếp sau cậu có thể là con ruồi.

- Láo lếu. Cậu chính là con ruồi.

- Không. Tôi không có ý nói xỏ cậu. Nhưng Phật có dạy : Loài có cánh hay không có cánh, loài bò sát hay không bò sát, tất cả đều là chúng sinh. Như mình. Đã cùng là chúng sinh, tôi không phân biệt đối xử. Nên chữ nghĩa cũng không cần phải phân biệt.

Sắc sắc không không, cậu hiểu chứ.

Anh bạn dạo này có vẻ buồn. Ngoài đời, anh là một người được trọng nể. Hai mươi năm trước, báo chí đã từng viết : tương lai nhân loại : có thể sống được sung túc hơn, ít bệnh tật hơn, là nhờ công trình khảo cứu của người đàn ông Á Đông nhỏ bé này ! Sinh viên kính phục, đặt danh hiệu cho thầy là ông thầy Ruồi.

Nhưng.

Ở nhà vợ chê : chuyện nhà thì nhác, chuyện chú bác thì siêng. Những khảo cứu của anh, Viagra cho ruồi, chẳng giúp được gì thiết thực cho gia đình. Tuổi già sức yếu, nhớ lại cảnh mấy con ruồi cái chổng mông trên cành tre. Anh thở dài. Sức người có hạn, đâu phải là sức ruồi !

Nguyễn Văn Hòa

(tiếp theo trang 19)

Phu và Mai Thái Linh, nhưng lại tiếp tục quản chế Hà Sĩ Phu tại địa phương theo nghị định 31/CP, vẫn coi Hà Sĩ Phu là một nhân vật "nguy hiểm", có hành vi làm "phương hại đến an ninh quốc gia".

Rút cuộc, Nguyễn Như Phong cũng chỉ là công cụ không hơn, không kém của chế độ chuyên quyền và của bộ công an mà thôi. Việc "công cụ" Nguyễn Như Phong được sử dụng khá "vô tư", bừa bãi, bất chấp luật pháp và lòng dân như trên cho thấy chính trị vẫn là địa hạt ở phía trên pháp luật, ở trên mọi sinh hoạt xã hội khác. Và vì thế, cái "đốn" của đảng, tự cho mình là trên hết, vẫn

chưa được "chỉnh" như dân mong muốn.

Chính Tâm

1) Trần Bạch Đằng, *Mai Văn Huy và tư cách người viết báo*, báo Nhà báo và Công luận tháng 8-2000.

2) Nguyễn Như Phong, *Vụ án Mường Tè và những điều không có trong hồ sơ*, báo An ninh Thế giới ngày 16-11-2000.

3) Nguyễn Như Phong, *Con đường phạm tội của "ông vua" xe máy chuyên dụng Phạm Ngọc Lâm*, báo An ninh Thế giới ngày 13-1-2000.

4) Nguyễn Như Phong, *Đập tan những mưu đồ khủng bố của tổ chức lừa đảo chính trị Nguyễn Hữu Chánh*, báo An ninh Thế giới ngày 14-12-2000.

(tiếp theo trang 12)

Việt Nam sẽ bị giải thể. Nhưng ông nghĩ rằng Việt Nam lúc đó sẽ bị rã nát ra nhiều mảnh, dưới sự kiểm soát của nhiều thế lực với quyền lợi khác nhau và những chỗ dựa khác nhau, như đã xảy ra ở châu Phi. Việt Nam sẽ ở trong tình trạng "hấp hối"; tình trạng này có thể kéo dài rất lâu, hàng thế kỷ, mà ngay cả vô hạn. Đại bộ phận người Việt sẽ sống "lâm lử, bơ vơ ngay trên đất nước mình dưới cái nhìn vừa thương hại vừa khinh khi của thế giới".

Để kết thúc bài này, tôi xin trích đoạn dưới đây. Nó thu tóm những gì mà ông Kiểng muốn nói với người Việt ở khắp nơi qua tác phẩm *Tổ quốc Ấn năn*. Tôi đề nghị độc giả lấy nó làm đề tài suy ngẫm nhân ngày 30-4:

"Hiện nay chúng ta chỉ có một chế độ độc tài, quản lý đất nước một cách tồi tệ, với một dự án tương lai mà nhà nước áp đặt nhưng bị toàn dân khước từ là "xây dựng chủ nghĩa xã hội". Sự tồn vong đất nước ta đang bị đe dọa nặng nề, không phải vì một ngoại bang nào đó dòm ngó xâm chiếm mà vì bị tụt hậu nhục nhã giữa trào lưu tiến bộ mãnh liệt của thế giới và vì, hơn thế nữa, dưới mắt người dân, quốc gia là một gánh nặng, chứ không phải là một chỗ dựa.

"Chúng ta phải có dân chủ và phải có dân chủ thật mau chóng; đấu tranh cho dân chủ là tên gọi mới của cuộc đấu tranh giữ nước. Chúng ta phải tiến và tiến nhanh, nghĩa là phải vượt lên trên mọi hận thù, chia rẽ và ngờ vực để động viên được mọi khối óc, mọi trái tim, và mọi bàn tay Việt Nam trong một cố gắng chung; hoà giải và hoà hợp dân tộc là tiếng kêu cứu khẩn cấp của tổ quốc lâm nguy".

Trên đây là một viễn ảnh khá bi quan. Nhưng ông Kiểng đã nhận định tình hình một cách rất thực tế, lương thiện. Tuy rằng tương lai vô định, đầy bất ngờ, và không ai có thể quả quyết được những gì sẽ xảy ra ngày mai, nhưng kết luận của ông là một báo động: "Tổ quốc lâm nguy!" Thực ra, "Tổ quốc Lâm nguy" chớ không phải "Tổ quốc Ấn năn" mới là tí thích hợp cho cuốn sách của ông Kiểng.

Tôn Thất Thiện

Ottawa, 4-2001

Nhật Bản trước ngã ba đường

Diệp Tường Bảo

Báo chí Nhật Bản đã ví sự "lên ngôi" của ông Koizumi Junichiro như một cuộc động đất. Thực vậy, tuy là một nhân vật được quần chúng ái mộ, ông Koizumi không có hậu thuẫn trong giới cán bộ cao cấp của chính đảng cầm quyền và theo cách sắp xếp từ xưa đến nay của tổ chức này, đáng lẽ ông đã không có một khả năng nắm lấy chánh quyền nào cả. Tương lai sẽ trả lời là ông Koizumi sẽ có ý chí và phương tiện để thực hiện chính sách cải cách mà ông hứa hẹn hay không. Nếu không thì kế hoạch phục hồi kinh tế của ông sẽ không thành công hơn chín kế hoạch trước đó. Hơn 1 000 tỷ Mỹ kim đã được sử dụng trong mười năm qua mà không đem lại một kết quả nào hơn là kích thích được nền kinh tế Nhật Bản trong một thời gian ngắn ngủi trước khi nó rơi vào tình trạng kiệt quệ trở lại. Lý do vì những chính sách khôi phục kinh tế bằng cách nâng cao mãi lực của người dân (đường lối Keynes) chỉ có tác dụng làm giảm mức độ lên xuống của các chu kỳ kinh tế, trong khi sự trì trệ của nền kinh tế Nhật Bản không bắt nguồn từ một tình huống mà từ cấu trúc.

Một mô hình kinh tế lỗi thời

Hệ thống kinh tế Nhật Bản dựa vào "chế độ tư bản nhà nước". Đặc điểm thứ nhất của chế độ này là vai trò che chở, khôi xướng và điều hợp của nhà nước qua những cơ quan như bộ tài chánh hay bộ kinh tế và ngoại thương, nổi tiếng trên thế giới dưới danh hiệu "MITI". Một đặc điểm ít được biết hơn của hệ thống này là sự cấu kết giữa các công ty và những định chế tài chánh. Trong hơn một thế kỷ, chế độ này đã tỏ ra có đủ hiệu lực để đưa một xã hội phong kiến lên hàng một cường quốc hiện đại và biến một thất bại quân sự bi thảm thành một thắng lợi kinh tế vẻ vang. Sức mạnh của nhà nước cộng với sự khôn khéo của các lãnh tụ quốc gia đã cho phép Nhật Bản phát triển nhanh chóng trên các địa hạt kỹ nghệ đòi hỏi nhiều đầu tư, phối

hợp và tập trung các cố gắng vào những lãnh vực chiến lược. Song song với điều đó, các xí nghiệp có thể trông cậy vào sự thông cảm của những ngân hàng để vay mượn một cách dễ dàng những số vốn cần thiết để phát triển và bành trướng. Cuối cùng, nền sản xuất Nhật Bản có thể dựa vào một thị trường nội địa trung thành với những sản phẩm quốc gia, một phần nhờ tinh thần dân tộc cao độ của dân chúng, nhưng cũng vì những chính sách quan thuế và quy chế bảo vệ hàng hóa trong nước.

Các công thức này đã cho phép nền kinh tế Nhật Bản gặt hái nhiều thành tích huy hoàng trong những thập niên 70 và 80 nhưng đồng thời chúng cũng đưa tới nhiều loạn năng khiến cho tất cả hệ thống kinh tế Nhật Bản dần dần trở nên lỗi thời với sự toàn cầu hóa. Nhật Bản đã đành phải mở cửa thị trường, một phần do những áp lực của Huê Kỳ, một phần vì chính nhu cầu giảm bớt tiền công của các công ty Nhật Bản. Vào năm 1996, Tổ chức Thương mại và Phát triển Kinh tế sắp sức cạnh tranh của Nhật Bản vào hạng thứ 14, đằng sau xa Huê Kỳ (thứ ba) và thua cả Chí Lợi. Trong những trường hợp tồi tệ cùng như máy vô tuyến truyền trình hay xe hơi, người ta còn thấy người Nhật nhập cảng lại những hàng hóa do các công ty của họ chế biến ở nước ngoài. Các hãng lớn làm áp lực trên những công ty làm thầu để được hạ giá và nếu không được, họ không ngần ngại giao việc cho những xí nghiệp ngoại quốc. Một số lớn công ty đã chết vì sự dể dãi của các ngân hàng đã làm cho họ quên dần nhu cầu làm lời mà chỉ nghĩ đến mục tiêu bành trướng bằng đủ mọi cách. Từ năm 1990, lợi nhuận của các công ty thụt xuống trung bình 10% mỗi năm và kể từ 1995 hầu như tất cả các xí nghiệp đều lỗ. Sự nỗ lực của "quả bóng đầu cơ" vào năm 1989 đặt các định chế tài chánh trước một đồng tín dụng không có triển vọng lấy lại (hơn 300 tỷ Mỹ kim). Trên thực tế, nếu không có sự ủng hộ của nhà nước, hầu

như toàn thể các ngân hàng và công ty bảo hiểm Nhật Bản đã phá sản rồi. Vào năm 1992, cơn bão tài chánh tác hại đến địa hạt kỹ nghệ vì nhiều công ty đã đầu cơ và những mất mát bắt buộc họ phải giảm bớt đầu tư. Tín dụng trở nên khan hiếm trong khi dân chúng xuống tin thần, không muốn tiêu xài nữa. Nền sản xuất giảm xuống 12% từ 1990 đến 1994. Sự suy thoái kinh tế chất vấn toàn bộ "mô hình Nhật Bản". Việc làm trở nên tồi tệ và nguyên tắc năng lương theo thâm niên vừa là một gánh nặng đối với các công ty, vừa không khuyến khích những cố gắng cá nhân. Ngay cả lối quản lý nhắm vào tồn kho tối thiểu - một trong những phát minh quản lý nổi tiếng nhất của Nhật Bản - cũng bị xét lại vì nó gia tăng sở phí vận tải một cách quá đáng. Cung cấp cho khách hàng rất nhiều lựa chọn là một chiến lược hữu hiệu để chiếm đóng tối đa cương vị thị trường nhưng nó rất tốn kém và không dễ lời trong ngắn hạn. Những khuyết điểm này trở thành những trở ngại không thể vượt qua khi mà Nhật Bản phải đối phó với nền kinh tế thị trường cởi mở và một chế độ tư bản ngày càng do những cổ đông chi phối. Và tiêu chuẩn của những cổ đông là ngân quỹ mình bạch, tài chánh lành mạnh và lợi nhuận ngắn hạn.

Trên giấy tờ, lẽ dĩ nhiên là Nhật Bản có dư tiềm năng để khắc phục những khuyết điểm nói trên. Như chúng ta đã thấy, nhà nước Nhật Bản không thiếu phương tiện tài chánh để đẩy mạnh lại bộ máy kinh tế. Từ cuối thập niên 80, kỹ nghệ chế biến đã được cải tiến, từ bỏ mô hình công kênh và xơ cứng của các tập đoàn (*keiretsu*) để trở thành những công ty chuyên môn, nhẹ nhàng, bén nhạy và ... sanh lời. Thế hệ lãnh tụ công nghiệp mới là những người tiềm nhiệm nhu cầu lợi nhuận. Vào năm 1995, Okada Hiroshi là chủ tịch đầu tiên của hãng Toyota mà không thuộc dòng dõi sáng lập. Chủ tịch của hãng Toshiba, Nishimuro Taizo đã thực hiện phần lớn sự nghiệp của mình ở ngoại quốc. Tuy thế, người dân

Nhật Bản vẫn còn bị quan. Thị trường chúng khoán sa xuống những mức thấp chưa từng có từ 16 năm nay. Dân chúng ngày càng ít tiêu thụ mặc dầu lãi suất gần như không có : họ chấp nhận là chẳng thà số tiền dành dụm không sinh lời còn hơn là xài nó ! Một đức tánh - sự cần kiệm - đã đóng vai trò chủ yếu cho sự thành công kinh tế trong những thập niên qua, đang biến thành một trở ngại hàng đầu đối với sự phục hồi kinh tế. Nguồn gốc của nó là sự nghi vấn trầm trọng của người dân đối với chính giới.

Một hệ thống chính trị xơ cứng

Bàn về hệ thống chính trị Nhật Bản là bước vào một thế giới nghịch thường trong đó tình trạng bất ổn định chính phủ (tám thủ tướng từ 1990) đi đôi với sự bất động chính trị. Hệ thống chính trị hiện tại của Nhật Bản bắt đầu vào đầu thập niên 50 với sự ra đời của Đảng Dân chủ Tự do (*Jiyu Minshu To*), do sự kết hợp của Đảng Tự do (*Jiyu To*) và Đảng Dân chủ (*Minshu To*). Mục tiêu của nó là đoàn kết phe bảo thủ để chống trả sự lớn mạnh của Đảng Xã hội (*Shakai To*) vừa được thống nhất và đang có khả năng trở thành lực lượng chính trị mạnh nhất. Phải nói rằng kết quả đã vượt hẳn các mong đợi của những người chủ trương. Chẳng những Đảng Dân chủ Tự do đã kèm hãm được sự bành trướng của Đảng Xã hội mà nó còn giữ được chính quyền một cách hầu như liên tiếp kể từ lúc đó (từ 1952 đến 1993 và từ 1996 đến bây giờ). Có nhiều nguyên do để giải thích sự thành công của Đảng Tự do Dân chủ. Về mặt xã hội, nó tranh thủ được phần lớn các tầng lớp, từ thành phần nông dân, đến giới doanh nhân, giai cấp cán bộ và những ngành nghề tự do. Yếu tố thứ hai là đặc tánh thực tiễn của một chính đảng không ngại thực hiện một số chủ trương của đối phương như các đạo luật củng cố hệ thống an sinh xã hội, bảo đảm giá cả của hầu hết các sản phẩm nông nghiệp, giảm thuế các công ty nhỏ và trung bình. Vì sợ mất lòng cử tri, Đảng Xã hội đành phải ủng hộ những biện pháp đó nhưng lựa chọn này lại đào sâu trở lại những mâu thuẫn giữa các phe cánh của Đảng Xã hội và đưa đến sự tách khỏi vào năm 1960 của phe hữu khuynh ra đi thành lập Đảng Xã hội Dân chủ (*Minshu*

Shakai To). Trong vòng 33 năm, Đảng Tự do Dân chủ không còn có một đối thủ đáng kể nào cả ; nó thống trị đời sống chính trị đến nỗi phải bảo vệ sự sống còn của đối thủ, như vào năm 1956, khi thủ tướng Hatoyama từ bỏ ý định cải thiện công thức bầu cử - theo chiều hướng mỗi khu bầu, một dân biểu - chỉ vì chế độ mới có thể tiêu diệt Đảng Xã hội.

Hai nguyên do của sự thắng lợi của Đảng Tự do Dân chủ là sự đoàn kết đối với bên ngoài và chính sách phân chia quyền lợi. Tuy nhiên, cũng như trong lãnh vực kinh tế, những ưu điểm trong thời thịnh vượng, đã biến thành những khuyết điểm trầm trọng vào thời khủng hoảng. Mua chuộc lá phiếu trở thành một sinh hoạt phổ thông của các chính đảng Nhật Bản. Mục tiêu của các dân biểu không còn là quyền lợi quốc gia mà là quyền lợi của những cử tri thuộc khu vực bầu cử của mình. Ở quốc hội, họ chỉ nghĩ đến việc binh vực quyền lợi của những công ty và tổ chức "mạnh thường quân" của mình. Để kết hợp các khuynh hướng khác nhau và giữ gìn sự đoàn kết đối với bên ngoài, Đảng Tự do Dân chủ không những chấp nhận mà còn chính thức hóa những bè cánh (*habatsu*) của nó. Mỗi nhóm gồm có từ 20 đến 50 dân biểu và thượng nghị sĩ quy tụ xung quanh một nhân vật có khả năng trở nên thủ tướng. Nếu lúc ban đầu, các khuynh hướng khác nhau của Đảng Tự do Dân chủ còn bắt nguồn từ những khác biệt tư tưởng chính trị thực sự - như các khuynh hướng bảo thủ, cấp tiến và dân túy, phe ủng hộ Nam Hàn và Đài Loan và phe chủ trương tiến gần với Bắc Kinh - với thời gian, các tranh chấp nội bộ gần như chỉ còn nhằm vào những mục đích vụ lợi, chức tước và trợ cấp mà thôi. Chủ tịch của Đảng Tự do Dân chủ xuất phát từ những mặc cả gay go giữa các bè phái, do đó, người được lựa chọn không phải là nhân vật có bản lãnh nhất mà thường là một phần tử mờ nhạt, một loại "mẫu số chung nhỏ nhất". Sau đó, các chức bộ trưởng được phân phối theo tầm quan trọng của mỗi phe cánh. Phân nửa các bộ được phát lại mỗi năm và người cầm đầu chính phủ thường dùng cơ hội này để thay đổi các liên minh trong nội bộ đảng, như thế, mỗi bè cánh có thể lần lượt tham gia chính quyền và thừa hưởng

những quyền lợi đi theo. Như thế, chúng ta thấy rằng tình trạng bất ổn định chính phủ của Nhật Bản gắn liền với sự bất động chính trị : Đảng Tự do Dân chủ thống trị được đời sống chính trị Nhật Bản bởi vì nó đã biết phân phối quyền lợi một cách "tối ưu" nhưng điều đó đòi hỏi sự thay đổi chính phủ thường xuyên.

Nhìn một cách bình tĩnh, hệ thống này không có gì đáng chê trách vì nó đã chạy và chạy một cách hữu hiệu trong gần một nửa thế kỷ. Nhưng nó cũng chỉ có thể chạy nếu cái bánh để chia cho mọi người càng ngày càng lớn, do đó, cuộc khủng hoảng kinh tế đã làm tê liệt toàn thể bộ máy quyền hành. Đảng Tự do Dân chủ không có khả năng lấy những quyết định cần thiết cho đất nước vì mỗi phe cánh cứ nghĩ đến quyền lợi cử tri của mình. Sự trì trệ của nền kinh tế Nhật Bản làm cho quần chúng mất đi niềm tin ở giới lãnh đạo vì không phải thành phần nào cũng được đại diện bởi một trong các nhóm áp lực. Sự tham gia vào những cuộc bầu cử ngày càng giảm xuống và số cử tri bất định ngày càng lớn lên. Họ bầu cho đối lập vì thất vọng đối với Đảng Tự do Dân chủ hơn là vì tin tưởng những chính đảng này. Tuy nhiên, trong những năm qua, mặc dầu không đủ khí thế để thực hiện những cải cách cần thiết, Đảng Tự do Dân chủ còn đủ sức mạnh để ngăn chặn các đối thủ và cản trở tất cả ý định cải cách ở trong tổ chức. Cái hố giữa người dân và tầng lớp chính trị ngày càng đào sâu.

Một xã hội đang chuyển mình

Sự dấn chân của giới chính trị tương phản với tánh năng động của xã hội dân sự. Cuộc khủng hoảng kinh tế đã phá vỡ ba cột trụ của xã hội Nhật Bản, đó là bằng cấp xem như một bảo hiểm đối với thất nghiệp, việc làm trọn đời và sự nâng lương theo thâm niên. Sự biến mất của những điểm tựa này đã phát ra một số hiện tượng xã hội đáng thương như người trẻ *o taku* (ở nhà) tự khép kín vào thế giới ảo của những trò chơi điện tử. Một số khác gia nhập các "tân giáo mới" (*shin shin shukyo*) như môn phái *Aum Shinrikyo* (Aum Chân lý Tối cao) [1], thủ phạm của cuộc tấn công bằng khí độc trong đường xe điện ngầm Tokyo (12 người chết và hàng ngàn người bị thương). Cùng may là tất cả không phải

nguy hiểm như bọn Aum, ngược lại, đặc tính của phần lớn các tôn giáo mới là hết sức cởi mở và lỏng lẻo đối với các tín đồ, mục tiêu của những phong trào như *Ma Hikari* (Ánh sáng Thiêng liêng), *Kokufu no hagaku* (Kỷ thuật Hạnh phúc) chỉ là chỉ dẫn con đường ... hướng thụ cho những người không quen với thái độ này. Thực vậy, nếu cuộc khủng hoảng kinh tế đã gây chấn động cho nhiều người, một số thành phần xem đó như một cơ hội để coi trối những ràng buộc truyền thống. Tuổi trẻ *furita* (từ tiếng Anh "free", tự do, và tiếng Đức "arbeit", lao động) lựa chọn những công việc tạm thời để có thêm thời giờ giải trí. Trong một xã hội cực kỳ phân cấp, kỹ thuật thông tin hiện đại là một phương tiện hữu hiệu để thiết lập những mối quan hệ mới, bình đẳng hơn, tự nhiên hơn. Hai chữ thường dùng để diễn tả nguyện vọng của một số người Nhật là "*netowaku*" (từ tiếng Anh "network", mạng lưới), và "*kyosei*" (hài hòa), tức một xã hội tôn trọng những khác biệt và dựa trên sự dẫn thân tự nguyện của các công dân. Phụ nữ bắt đầu từ chối vai trò phục tùng và phụng sự dành cho họ từ trước đến nay : họ đi học lâu hơn, lập gia đình trễ hơn, ly dị nhiều hơn và số phụ nữ đi làm và tham gia chính trị, ngày càng lớn ; một dấu hiệu khác của cuộc giải phóng phụ nữ là sự xuất hiện của những vụ kiện cáo về tội gây áp lực tình dục. Cuộc tranh đấu vì quyền công dân của những người nhập cư cũng đạt đến một số thắng lợi ngoạn mục : vào năm 1992, họ tranh thủ được việc bãi bỏ thủ tục lấy dấu lần tay và vào năm 1996, thị xã cấp tiến Kawasaki mở cửa công chức địa phương cho người ngoại quốc. Vào năm 1997, sắc tộc Ai Nu tranh thủ được một đạo luật công nhận tánh đặc thù của họ, trái ngược với "huyền thoại chánh thức" về sự thuần nhất của dân tộc Nhật Bản. Phẩm chất của cuộc sống trở nên quan trọng hơn là mức sống. Từ 1991 đến 1997, năm vụ kiện cáo về ô nhiễm kết thúc với sự thắng lợi của phe khiếu nại. Các công ty thường chịu thỏa thuận ngay sau bản án đầu tiên. Phong trào bảo vệ môi sinh từ từ trở thành một lực lượng cảnh giác và "đề nghị" chứ không chỉ giới hạn trong vai trò thụ động đòi tiền bồi thường trong những vụ làm hư đến môi trường. Họ khuyến khích và

giúp đỡ dân chúng thành lập những ủy ban kiểm soát ô nhiễm và làm áp lực để các thị xã nghiên cứu tác động trên môi trường của mọi dự án kỹ nghệ. Tuy chưa có một giá trị cường bách nhưng các cuộc trưng cầu dân ý cục bộ tạo cho chánh quyền địa phương một nền tảng chánh đáng để hành động. Vào năm 1997, riêng nó, dự định trưng cầu dân ý đủ sức để thuyết phục Công ty Điện lực Kyushu hủy bỏ dự án xây cất một lò nguyên tử. Vào năm 1988, 87% dân chúng Okinawa biểu quyết chống việc duy trì sự hiện diện của quân đội Huê Kỳ và tranh thủ được lời hứa đóng cửa một trong các căn cứ lớn nhất. Xã hội dân sự Nhật Bản ngày càng phát triển về lượng lẫn chất. Số hiệp hội độc lập đã tăng gấp hai trong vòng mười năm, nhưng điều quang trọng là các đoàn thể mới không còn phân chia theo từng tầng lớp (xã hội, lứa tuổi, giới tính, v.v.) như xưa mà quy tụ người dân xung quanh một ý kiến, một dự án.

Văn hóa phản ánh những thay đổi quan trọng trong xã hội Nhật Bản. Quyền sách bán chạy nhất tại Nhật Bản trong năm 1996, là *Nhật Bản, xã hội áo trời* [2] của nhà văn Miyamoto Masao, trong đó tác giả miêu tả một xã hội bị những quy tắc vô lý áp bức. Vào năm 1997, nữ văn sĩ gốc Triều Tiên, Miri Yu đoạt giải văn chương Akutagawa cao nhất của Nhật Bản với *Kịch bản gia đình*, chân dung của một gia đình tan rã. Một năm sau, giải này vào tay của Fujiwara Tomomi với *Người lái xe điện ngầm*, trong đó tác giả tưởng tượng những ảo ảnh tình dục mà một người lái xe điện ngầm phải sáng tạo để thoát khỏi thói quen hằng ngày. *Miso Soup* [3] của Ryu Murakami lôi kéo độc giả vào một Tokyo hung hăng và đồi bại. Ngành điện ảnh sống lại với những đề tài xã hội đáng cay, đời sống của người ngoại quốc ở Nhật Bản với *Tokyo Blues* và *Swallowtail* của Iwai Shunji, tuổi trẻ lạc lõng với *Kids Return* của Kitano Takeshi, sự bất mãn của một chuyên viên với *Shall we dance ?* của Suou Masayuki hay thôn quê bỏ hoang với *Suzaku* (một phụ nữ) của Kawase Naomi. Bọn cực hữu đã kích dữ dội những nghệ sĩ này - ông Iwai bị chúng gạch mặt vì đã "sỉ nhục" quốc kỳ trong một cuốn phim - nhưng nghệ thuật Nhật

Bản được cả thế giới tôn vinh..Nhà văn Oe Kenzaburo nhận được giải thưởng Nobel văn chương 1994 vì toàn bộ công trình của ông và nhà điện ảnh Imamura Shohei đoạt giải Lá cọ Vàng 1997 của Hội điện ảnh Quốc tế Cannes.

Nước Nhật hiện tại gợi lại thế kỷ cuối cùng của thời đại Edo (1580-1868) khi sự phong phú của đời sống dân sự và văn hóa tương phản với chế độ tướng quân xơ cứng. Sau gần 150 năm phát triển, Nhật Bản trải qua một giai đoạn suy thoái kinh tế trước đó chánh quyền Tokugawa tỏ ra hoàn toàn bất lực. Nhưng những năm khổ cực ấy cũng là giai đoạn mà người Nhật sáng tạo tiểu thuyết đại chúng, loại kịch *kabuki* và đưa hội họa lên tuyệt đỉnh, phát minh nông nghiệp mậu dịch và kỹ nghệ dệt, thành lập các môn địa lý, dân tộc và ngôn ngữ học và khám phá những sáng tạo kỹ thuật và khoa học đến từ phương Tây. Tiến trình này mà một số sử gia gọi là "*sơ hiện đại hóa*" đã dọn đường cho cuộc Cách mạng Minh Trị do một nhóm hiệp sĩ "đăng ngoài" khởi xướng. Lịch sử đã chứng minh khả năng tiến hóa của người Nhật Bản. Đằng sau một số thái độ có vẻ cường điệu, họ khiêm tốn và thực tiễn hơn là người ta thường tưởng : khác với người Trung Hoa chẳng hạn, họ biết nhận diện những điểm yếu của mình và những điều hay của các dân tộc khác, trên bình diện vật chất cũng như về mặt tư tưởng. Sự "lên ngôi" của ông Koizumi cho thấy rằng cấp lãnh đạo Nhật Bản còn biết lắng nghe dân chúng. Cách mạng Minh Trị đã giải thể hệ thống đẳng cấp để thống nhất dân tộc đằng sau mục tiêu bất kỳ và qua mặt Tây phương. Thời hậu chiến đã chứng minh cho người Nhật rằng lòng ái quốc không cần phải đi đôi với tánh bài ngoại và sức mạnh của một dân tộc không cần phải xây dựng trên sự tiêu tan của các nước khác. Vào đầu thiên niên kỷ thứ ba, để hội nhập vào thế giới và hòa giải với chính mình, người Nhật dần dần khám phá yếu tố không có không được để một dân tộc trở thành một quốc gia : tự do cá nhân.

Diệp Tường Bảo

- [1] "Aum" là một thánh âm Ấn giáo
- [2] Dịch từ tựa tiếng Pháp
- [3] Nguyên tựa bằng tiếng Anh

Căng thẳng Mỹ - Hoa

Nguyễn Mạnh Hùng

Tai nạn trên không

Mùng 1 tháng Tư, ngày mà người ta có thể đưa nhả một cách vô tội vạ, một phi cơ thám thính EP-3E của hải quân Mỹ và một phi cơ tác chiến của Trung Quốc đụng nhau trên không phận quốc tế, khoảng 50 dặm phía Đông Nam đảo Hải Nam. Hậu quả là phi cơ tác chiến Trung Quốc gây làm rơi xuống biển, viên phi công bị mất tích. Phi cơ Mỹ bị gãy đầu phải đáp xuống đảo Hải Nam của Trung Quốc theo thủ tục khẩn cấp, cả phi cơ Mỹ và 24 nhân viên phi hành đoàn bị Trung Quốc cầm giữ để điều tra.

Các viên chức thuộc bộ tư lệnh Thái Bình Dương của Hoa Kỳ nói rằng đó chỉ là một "phi vụ thông thường" và coi việc đụng máy bay như một "tai nạn". Hoa Kỳ đòi Trung Quốc phải trao trả phi hành đoàn và máy bay của Mỹ. Tư lệnh lực lượng Thái Bình Dương, đô đốc Dennis Blair, tiết lộ rằng trong nhiều tháng vừa qua, phi công Trung Quốc đã có thái độ hung hăng hơn trong việc theo dõi máy bay Mỹ và Mỹ cũng đã phản đối với nhà cầm quyền Trung Quốc về hành động ấy. Trong lúc đó, báo chí và các đài truyền hình của chính phủ Trung Quốc lập tức đổ tội cho Mỹ, cho rằng họ phải "hoàn toàn chịu trách nhiệm về vụ này". Phát ngôn viên bộ ngoại giao Trung Quốc, Chu Bang Tạo tuyên bố "nguyên nhân trực tiếp" của vụ đụng máy bay là vì "máy bay Mỹ vi phạm luật lệ hàng không và đột nhiên nghiêng cánh, đụng vào máy bay của Trung Quốc" còn phi hành đoàn Mỹ đã "vi phạm không phận của Trung Quốc mà không có phép và đã hạ cánh trên một phi trường của Trung Quốc".

Đòi hỏi của Trung Quốc

Một mặt Trung Quốc cầm giữ phi hành đoàn Mỹ để hỏi cung, và máy bay thám thính của Mỹ để nghiên cứu và ăn cắp kỹ thuật tối tân của Mỹ; mặt khác Trung Quốc đòi Mỹ phải xin lỗi (apology). Ngoại trưởng Mỹ Colin Powell tuyên bố ông "tiếc" (regrets) về chuyện phi cơ Trung Quốc bị rơi và phi công người Hoa bị mất tích. Ngày 7-4,

phó thủ tướng Trung Quốc Tiền Kỳ Tham gửi văn thư cho ngoại trưởng Powell cho rằng "hối tiếc" thời chưa đủ. Báo chí của chính phủ Trung Quốc đòi Mỹ phải "xin lỗi" và còn nhắc lại lời đòi hỏi của chủ tịch Giang Trạch Dân trong tuần trước là Mỹ phải chấm dứt các phi vụ thám thính ngoài khơi Trung Quốc. Ngay ngày hôm sau, 8-4, cả phó tổng thống Hoa Kỳ Dick Cheney lẫn ngoại trưởng Colin Powell đều xuất hiện trên vô tuyến truyền hình bác bỏ đòi hỏi Hoa Kỳ phải "xin lỗi" Trung Quốc, khẳng định quyền của Hoa Kỳ thực hiện các phi vụ thám thính trong không phận quốc tế, và cảnh cáo rằng việc Trung Quốc trì hoãn việc giải quyết tai nạn máy bay ấy sẽ gây ảnh hưởng bất lợi cho mối bang giao Hoa-Mỹ. Cheney tuyên bố trên đài truyền hình NBC rằng "mỗi ngày đi qua mà cuộc khủng hoảng không được giải quyết sẽ gây thêm những tổn hại lâu dài cho mối bang giao giữa hai nước". Trả lời phỏng vấn trên đài CBS, ông Powell nói rằng hiện nay mối bang giao hai nước đã bị tổn hại rồi, nhưng "để tránh gây thêm tổn hại, [cuộc khủng hoảng này] cần được giải quyết sớm ngày nào hay ngày ấy". Trong khi tổng thống Bush viết thư chia buồn với quả phụ phi công mất tích, một số thượng nghị sĩ Hoa Kỳ đe dọa nếu Trung Quốc tiếp tục cầm giữ phi hành đoàn Hoa Kỳ, họ sẽ phải xét lại thái độ của họ đối với việc biểu quyết cho Trung Quốc hưởng quy chế mậu dịch bình thường.

Sau 11 ngày điều đình ráo riết, đại sứ Hoa Kỳ tại Trung Quốc, cựu đô đốc Joseph Prueher, gửi văn thư cho ngoại trưởng Trung Quốc nhắc rằng cả tổng thống Bush lẫn ngoại trưởng Powell đã bày tỏ "thành thật hối tiếc" (sincere regret) về cái chết của viên phi công Trung Quốc. Sau khi nhấn mạnh rằng chiếc máy bay của Mỹ đã "hạ cánh khẩn cấp sau khi đã tuân thủ các thủ tục quốc tế", văn thư tiếp: "chúng tôi rất ân hận (very sorry) việc máy bay Mỹ đã đi vào không phận Trung Quốc và đáp xuống phi trường của Trung Quốc mà không có phép miệng trước". Prueher cũng xác nhận thỏa thuận hai bên sẽ họp ngày 18-4 để bàn về vụ đụng máy bay. Vin vào văn thư đó, báo chí Trung Quốc giải thích rằng Mỹ đã xin lỗi. Trung Quốc bằng lòng để cho Hoa Kỳ gửi một máy

bay dân sự đến Hải Nam đón 24 thành viên phi đoàn Mỹ, nhưng vẫn giữ máy bay thám thính của Mỹ để "điều tra".

Phản ứng của Hoa Kỳ

Ngày 18-4 Mỹ gửi một phái đoàn sang Bắc Kinh hội đàm với nhà cầm quyền Trung Quốc. Trước khi đi Mỹ đã dự đoán Trung Quốc sẽ đòi Mỹ ngưng các phi vụ thám thính, nhưng giới chức Mỹ nói trước họ sẽ không chấp nhận đòi hỏi đó và sẽ yêu cầu hai bên thiết lập một số nguyên tắc và thủ tục để tránh những đụng độ tương tự trong tương lai. Ngoài ra, Mỹ đòi Trung Quốc phải cứu xét vấn đề trả máy bay thám thính cho Mỹ. Sau hai ngày thảo luận không có kết quả, phái đoàn Mỹ ra về, giao việc thương thuyết lại cho tòa đại sứ Mỹ. Điều này có nghĩa là việc thương thảo sẽ kéo dài và được hạ xuống một cấp thấp hơn để tránh sự dòm ngó của báo chí và áp lực của công luận.

Sau khi phi hành đoàn Hoa Kỳ được thả, hai bên bắt đầu tìm cách chóng toa với công luận quốc nội là mình không phải là phe phải nhân nhượng. Bộ máy tuyên truyền của Trung Quốc coi đó là một "chiến thắng" ngoại giao của Trung Quốc dưới tài điều khiển của chủ tịch Giang Trạch Dân, một "chiến lược gia ngoại giao siêu việt", người đã từng "dạy cho Bush hiểu chiến một bài học".

Lập trường của Mỹ trở nên cứng rắn hơn. Ngày 12-4, tổng thống Bush tuyên bố rằng ông sẽ chỉ thị phái đoàn Hoa Kỳ nêu lên "những câu hỏi hóc búa" trong phiên họp 18-4 sắp tới với Trung Quốc, và đoán quyết sẽ tiếp tục các phi vụ thám thính bất kể sự chống đối của Trung Quốc. Ông cũng khẳng định rằng máy bay Hoa Kỳ "bay trong không phận quốc tế theo đúng mọi luật lệ và thủ tục, và đã không làm gì để gây ra tai nạn" máy bay đó. Ngày hôm sau, tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld tố cáo Trung Quốc đã đưa ra những lời giải thích sai lệch về không nạn kể trên, đồng thời nói rằng Mỹ sẽ tiếp tục các phi vụ thám thính ngoài bờ biển Trung Quốc, bất kể các hành động có tính cách "khiêu khích" của phi công Trung Quốc. Ông còn đưa ra một cuốn phim quay hôm 24-1 để chứng tỏ lối bay nguy hiểm để gây tai nạn của các phi công Trung Quốc trong quá khứ.

Hậu quả

Khi tai nạn xảy ra, cả tổng thống Hoa Kỳ George W. Bush lẫn chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đều lên tiếng cho rằng quyền lợi của hai nước đòi hỏi phải duy trì mối giao hảo giữa Mỹ và Trung Quốc. Giang Trạch Dân tiếp tục chuyến công du sang các quốc gia châu Mỹ La Tinh để tỏ ra không có tình trạng khủng hoảng. Báo chí Trung Quốc về sau tiết lộ rằng trước khi lên đường Giang Trạch Dân đã chỉ thị rằng vụ đụng máy bay sẽ được giải quyết êm thấm nhưng phải bắt Hoa Kỳ tôn trọng Trung Quốc. Thái độ cứng rắn của Trung Quốc trong vụ này một phần có thể vì Trung Quốc khó chịu về thái độ của chính quyền mới ở Mỹ, phần khác có thể vì Trung Quốc muốn thử thách chính quyền mới xem họ có thể đi xa đến đâu trong việc đối đầu với Trung Quốc. Nhưng hậu quả trước mắt của nó là làm tổn hại mối bang giao Hoa-Mỹ, gây bất bình trong giới chức Mỹ, và tăng ảnh hưởng cho phe chủ trương cứng rắn với Trung Quốc ở Mỹ. Trung Quốc đã vô tình tạo cho Mỹ một đồng thuận mới. Các cuộc phỏng vấn của báo chí và các cuộc thăm dò dư luận cho thấy giới lãnh đạo và chuyên viên cao cấp của Mỹ thuộc cả hai đảng và đại đa số nhân dân Mỹ đều cho rằng Trung Quốc đòi hỏi quá đáng và họ không chấp nhận Mỹ phải xin lỗi Trung Quốc. Nó còn làm cho một số thượng nghị sĩ và dân biểu thuộc Đảng Dân chủ trước kia có thái độ hòa hoãn với Trung Quốc phải xét lại thái độ. Thượng nghị sĩ Joseph Biden, trả lời đài truyền hình CBS ngày 15-4, cho rằng Trung Quốc đã phải *"trả giá"* cho hành động của mình. Thượng nghị sĩ Robert Torricelli nói rằng tai nạn trên không đó sẽ tạo *"một thay đổi quan trọng trong bang giao hai nước"* và sẽ có *"trùng phạt"* (Associated Press, 15-4-2001). Dân biểu Robert Matsui, ngày 25-4 nhận xét rằng các nhà lập pháp Hoa Kỳ *"bây giờ nhìn Trung Quốc với thái độ thù nghịch hơn"*. Trong khi đó, báo chí Hoa Kỳ tiết lộ *"nhiều viên chức cao cấp Hoa Kỳ rất bức mình"* với việc Trung Quốc cầm giữ phi hành đoàn Hoa Kỳ trong suốt 11 ngày, và họ có ý định buộc Trung Quốc phải *"trả giá"* (The Washington Post, 14-4-2001).

Việc bắt Trung Quốc trả giá được

thể hiện qua một số hành động, từ những quyết định hành chính đến quyết định bán vũ khí cho Đài Loan và những lời tuyên bố về chính sách. Thứ nhất, Mỹ cấp chiếu khán cho cựu tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huysang Mỹ thăm trường cũ từ ngày 30-4 đến ngày 4-5. Chuyến viếng thăm của ông này mấy năm trước hồi ông còn là tổng thống Đài Loan đã bị Trung Quốc cực lực phản đối và làm thương tổn bang giao Hoa-Mỹ trong một thời gian. Và, trong khi bộ ngoại giao Mỹ đang cứu xét yêu cầu của tổng thống Đài Loan đương nhiệm Trần Thủy Biển muốn ghé Houston và New York trên đường thăm viếng năm quốc gia Trung Mỹ, hãng thông tấn Reuters ngày 27-4 loan tin chính quyền Mỹ có thể để cho tổng thống Đài Loan gặp các dân biểu, nghị sĩ Mỹ trên những trạm ngừng chân của ông. Thứ hai, ngày 24-4 hạ viện Mỹ đồng thanh thông qua một quyết nghị yêu cầu chính phủ Hoa Kỳ ủng hộ đơn xin gia nhập Tổ chức Mậu dịch Quốc tế của Đài Loan. Thứ ba, cùng ngày ấy tổng thống Bush quyết định bán cho Đài Loan một số vũ khí trị giá 4 tỷ Mỹ kim gồm có 4 tiềm thủy định loại Kidd, 12 máy bay chống tàu ngầm P-3 Orion, và 8 tàu ngầm chạy bằng diesel (1). Đây là một vụ chuyển giao vũ khí lớn nhất cho Đài Loan trong vòng 10 năm qua. Tuy Mỹ không bán cho Đài Loan tiềm thủy định loại Arleigh Burke trang bị hệ thống radar tối tân Aegis là loại tiềm thủy định Trung Quốc chống, Mỹ cũng bán cho Đài Loan một số vũ khí mà Trung Quốc coi như là vũ khí tấn công, như các máy bay chống tàu ngầm và tàu ngầm (2). Một viên chức dấu tên của Trung Quốc nói với báo chí rằng quyết định của Bush làm Trung Quốc rất bức bối và sẽ đưa đến *"hậu quả nặng nề"* (The Washington Post, 27-4-2001).

Ngay ngày hôm sau, trong một cuộc phỏng vấn với vô tuyến truyền hình, tổng thống Bush tuyên bố rằng ông sẽ áp dụng *"mọi biện pháp cần thiết"* để bảo vệ Đài Loan chống một cuộc tấn công của Trung Quốc. Dù cố ý hay vô tình, với lời tuyên bố này, ông Bush có vẻ như đã dẹp bỏ chính sách *"mơ hồ chiến lược"* (strategic ambiguity) mà Mỹ theo đuổi từ 22 năm qua đối với Đài Loan, chuyển sang chính sách *"trong sáng chiến lược"* (strategic clarity), một

chính sách mà nhiều cố vấn của ông đã từng cổ vũ, kể cả chánh văn phòng của phó tổng thống Dick Cheney, thứ trưởng quốc phòng Paul Wolfowitz, và thứ trưởng ngoại giao Richard Armitage.

Lời tuyên bố của tổng thống Bush bị Trung Quốc phản đối kịch liệt. Phó ngoại trưởng Trung Quốc Lý Triệu Tinh đòi đại sứ Mỹ Joseph Prueher yêu cầu tổng thống Bush *"rút lại quyết định sai lầm, đình chỉ việc bán vũ khí cho Đài Loan để tránh làm tổn hại cho mối bang giao hai nước"* và cảnh cáo rằng vụ này sẽ có *"hậu quả trầm trọng đối với sự cộng tác hai nước trong việc chống phổ biến vũ khí"*. Ngày 26-4 phát ngôn viên bộ ngoại giao Trung Quốc, bà Trương Khải Nguyệt, họp báo tuyên bố *"chính phủ và nhân dân Trung Quốc phản nộ và phản đối"* những lời phát biểu *"hết sức lầm lẫn"* của tổng thống Bush; điều này chứng tỏ Hoa Kỳ đang đi sâu vào một *"con dốc nguy hiểm"*. Bà cho rằng *"lời tuyên bố của tổng thống Bush có tác dụng khuyến khích phong trào đòi độc lập ở Đài Loan, gây nguy hại cho hòa bình và ổn định trên eo biển Đài Loan, và làm tổn hại cho mối bang giao Hoa-Mỹ"*. Báo chí Trung Quốc đòi Hoa Kỳ phải *"ghìm cương ngựa trước khi nó lao xuống vực thẳm"* và cảnh cáo các nhà lãnh đạo Đài Loan sẽ tự rước lấy thảm họa nếu họ toa rập với Mỹ kim chân Trung Quốc (The New York Times, 28-4-2001 ; The Washington Post, 26 & 27-4-2001)

Nhân vụ đụng máy bay, thái độ của Trung Quốc và phản ứng của chính quyền Bush đã tạo ra một tình trạng căng thẳng giữa hai nước, một tình trạng cần phải ngăn chặn trước khi nó đi đến mức độ nguy hiểm. Có lẽ vì hiểu như vậy cho nên các phụ tá của ông Bush đã cố gắng giải thích rằng lời tuyên bố của tổng thống Bush ngày 25-4 không khác gì lời phát biểu của ông trước khi ông làm tổng thống, và chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc và Đài Loan vẫn không thay đổi. Trong khi đó thì cả Đài Loan lẫn Trung Quốc đều lên tiếng đề nghị nối lại cuộc thương thuyết thống nhất đã bị chấm dứt từ tháng 7-1999 vì tổng thống Đài Loan lúc ấy tuyên bố mối liên hệ giữa Đài Loan với Trung Quốc là mối liên hệ giữa hai quốc gia.

Nguyên nhân sâu xa

Vụ đụng máy bay trên không hồi đầu tháng qua là điều khó tránh vì trong vòng một năm qua Hoa Kỳ đã thực hiện khoảng 200 phi vụ thám thính sát lảnh thổ Trung Quốc, trong khi đó thì càng ngày các phi công theo dõi của Trung Quốc càng bay sát hơn để đe dọa phi cơ Mỹ. Nhưng nó chỉ là biểu hiện bên ngoài của một tình trạng căn bản. Đó là sự cạnh tranh quyền lực giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc trong vùng Á châu Thái Bình Dương. Trung Quốc coi Hoa Kỳ như một trở ngại cho việc thống nhất với Đài Loan và mộng trở thành một cường quốc hùng cứ trong khu vực Á châu. Hoa Kỳ ngày càng e ngại ý đồ Trung Quốc tại Á châu và tìm cách đối phó.

Cuộc chiến tranh vùng vịnh năm 1991 và Kosovo năm 1999 khiến các nhà lãnh đạo quân sự Trung Quốc thấy rõ sự chênh lệch giữa tình trạng vũ trang của mình so với các khí giới hiện đại siêu việt của Hoa Kỳ. Bạch thư của bộ quốc phòng Trung Quốc phổ biến tháng 10 năm 2000 chỉ trích Hoa Kỳ đang thi hành chính sách "ngoại giao được hỗ trợ bằng tàu chiến" và chính sách "tấn công dân kinh tế" và coi Mỹ như một hiểm họa chính cản trở con đường Trung Quốc thống nhất với Đài Loan và dự định trở thành một cường quốc thống soái trong khu vực Á châu. Sự lo ngại này được củng cố bởi chính sách cứng rắn của chính quyền mới ở Hoa Thịnh Đốn. Chính quyền Bush dẹp bỏ chính sách của chính quyền Clinton coi Trung Quốc như một "đồng minh chiến lược" mà chỉ coi Trung Quốc như một kẻ "cạnh tranh chiến lược", bỏ chính sách coi Trung Quốc là ưu tiên mà coi Nhật Bản là ưu tiên, và bỏ luôn cả chính sách của Clinton ngưng chỉ việc đưa ra nghị quyết chỉ trích Trung Quốc vi phạm nhân quyền trong khóa hợp thường niên của ủy hội nhân quyền Liên hiệp Quốc. Chính quyền Bush lại có nhiều nhân viên cao cấp thân Nhật và nghi ngờ Trung Quốc. Trong bối cảnh hợp đó, sách lược của Trung Quốc là một mặt đe dọa Đài Loan để Đài Loan không dám tuyên bố độc lập, mặt khác tăng cường sự hiện diện hải quân để cản trở các hoạt động của Mỹ trong vùng Thái Bình Dương. Sách lược này đưa đến việc hiện đại hóa quân đội và chương trình mua

vũ khí tối tân của Nga. Chương trình hiện đại hóa quân đội còn nhằm mục tiêu Trung Quốc có đủ sức mạnh để trở thành một cực trong thế chính trị quốc tế đa cực chống lại hệ thống chính trị quốc tế nhất cực dưới sự khống chế của Mỹ.

Về phía Hoa Kỳ, họ quan tâm đến việc Trung Quốc tăng cường số hỏa tiễn dân trên bờ biển đối diện với Đài Loan từ 50 đến 300 hỏa tiễn tầm ngắn và việc Trung Quốc mua của Nga tiềm thủy đình loại Kidd, các tàu ngầm mới và các loại máy bay chiến đấu SU-27 và SU-30. Những vũ khí này cho Trung Quốc khả năng phong tỏa hai hải cảng lớn nhất của Đài Loan là Kaohsiung ở phía Nam và Keelung ở phía Bắc. Thêm vào đó, trong tháng 3 vừa qua Trung Quốc đã quyết định tăng ngân sách quốc phòng lên 17.7%, một ngân sách quốc phòng lớn nhất trong vòng 20 năm qua, trong khi ngân sách quốc gia đang bị thâm thủng nặng. Phải chăng Trung Quốc thấy nếu muốn thống nhất Đài Loan thì phải chuẩn bị chiến tranh với Mỹ? Sự quan tâm của các chiến lược gia Mỹ về ý đồ của Trung Quốc được thể hiện trong văn kiện *Nhìn chung về năm 2020 (Joint Vision 2020)* của bộ tham mưu liên quân Mỹ công bố năm 1999. Tài liệu đó không chỉ đích danh Trung Quốc nhưng đã nói đến khả năng xuất hiện trong tương lai của một "kẻ cạnh tranh ngang hàng" (*peer competitor*). Vì thế, quân đội Mỹ đã chuyển trọng tâm hoạt động từ Âu châu sang Á châu, nơi mà bộ quốc phòng Mỹ cho là vùng có thể xảy ra những đụng độ quân sự trong tương lai. Trong những năm gần đây Mỹ đã gửi nhiều tàu chiến hơn sang vùng biển Thái Bình Dương và thực hiện nhiều cuộc tập trận hơn ở Á châu.

Tương lai nào cho Á châu ?

Những người lạc quan hy vọng rằng vì quyền lợi của hai nước, vì cân cân lực lượng còn chưa thuận lợi cho Trung Quốc, sau cơn khủng hoảng này bang giao hai nước sẽ được ổn cố. Những người lo xa thì muốn chuẩn bị cho viễn tượng một ngày kia khi Trung Quốc lớn mạnh hơn nhiều, Hoa Kỳ có thể bị đẩy ra khỏi khu vực Thái Bình Dương và Trung Quốc sẽ làm bá chủ một trục giao thông đường biển quan trọng nối Thái Bình Dương qua Ấn Độ Dương đến

vùng Vịnh Ba Tư. Đối với các quốc gia Đông Nam Á nhỏ bé, thái độ của Trung Quốc trong không nạn vừa qua có một ý nghĩa đặc biệt. So với Hoa Kỳ, sức mạnh quân sự hiện tại của Trung Quốc không thấm vào đâu. Thế mà Trung Quốc còn dám có những đòi hỏi quá đáng và còn huênh hoang tuyên bố "dạy cho Bush một bài học". Khi sức mạnh quân sự của Trung Quốc lớn hơn nữa, khi nó đạt được khả năng răn đe (*deterrence*) với Hoa Kỳ, thống nhất được với Đài Loan, chế ngự vùng biển phía Nam Trung Quốc, thì tương lai những nước nhỏ bé ở Đông Nam Á đang có tranh chấp chủ quyền với Trung Quốc trên các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, như Việt Nam, sẽ đi về đâu?

Một số chiến lược gia Mỹ cho rằng chính sách cô lập hóa, đương đầu với Trung Quốc chỉ dồn Trung Quốc vào tâm trạng bất ổn và thái độ hiếu chiến. Họ chủ trương cần phải tăng cường liên lạc với Trung Quốc, khuyến khích Trung Quốc hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, đưa Trung Quốc vào con đường dân chủ hóa. Đạt được mục tiêu ấy, Trung Quốc sẽ không còn là một đe dọa đối với hòa bình và ổn định ở Á châu, nói riêng, và trên thế giới, nói chung. Đó là một mục tiêu tốt. Nhưng nếu không đạt được mục tiêu ấy thì sao? Đâu sẽ lối thoát của Hoa Kỳ và của các quốc gia nhỏ bé ở Á châu?

Nguyễn Mạnh Hùng

(1) Loại tàu ngầm này dùng thiết kế Đức và Hòa Lan, nhưng hai nước này cho biết họ không cho phép Mỹ dùng kỹ thuật của họ trong việc này.

(2) Trước khi xảy ra tai nạn máy bay, phó thủ tướng Tiền Kỳ Tham đã cảnh cáo rằng việc bán tiềm thủy đình tới tấp cho Đài Loan vi phạm thông cao chung Hoa-Mỹ năm 1982 và sẽ chuyển tiến trình thống nhất Đài Loan với Trung Quốc "từ phương cách hòa bình sang phương cách quân sự". Sa Tở Khanh, người phụ trách thương thuyết kiểm soát vũ trang, nhận xét rằng "việc Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan đã là tệ rồi, bán tiềm thủy đình trang bị Aegis là tệ nhất. Bán tiềm thủy đình trang bị Aegis hay phi cơ chống tàu ngầm PAC-3 có nghĩa là Mỹ muốn phục hồi liên minh quân sự với Đài Loan" (*Washington Post*, 14-4-2001)

THỜI SỰ ... TIN TỨC ... THỜI SỰ

Cựu chủ tịch Nam Tư Slobodan Milosevic bị bắt

Ngày 1-1-2001, cựu chủ tịch Nam Tư, Slobodan Milosevic đã bị bắt vì tội "kết hợp những kẻ gian ác và lạm tiêu ngân quỹ". Chánh quyền Xéc Bi cho biết rằng ông Milosevic đã chịu đầu hàng vì được bảo đảm rằng "cuộc điều tra về ông không do đòi hỏi của Tòa án Hình sự Quốc tế hay một chính phủ nước ngoài". Trước đó, hàng trăm người trung thành với ông Milosevic đã đến nhà để bảo vệ ông : thành viên của Đảng Xã hội Xéc Bi, cựu "quân nhân" của những lực lượng bán quân sự đã từng tham gia các cuộc chiến Nam Tư và cả một đơn vị của quân đội Nam Tư. Họ đẩy lùi được cuộc tấn công của cảnh sát trong đêm 31-3. Thắng lợi này làm cho ông Milosevic lên tinh thần. Ông tuyên bố là sẽ không bao giờ để cho bắt sống. Thủ tướng Xéc Bi Zoran Djindjic quyết định hoãn lại chiến dịch và triệu tập một buổi họp gồm có ông, tổng thống Nam Tư Vojislav Kostunica, các bộ trưởng bộ nội vụ Nam Tư và Xéc Bi và tổng tư lệnh quân đội Nam Tư. Ông Kostunica giận dữ vì đã không được báo cáo về quyết định bắt ông Milosevic và cho rằng chính phủ đã nhượng bộ trước áp lực Mỹ. Vài ngày trước đó, quốc hội Mỹ đã biểu quyết sẽ không viện trợ số tiền 100 tỷ Mỹ kim cho Nam Tư nếu chính quyền không bắt ông Milosevic trước ngày 31-3. Tuy nhiên, tất cả các bộ trưởng đều ủng hộ việc bắt giam ông Milosevic. Ông Kostunica chấp nhận tuân theo đa số và họp báo để phát biểu lập trường chung. Tuy thế, chính quyền cố gắng tìm kiếm một giải pháp bất bạo động vì trong lúc này, khu nhà của ông Milosevic đông nghẹt người. Sau nhiều đợt điều đình, ông Milosevic chấp nhận đầu hàng vì được bảo đảm là vợ con sẽ được đến thăm nuôi thường xuyên và sẽ có một vụ kiện công bình.

Ma Xê Đoan được Liên hiệp Âu châu ưu đãi

Các cường quốc Tây phương chỉ dành "thiện cảm" cho những phong trào độc lập đương đầu với một chính quyền trung ương áp bức. Đó hoàn toàn không

phải là trường hợp Ma Xê Đoan, một chế độ chẳng những dân chủ mà còn hết sức tàn quyền - tuy không đi đến liên bang - trong đó quyền lợi của cộng đồng An Ba Ni được đại diện ngay ở chánh phủ. Không hiểu được điều đó, Quân đội Giải phóng Dân tộc đã chuốc lấy một thất bại đau đớn. Tổ chức này tranh đấu cho độc lập của những mảnh đất Xéc Bi và Ma Xê Đoan có nhiều người nổi tiếng An Ba Ni, và sự thống nhất của các lãnh thổ ấy với mẫu quốc An Ba Ni. Khác với thái độ mà họ đã có đối với các phong trào độc lập Kô Xô Vô, chẳng những các nước Tây phương đã không ủng hộ Quân đội Giải phóng Dân tộc mà còn tỏ ra tán thành chính sách bình trị chùng mực của chính quyền Skopje. Ngày 4-4-2001, Liên hiệp Âu châu (LHÁC) đã ký Hiệp ước Ổn định và Kết hợp với Ma Xê Đoan. Đây là lần đầu tiên mà LHÁC thiết lập một mối quan hệ định chế với một thành viên của nước Nam Tư cũ. Đổi lại một số điều kiện về dân chủ, nhân quyền và kinh tế thị trường, Ma Xê Đoan được hưởng rất nhiều quyền lợi. Ngoài số tiền viện trợ 62 triệu euro (khoảng 60 triệu Mỹ kim), Ma Xê Đoan sẽ còn thừa hưởng "quy chế bất cân đối" theo đó, hàng hóa Ma Xê Đoan sẽ được miễn thuế khi vào LHÁC, ngược với những sản phẩm mà LHÁC xuất cảng về Ma Xê Đoan. Các ngoại trưởng Âu châu đã khẳng định rằng hiệp ước vừa được ký cấp cho Ma Xê Đoan quy chế ứng cử viên vào LHÁC. Thông điệp mà Liên hiệp Âu châu muốn gởi đến các nước Ban Căng là dân chủ là chìa khóa để quan hệ chặt chẽ và có lợi với LHÁC, thậm chí để gia nhập cộng đồng này.

Dân chúng Mông Tê Nê Grô phản văn về độc lập

Thắng lợi của phe độc lập trong cuộc bầu cử lập pháp vừa qua đã không lớn như nhiều người tiên đoán. Họ chỉ tranh thủ được vài ghế nhiều hơn phe liên bang. Phải nói rằng bối cảnh đã thay đổi một cách triệt để từ khi mà dân chủ đã hình thành ở Nam Tư. Trước hết, tổng thống Nam Tư Vojislav Kosturica đã đề nghị một dự án cải thiện chế độ

liên bang Nam Tư theo một chiều hướng hết sức lỏng lẻo, nói tóm, hai nước chỉ còn có đồng tiền, ngoại giao và quốc phòng chung mà thôi. Sau đó, thái độ của các cường quốc Tây phương cũng đã thay đổi hoàn toàn từ khi mà Nam Tư có một chánh quyền dân chủ. Từ lập trường ủng hộ chủ tịch Milo Djukanovic thuộc khuynh hướng ly khai, họ trở nên hết sức dè dặt đối với những đòi hỏi độc lập cho Mông Tê Nê Grô. Một cách nghịch thường, thái độ mới của các chính phủ Tây phương lại làm cho phong trào độc lập trở nên cứng rắn hơn vì họ sợ mất cơ hội : đề nghị của ông Kostunica chính là chương trình của ông Djukanovic trước khi phe Đối lập Dân chủ Xéc Bi chiếm lấy chánh quyền nhưng kể từ lúc đó, Podgorica chỉ còn nghi tới độc lập mà thôi.

Các nước Mỹ châu quyết định thành lập một vùng mật dịch tự do

Hội nghị Thượng định Mỹ châu được tổ chức tại thành phố Québec, Gia Nã Đại, từ 20 đến 22-4-2001, đã kết thúc với dự án thành lập Vùng Mật dịch Tự do Mỹ châu cho năm 2005. Nếu được thực hiện, không gian này sẽ gồm có hơn 800 triệu dân. Các quốc gia có mặt (34 nước) cũng đã biểu quyết một điều khoản theo đó những nước không dân chủ sẽ không được chấp nhận vào tổ chức này. Nhân danh nguyên tắc đó, Cuba đã không được mời và Haiti đã bị cảnh cáo. Tuy nhiên, con đường còn xa từ đây đến kết quả cụ thể. Trước hết, tổng thống George W. Bush phải được quốc hội Hoa Kỳ cho phép thương lượng những thỏa ước thương mại sắp tới. Như thường lệ, Hoa Kỳ chỉ muốn được mở cửa thị trường của các nước khác mà thôi. Nhưng cường quốc thứ hai trong vùng, Ba Tây không thỏa mãn với cách nhìn một chiều như vậy. Tổng thống Cardoso chỉ trích những biện pháp của Hoa Kỳ nhằm bảo vệ một số nông sản như đậu nành, cam, đường. Venezuela cũng đã phát biểu một số dè dặt và cho biết sẽ đưa hiệp ước ra trưng cầu dân ý. Văn kiện được ký còn gồm có rất nhiều đoạn để trong ngoặc vuông vì còn có bất đồng.

THỜI SỰ ... TIN TỨC ... THỜI SỰ

Đảng Cộng sản Việt Nam thay đổi lãnh đạo

Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được tổ chức từ ngày 19 đến 22-4-2001 sau nhiều tháng trì hoãn vì không có đồng ý về nhân sự. Cuối cùng thì tướng Lê Khả Phiêu bắt buộc phải ra đi và để đương chủ tịch quốc hội Nông Đức Mạnh lên thay. Theo một nguồn tin bán chính thức, Bắc Kinh đã gọi Hồ Cẩm Đào sang dự đại hội để làm áp lực để Lê Khả Phiêu được ở lại thêm một thời gian. Kết quả nổi bật của đại hội IX là sự hủy bỏ chức cố vấn ban chấp hành trung ương và việc tái lập ban bí thư đã bị đại hội VIII (1996) bãi bỏ. Bộ chính trị không còn ủy viên thường vụ và nhân số từ 19 xuống còn 15 người. Tám người ra đi là Lê Khả Phiêu, Phạm Thanh Ngân, Nguyễn Mạnh Cầm, Đoàn Khuê, Nguyễn Đức Bình, Phạm Thế Duyệt, Nguyễn Thị Xuân Mỹ, Lê Thanh Tùng. Bốn người mới là Lê Hồng Anh (thứ 9), Trương Quang Được (13), Trần Đình Hoan (14) và Nguyễn Khoa Diễm (15). Theo thứ tự từ trên xuống dưới, những người ở lại bộ chính trị là tổng bí thư Nông Đức Mạnh, chủ tịch nhà nước Trần Đức Lương, thủ tướng chính phủ Phan Văn Khải, các ông Nguyễn Minh Triết, Phan Tấn Dũng, Lê Minh Hương, Nguyễn Phú Trọng, Phan Diễm, Trương Tấn Sang (thứ 10), Phạm Văn Trà và Nguyễn Văn An. Bộ chính trị mới có sáu người miền Bắc, năm người gốc miền Nam và bốn người gốc miền Trung. Ban bí thư có năm người miền Bắc, ba người gốc miền Nam và một người gốc miền Trung.

Vũ Cao Quận bị bắt, Hoàng Minh Chính bị đe dọa

Vũ Cao Quận, một trong những khuôn mặt dân chủ có uy tín tại Việt Nam đã bị bắt giam từ ngày 24-4-2001. Lý do được đưa ra là ông đã viết và tồn trữ các tài liệu chống nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Vũ Cao Quận sinh năm 1933 tại Hải Phòng trong một gia đình tư sản yêu nước. Theo Việt Minh làm liên lạc viên ngay từ tuổi 13, ông đã rời Hải Phòng

theo kháng chiến sau đêm khởi nghĩa 19-12-1946 và đã có mặt trên nhiều chiến trường, kể cả Điện Biên Phủ và chiến trường miền Nam sau đó. Tuy vậy, vì có gốc tư sản và bản tính bất khuất Vũ Cao Quận đã chỉ lên được đến cấp đại đội trưởng rồi dừng lại ở đó cho đến năm 1973 khi ông được cho giải ngũ dù mới 40 tuổi. Từ đó ông sinh sống trong sự thiếu thốn với vợ và bốn con gái bằng những nghề thủ công.

Là một người thông minh và hiếu học, Vũ Cao Quận đã đạt tới một trình độ hiểu biết và lý luận cao, thể hiện qua những bài viết được phổ biến tại hải ngoại. Vũ Cao Quận rất được kính trọng trong giới dân chủ miền Bắc và là bạn thân của Trần Độ.

Tháng 1-1999, Vũ Cao Quận cùng với Phạm Quế Dương trả thẻ đảng viên cộng sản để phản đối quyết định khai trừ Trần Độ, vì hành động này ông bị khai trừ khỏi hội cựu chiến binh.

Lý do thực sự đã khiến Vũ Cao Quận bị bắt là vì ông là linh hồn của nhóm dân chủ Hải Phòng, một nhóm đang phát triển. Tháng 2-2001 vừa qua ông đã làm một hành động thách thức đối với chế độ khi ông tổ chức một cuộc họp mặt anh em dân chủ tại Hải Phòng và mời Nguyễn Thanh Giang và Trần Độ từ Hà Nội xuống để thảo luận về vấn đề dân chủ hóa đất nước. Từ đó Vũ Cao Quận đã chuẩn bị để chờ bị bắt.

Ngày 22-4-2001 Vũ Cao Quận lên Hà Nội để gặp và thảo luận với anh em dân chủ. Trên đường trở về ông bị chặn bắt tại Quán Toan, cách Hải Phòng 20 km hồi 5 giờ chiều ngày 24-2-2001. Trước đó, hồi 3 giờ chiều cùng ngày, công an đã tới khám nhà ông và tịch thu nhiều tài liệu. Vũ Cao Quận bị giải thẳng tới trụ sở công an Hải Phòng, bà Quận đã chỉ hay tin chồng bị bắt khi được công an yêu cầu tới để động viên chồng ăn cơm vì ông Quận từ chối ăn và cũng từ chối trả lời những câu hỏi của công an. Từ đó không ai biết ông Quận bị giam giữ ở đâu và tình trạng ra sao. Vũ Cao Quận vừa mới bị tai biến mạch máu não và tình trạng sức khỏe rất kém. Một người dân chủ khác đang bị phiền nhiễu và đe dọa nặng nề là ông Hoàng

Minh Chính, năm nay 81 tuổi, niên trưởng của nhóm dân chủ Hà Nội. Trong tháng 4-2001, ông Chính đã nhiều lần bị công an đến tận nhà đòi đến trụ sở công an Hà Nội làm việc. Ngày 26-04-2001, hai ngày sau khi ông Vũ Cao Quận bị bắt, một toán công an lại đến và quyết liệt đòi ông Chính phải đi theo họ. Hoàng Minh Chính đã đóng cửa không chịu ra, nhưng từ đó ông cũng không dám ra khỏi nhà vì sợ bị bắt. tình trạng của ông Chính đang rất căng thẳng.

Qua hai biện pháp đối với Hoàng Minh Chính và Vũ Cao Quận, chính quyền Hà Nội đang cố gắng ngăn chặn không cho các thành phần dân chủ trong nước qui tụ lại. Họ nhắm vào hai nhân vật đang được coi là biểu tượng kết hợp tại Hà Nội và Hải Phòng.

"Nhà nước Đê Ga tự trị"

Không chỉ có báo chí Việt ngữ ở hải ngoại, nhiều cơ quan truyền thông của Hà Nội cũng đã liên tiếp đề cập đến những biến động ở Tây Nguyên vào đầu tháng 2 vừa qua, đến những "nguyên nhân" của nó và những "bài học" được rút ra từ biến động này. Theo Hà Nội, biến động nói trên - được gọi là "cuộc gây rối mang màu sắc chính trị ở Tây Nguyên" - nằm trong kế hoạch "thành lập nhà nước Đê Ga tự trị" ở vùng cao nguyên miền Trung, "thực chất là phục hồi lại tổ chức FULRO cũ - FULRO thế hệ thứ tư" - một tổ chức đòi quyền tự do cho các dân tộc ở Tây Nguyên được thành lập từ khi người Pháp còn chiếm đóng Đông Dương. "*Nhà nước Đê Ga tự trị*" do ông Kso Kơk làm "*tổng thống*". Ông Kso Kơk đã từng là quân nhân quân đội Việt Nam Cộng hòa, được đào tạo làm sĩ quan tham mưu ở Hoa Kỳ năm 1974, rồi ở lại Hoa Kỳ cho đến nay. Thông qua một số thành viên của "*nhà nước Đê Ga*" có mặt ở trong nước và với những lời hứa "*cấp nhà*", "*cho rẫy*", "*phát tiền*", "*phát quần áo*" v.v., ông Kso Kơk đã "chỉ đạo" cuộc nổi dậy của một số người thuộc các dân tộc ở Tây Nguyên để "*đòi lại đất đai của ông ta ở các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng và Kon Tum*". Ngay khi xảy ra biến động ở Tây Nguyên, nhà chức trách Hà Nội đã

THỜI SỰ ... TIN TỨC ... THỜI SỰ

thông báo tình hình cho đại sứ Hoa Kỳ ở Việt Nam, ông Peterson, biết và phản đối sự ủng hộ của Hoa Kỳ đối với Kso Kok cũng như việc Hoa Kỳ đồng ý cho 24 người Việt Nam từ Tây Nguyên vượt biên sang Cầm Pu Chia được tị nạn chính trị tại Hoa Kỳ, sau khi cuộc biến động tạm lắng xuống. Hà Nội coi hành vi đó của Hoa Kỳ là "can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam".

Hà Nội cũng thừa nhận một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến biến động Tây Nguyên là sự quan liêu, yếu kém, thiếu quan tâm đến cuộc sống của các dân tộc ở Tây Nguyên của chính quyền ở cơ sở. Qua biến động Tây Nguyên, một lần nữa Hà Nội nhấn mạnh đến "tính chiến lược của vấn đề dân tộc, sắc tộc" và coi vấn đề này là một trong những mục tiêu hiểm yếu của chế độ mà các "thế lực phản động và thù địch" luôn luôn nhắm vào.

Đồng lương nổi khổ không của riêng ai

Từ hàng chục năm nay, đồng lương của đại bộ phận người lao động, công chức ... ở Việt Nam đã thực sự trở thành "nổi khổ không của riêng ai". Đa số những người làm công ăn lương đã xác định lương do nhà nước cấp là "phụ", không quan trọng, không đủ nuôi sống gia đình và bản thân, "chỉ để chề, thuốc", còn khoản kiếm thêm bằng các nghề khác mới là thu nhập chính. Đã nhiều lần, dư luận xã hội chỉ ra nguyên nhân của "quốc nạn" tham nhũng, xuống cấp đạo đức là do chế độ tiền lương không hợp lý, không đủ để duy trì cuộc sống bình thường của người lao động, không tạo điều kiện cho họ sống lương thiện, chứ chưa nói đến việc tái sản xuất sức lao động và nâng cao chất lượng lao động và làm cho xã hội lành mạnh. Và, chế độ tài chính tiền lương ở Việt Nam là "rất kỳ quặc", trong khi trả lương "chỉ đủ cho 1/3, 1/4 nhu cầu cuộc sống, nhưng lại cho phép dùng đủ mọi cách để rút tiền công qui vô tội vạ", không coi việc "đầu tư cho lương là đầu tư cho phát triển kinh tế, xã hội" v.v.

Cùng đã nhiều lần, chế độ tiền lương ở Việt Nam được "cải cách", nhưng chỉ

nửa vời. Đồng lương vẫn chưa trở thành thu nhập chính của người lao động, chưa là "động lực thúc đẩy sản xuất". Vì vậy, Hà Nội đã đưa ra một kế hoạch hai năm 2001-2002 để cải cách tiền lương theo ba bước: đánh giá lại việc thực hiện chính sách tiền lương và trợ cấp từ năm 1993 đến nay, xây dựng các đề án tiền lương cho các lĩnh vực khác nhau và cuối cùng là triển khai thực hiện chính sách tiền lương mới. Tuy nhiên, sự thành bại của chính sách này trước hết phụ thuộc vào một yếu tố quan trọng là tỉ lệ tăng trưởng kinh tế hàng năm. Với tỉ lệ đó là 7%, Hà Nội cho rằng chính sách tiền lương mới là "khả thi".

Loại tội phạm mới ?

Những tưởng xã hội càng văn minh, thì tội phạm càng ít đi, nhưng không phải. Gần đây ở Việt Nam, khi số lượng máy điện thoại tăng lên nhanh chóng, thì cũng là lúc xuất hiện một loại hình tội phạm mới. Đó là "hành vi quấy rối qua điện thoại".

"Tôi thường nhận được những cuộc gọi vào lúc nửa đêm hoặc giữa trưa mà không biết ai gọi [...] Cứ nhắc mấy lần thì thấy im lặng hoặc tiếng huýt sáo, tiếng nhạc"; "một kẻ lạ thường xuyên dùng máy di động nhắn tin hết sức thô tục vào máy điện thoại của tôi, xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự và nhân phẩm của tôi [...] Tôi rất lo sợ người nhà của tôi mà đọc được những dòng tin này mà không hiểu và thông cảm cho tôi, thì hạnh phúc gia đình của tôi sẽ thế nào?" v.v. là một số ý kiến của các nạn nhân.

Đứng trước loại tội phạm này, hiện nay luật pháp đành bó tay vì chưa có điều khoản nào về nó. Dư luận xã hội đang hối thúc việc soạn thảo điều luật chống tội phạm này. Không biết việc cắt điện thoại hoặc gây nhiễu bằng cách mở nhạc, gây tiếng ồn, cản trở những cuộc điện đàm từ nước ngoài gọi về Việt Nam có được liệt vào loại tội phạm "quấy rối qua điện thoại không" ? Nếu đúng như thế, thì tình trạng "quấy rối" hiện nay ở trong nước không phải là mới !

Bất bình với cải cách giáo dục tiểu

học, một vụ trưởng "treo ấn, từ quan"

Tiến sĩ Nguyễn Kế Hào, vụ trưởng Vụ Tiểu học, bộ giáo dục và đào tạo, đã chính thức đệ đơn xin "treo ấn, từ quan". Đây là lần đầu tiên một vụ trưởng, mà lại là vụ trưởng của ngành đang được xã hội đặc biệt quan tâm là giáo dục tiểu học, xin từ chức, vì không đồng tình với chương trình cải cách giáo dục tiểu học của bộ giáo dục và đào tạo. Ông Nguyễn Kế Hào cho rằng, việc cải cách chương trình tiểu học diễn ra theo "chu trình ngược", chương trình và sách giáo khoa được biên soạn khi "chưa có một thiết kế tổng thể, một quan điểm lý luận rõ ràng, mang tính chiến lược" và "sẽ lặp lại vết xe đổ của cuộc cải cách năm 1981" v.v.

Không chỉ ông Hào có phản ứng quyết liệt đối với chương trình nói trên, mà còn có nhiều học giả khác trong và ngoài ngành giáo dục đã có ý kiến khuyến cáo chương trình cải cách là biến các em học sinh "thành vật thí nghiệm", như ý kiến của các giáo sư Nguyễn Văn Hiệu, Hồ Ngọc Đại, Văn Như Cương, Nguyễn Lân Dũng, Tô Duy Hợp v.v. Nhưng bộ giáo dục và đào tạo vẫn triển khai chương trình với những lý do: "điều kiện pháp lý đầy đủ" (quốc hội khóa 10 đã chuẩn y tại kỳ họp thứ 8), "tập hợp nhiều nhà khoa học, nhà giáo có tâm huyết và kinh nghiệm về giáo dục tiểu học", "điều kiện cơ sở vật chất tốt hơn".

Giới thiệu báo mới

Đàn Chim Việt

Nguyệt san thông tin, văn nghệ, bình luận, xuất bản tại Ba Lan từ hơn một năm nay

Địa chỉ liên lạc :
03-893 Warsaw
str. Bukowiecka 92/15

E-mail : chimviet@poczta.wp.pl
ĐT : 67 89 550 xin số 109
Fax : 67 89 943

Quyền khai thác các dược phẩm không bản quyền

Vụ 39 công ty sản xuất dược phẩm (SXDP) lớn nhất thế giới đưa đơn kiện chính phủ Nam Phi trước tòa án Nam Phi vì đã thông qua một dự luật cho phép các cơ quan chức năng hay sản xuất bản xứ nhập cảng dược phẩm "tương đương không bản quyền" (TDKBQ) đã kết thúc vì các công ty này đã rút đơn kiện và chịu thanh toán toàn bộ chi phí của vụ án. Sự kiện này đã được người dân Nam Phi nói riêng, dân chúng các nước nghèo và các tổ chức ngoài chính phủ chống Tổ chức Thương mại Thế giới nói chung, vui mừng và đánh giá như một chiến thắng của "người nghèo" đối với "người giàu". Các công ty SXDP đã phải nhượng bộ khi thấy thái độ trịch thượng của họ đang gây sự phản kháng ngày càng đông và mãnh liệt của thế giới nói chung. Thậm chí ngay một số cổ đông của những công ty này cũng phải thấy sự thất nhân tâm của thế "độc quyền chữa bệnh" của các công ty SXDP trong khi hiểm họa lan tràn bệnh sida ngày càng nguy kịch.

Từ khi Tổ chức Thương mại Thế giới được thành lập năm 1994, những quy định bảo vệ bản quyền đã giúp cho các đại công ty SXDP, tích lũy những lợi nhuận kếch xù. Các đại công ty này còn tìm cách khống chế giá cả thuốc tây trên thị trường quốc tế qua những kết hợp chiến lược trong quá trình toàn cầu hóa khiến cho các nước nghèo càng ngày càng gặp khó khăn trong việc phòng bệnh và chữa bệnh vì khả năng tài chánh quá eo hẹp. Mức lời của những đại công ty tính bằng cả chục tỷ đô la. Trong khi đó, từ 1993 đến 1999, trong khi doanh thu về thuốc tây đã gia tăng đáng kể tại Bắc Mỹ và ở mức độ thấp hơn tại Âu châu thì tại các nước Phi châu và Á châu, trừ Nhật Bản, doanh thu đã giảm sút. Đối với bệnh sida, các nhận xét còn đặc biệt bi quan người ta ước tính rằng 4/5 chi tiêu y tế của thế giới hiện chỉ phục vụ cho 1/5 nhân loại.

Trong hoàn cảnh này, hy vọng duy nhất của những nước nghèo là những dược phẩm TDKBQ với giá thành có thể thấp hơn ít nhất 3 lần so với những loại thuốc có đăng ký bản quyền. Năm

1994, Ba Tây đã khơi mào phong trào phản kháng của các nước nghèo khi cho sản xuất loại thuốc tương đương với thuốc AZT chống sida của hãng GlaxoWellcome bắt buộc hãng này phải hạ giá loại thuốc này từ 0,56 USD năm 1996 xuống 0,18 USD năm 2001. Hoa Kỳ đã kiện Ba Tây về việc này. Nhưng một số những nước nghèo khác như Ấn Độ, Thái Lan, đã theo chân Ba Tây sản xuất những loại thuốc TDKBQ.

Năm 1998, Thái Lan đã sản xuất loại thuốc chống viêm màng não do vi khuẩn *cryptococque* được xem như có liên hệ với bệnh sida, với hoạt chất fluconazole tương đương với thuốc Triflucan của hãng Mỹ Pfizer. Loại thuốc nội địa này bán ra với giá 4000 бат thay vì 12000 бат với thuốc Triflucan. Nhưng chỉ trong vòng 6 tháng sau, Thái Lan đã phải đình chỉ sản xuất vì Hoa Kỳ đe dọa đánh thuế nặng những sản phẩm mà Thái Lan xuất cảng sang Hoa Kỳ.

Các quốc gia nghèo đã kết hợp hành động với các tổ chức ngoài chính phủ, điển hình là tổ chức Y sĩ Không Biên giới, và với sự ủng hộ của một số nước tân tiến như Tây Ban Nha và Canada, đã ép buộc Tổ chức Thương mại Thế giới phải chấp nhận sửa đổi những quy định về bảo vệ bản quyền để được phép nhập cảng hay sản xuất các thuốc tây TDKBQ trong những trường hợp "nguy kịch y tế". Vào tháng 2 năm nay, các nước Âu châu đã không tiếp tục ủng hộ Hoa Kỳ khi Hoa Kỳ đưa đơn kiện Ba Tây về việc sản xuất dược phẩm TDKBQ. Ngay Ngân hàng Thế giới cũng đã phải lấy thái độ lên án sự mù quáng của các quốc gia tiên tiến.

Qua việc rút đơn kiện, các công ty SXDP mới chỉ chấp nhận cung cấp dược phẩm có tánh cách chiến lược với giá rẻ hơn và trong trường hợp sản lượng của họ không đủ đáp ứng nhu cầu, Nam Phi có thể nhập cảng những dược phẩm TDKBQ. Thực tế là hiện nay, số công ty sản xuất loại thuốc TDKBQ này còn hiếm và khả năng sản xuất còn giới hạn. Người ta ước lượng châu Phi phải cần đến từ 2 đến 10 tỷ USD để có hy vọng chặn đứng được bệnh sida mà hiện nay

Mục lục

1. *Nông Đức Mạnh tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam*

Thông Luận

2. *Đại hội 9 : những điều nổi bật*

Bùi Tín

4. *Người Tày và người Nùng tại Việt Nam*

Nguyễn Văn Huy

5. *Một chuyển hóa không thể được*

Nguyễn Gia Kiểng

9. *Tại sao Việt Nam không phát triển được ?*

Tôn Thất Thiện

13. *Giải quyết "chính tắc"*

Nguyễn Đan Quế

15. *Vấn đề phát triển bền vững Việt Nam*

Nguyễn Ngọc Hiệp

18. *Những điều chưa nói đằng sau một bài báo*

Chính Tâm

20. *Con ruồi*

Nguyễn Văn Hòa

23. *Nhật Bản trước ngã ba đường*

Diệp Tường Bảo

26. *Căng thẳng Mỹ-Hoa*

Nguyễn Mạnh Hùng

29. *Thời sự quốc tế*

30. *Thời sự Việt Nam*

32. *Quyền khai thác các dược phẩm không bản quyền*

Nguyễn Thành Nhân

Tìm lại *Thông Luận* và nhiều tiết mục khác trên mạng lưới web :

<http://www.thongluan.org>

lục địa này chỉ nhận được tổng số trợ cấp là 200 triệu USD. Nhưng ít ra tương quan lực lượng giữa các nước giàu và nước nghèo đang thay đổi một cách thuận lợi đem lại một chút hy vọng cho cuộc chiến phòng bệnh và chữa bệnh tại các nước nghèo.

Nguyễn Thành Nhân

Thông Luận 148 - Tháng 05.2001